TẠP CHÍ
PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số 177 tháng 4/2024
JOURNAL OF FIRE
ISSN 1859 - 4719



KỶ NIỆM 49 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2024)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY - BỘ CÔNG AN
UNIVERSITY OF FIRE PREVENTION AND FIGHTING - MINISTRY OF PUBLIC SECURITY

TẠP CHÍ
PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
Số 177 tháng 4/2024
JOURNAL OF FIRE
ISSN 1859 - 4719



KỶ NIỆM 49 NĂM GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (30/4/1975 - 30/4/2024)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY - BỘ CÔNG AN
UNIVERSITY OF FIRE PREVENTION AND FIGHTING - MINISTRY OF PUBLIC SECURITY



Trung tướng PGS, TS Lê Quang Bốn – Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC và các đại biểu chụp ảnh lưu niệm tại Hội thảo Hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm trong công tác PCCC&CNCH của 3 nước Việt Nam – Lào – Campuchia, ngày 28/3/2024, tại Đà Nẵng. *Ảnh: Khắc Lịch*



Các đồng chí lãnh đạo chụp ảnh lưu niệm tại Hội nghị Giao ban công tác Quý I năm 2024 các học viện, trường CAND tại Trường Đại học PCCC.
Ảnh: Anh Tuân

ISSN 1859 - 4719



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO BIÊN TẬP
PGS, TS. LÊ QUANG BỐN - Chủ tịch
TS. PHẠM VĂN NĂM - Phó Chủ tịch
PGS, TS. PHẠM VĂN LONG - Ủy viên
PGS, TS. LÊ QUANG HẢI - Ủy viên
PGS, TS. NGUYỄN THANH HẢI - Ủy viên
TS. LÃ XUÂN LỰC - Ủy viên
TS. NGUYỄN ĐỨC ÁNH - Ủy viên

TỔNG BIÊN TẬP
TS. PHẠM VĂN NĂM

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
Kiêm THƯ KÝ TÒA SOẠN
TS. PHẠM THỊ THOAN

TÒA SOẠN
243 Khuất Duy Tiến - Thanh Xuân - Hà Nội
ĐT/Fax: (04) 3553 7759
Email: tapchipccc@gmail.com
Website: daihocpccc.bocongan.gov.vn

THIẾT KẾ MỸ THUẬT
THÀNH THỊ PHƯƠNG NHUNG

In tại Công ty in Sao Việt
Địa chỉ: Số 9/40 Ngụy Như Kon Tum
Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội.

Giấy phép xuất bản số 453/GP-BTTTT
Bộ Thông tin và Truyền thông cấp
ngày 12/12/2023.

Ảnh bìa:
Kỷ niệm 49 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.
(30/4/1975 - 30/4/2024)

TRONG SỐ NÀY

SỐ 177, THÁNG 4/2024

ĐƯỜNG LỐI – CHÍNH SÁCH

5. LÊ QUANG BỐN: Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia của Trường Đại học PCCC.

PHONG TRÀO TOÀN DÂN TÍCH CỰC THAM GIA CÔNG TÁC PCCC

7. TRỊNH THẾ TUẤN: Xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH - Những vấn đề lý luận và thực tiễn.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG CÔNG TÁC PCCC

10. ĐẶNG NHƯ ĐỊNH: Công tác quản lý nhà nước về PCCC tại các xã biên giới trên địa bàn tỉnh An Giang.

13. ĐỖ THÀNH TRUNG: Quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy trong tình trạng đại dịch theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân

16. NGUYỄN ĐỨC VIỆT: Nâng cao hiệu quả công tác PCCC rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

19. DƯƠNG HOÀNG VIỆT: Quản lý nhà nước về PCCC&CNCH tại các nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

PHÁP LUẬT – NGHIỆP VỤ

23. VŨ HỮU QUÂN: Một số chú ý khi điều tra tại hiện trường vụ cháy xảy ra tại các quán karaoke.

NGHIÊN CỨU – TRAO ĐỔI

25. NGUYỄN THÀNH LONG: Nâng cao chất lượng nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an cấp huyện, Công an cấp xã trong công tác PCCC&CNCH trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.

28. LƯU NGỌC LONG - TRƯƠNG TẤT THẮNG: Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị góp phần tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên Công an ở Trường Đại học PCCC.

31. ĐINH NGỌC KHÁNH LINH - NGUYỄN THỊ LAN ANH: Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố.

35. NGUYỄN MẠNH HÙNG - PHÙNG THỊ MINH: Đánh giá một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật PCCC trên địa bàn xã Thanh Trù, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

43. LÊ VIẾT VŨ: Thực trạng hiểu biết về an toàn PCCC của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

48. NGÔ MẠNH THẮNG: Nghiên cứu cải tiến thiết bị kiểm tra đường ngắm nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy nội dung bắn súng tiểu liên AK trong môn học Giáo dục Quốc phòng cho học viên Trường Đại học PCCC.

ISSN 1859 - 4719



EDITORIAL DIRECTING COUNCIL
Assoc. Prof., Dr. LE QUANG BON – Chairman
Dr. PHAM VAN NAM – Member
Assoc. Prof., Dr. PHAM VAN LONG – Member
Assoc. Prof., Dr. LE QUANG HAI – Member
Assoc. Prof., Dr.NGUYEN THANH HAI – Member
Dr. LA XUAN LUC - Member
Dr. NGUYEN DUC ANH – Member

EDITORIAL DIRECTOR
Dr. PHAM VAN NAM

DEPUTY EDITOR
EDITORIAL SECRETARY
Dr. PHAM THI THOAN

OFFICE
No. 243 Khuat Duy Tien Str. Thanh Xuan Dist. Ha Noi
Tel/Fax: (024) 3553 7759
Email: tapchipccc@gmail.com
Website: daihocpccc.bocongan.gov.vn

DESIGNER
THANH THI PHUONG NHUNG

Printed at Sao Viet Company
No. 9/40 Nguy Nhu Kon Tum
Nhan Chinh - Thanh Xuan - Ha Noi

Publishing License
No.457/GP-BTTTT date 27/11/2013

Cover image:
Making the 49th anniversary of the Liberation of the South and National Reunification (30/4/1975 - 30/4/2024)

INDEX

Issue no 177, 4/2024

GUIDELINES - POLICIES

5. LE QUANG BON: The University of Fire Prevention and Fighting's training and retraining of cadres for Laos and Cambodia.

ALL PEOPLE'S ACTIVE PARTICIPATION IN FIRE PREVENTION AND FIGHTING

7. TRINH THE TUAN: Developing a model in the movement of "All people participating in fire and rescue": Theoretical and practical issues.

IMPROVING THE EFFICIENCY OF STATE MANAGEMENT OVER FIRE PREVENTION AND FIGHTING

10. DANG NHU DINH: State management of fire prevention and fighting in border communes in An Giang province.

13. DO THANH TRUNG: The state management on fire prevention and fighting during a pandemic according to the function of the People's Public Security Force.

16. NGUYEN DUC VIET: Improving the efficiency of forest fire prevention and fighting in Dong Nai province.

19. DU'ƠNG HOANG VIET: The state management on fire and rescue at apartment buildings in Hanoi city.

LAWS – PROFESSIONS

23. VU HUU QUAN: Some noteworthy points during an investigation at the scene of fires occurring at karaoke bars.

RESEARCH – EXCHANGE

25. NGUYEN THANH LONG: Raising the professional quality of the district-level and commune-level Fire and Rescue Police forces in performing fire and rescue operations in Hai Phong City.

28. LUU NGOC LONG – TRUONG TAT THANG: Improving the political theory subjects' teaching quality to contribute to strengthening professional ethics education for cadets at the University of Fire Prevention and Fighting.

31. DINH NGOC KHANH LINH – NGUYEN THI LAN ANH: Enhancing the system of statistical indicators of fire, explosion, accident, and incident.

35. NGUYEN MANH HUNG - PHUNG THI MINH: Evaluation of factors influencing fire law violating behaviors in Thanh Tru commune, Vinh Yen town, Vinh Phuc city.

43. LE VIET VU: The current status of National Economics University students' knowledge of Fire Safety.

48. NGO MANH THANG: A study to improve the aiming device to raise the teaching quality of AK rifle shooting course for cadets at the University of Fire Prevention and Fighting.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ CHO NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO VÀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC PCCC

Trung tướng, PGS,TS LÊ QUANG BỐN
Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: *Trong những năm qua, Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (PCCC) với vai trò là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học đầu ngành về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) đã được lãnh đạo Bộ Công an tin cậy giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ PCCC&CNCH cho Bộ Công an Lào, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia. Nhà trường luôn nhận thức rõ, đây là nhiệm vụ chính trị rất quan trọng, có ý nghĩa to lớn trong việc đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực PCCC, CNCH của Bộ Công an Lào, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia. Bài viết trình bày những kết quả đã đạt được, một số hạn chế và kiến nghị, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ PCCC&CNCH của Trường Đại học PCCC cho hai nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia.*

Từ khóa: *đào tạo, bồi dưỡng, Lào, Campuchia.*

Abstract: *In recent years, the University of Fire Prevention and Fighting (UFPF), a leading research and training center on fire and rescue, has been assigned the task of training fire and rescue cadres for the Ministry of Public Security of Laos and the Ministry of Interior of Cambodia by the leaders of the Ministry of Public Security. The university is always well aware that this is an important task to meet the needs of training fire and rescue human resources of the Ministry of Public Security of Laos and the Ministry of Interior of Cambodia. The article presents the UFPF's achieved results, limitations, and recommendations, proposing solutions to improve the effectiveness of training and retraining fire and rescue cadres for Laos and Cambodia.*

Keywords: *training, Laos, Cambodia.*

Ngày nhận bài: *20/3/2024;* ***Ngày thẩm định***: *25/3/2024;* ***Ngày duyệt đăng***: *05/4/2024.*

Trong những năm qua, thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo được Bộ Công an giao, Trường Đại học PCCC đã luôn cố gắng, tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho 02 nước: Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia. Nhà trường luôn xác định đây là vinh dự to lớn, góp phần vun đắp mối quan hệ hữu nghị, hợp tác lâu bền giữa Việt Nam với Lào và Campuchia. Những kết quả trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho Bộ Công an Lào và Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia đã góp phần tích cực vào việc phát triển quan hệ truyền thống láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện giữa nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia nói chung và công tác phối hợp giữa lực lượng Công an của ba nước nói riêng.

Từ khi thành thành lập năm 1976 đến nay, trải qua 48 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học PCCC đã tiếp nhận tổ chức đào tạo bồi dưỡng cán bộ cho Bộ Công an Lào từ năm 1988 (tính đến nay đã được 36 năm) và cho Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia từ năm 2006 (tính đến nay đã được 18 năm) ở nhiều cấp độ, trình độ đào tạo như: cao học, đại học, cao đẳng và bồi dưỡng ngắn hạn….Từ đó đến nay, nhà trường đã tiếp nhận và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho 160 học viên Bộ Công an Lào và 232 học viên Campuchia. Trong đó, đối với Bộ Công an Lào đã có 08 học viên tốt nghiệp cao học, 104 học viên tốt nghiệp trình độ đại học và cao đẳng; 20 cán bộ tham gia khóa bồi dưỡng ngắn hạn 02 tháng và hiện tại đang có 28 học viên đào tạo trình độ đại học tại trường. Đối với Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia đã có 15 học viên tốt nghiệp trình độ đại học, 140 cán bộ tham gia khóa bồi dưỡng ngắn hạn và hiện tại đang có 37 học viên đào tạo trình độ đại học tại trường. Bên cạnh việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Việt Nam, Trường Đại học PCCC cũng đã cử nhiều đoàn cán bộ, giáo viên, chuyên gia giàu kinh nghiệm sang giúp Lào, Campuchia xây dựng chương trình đào tạo; cung cấp máy tính, giáo trình, tài liệu dạy học phục vụ đào tạo cán bộ Cảnh sát PCCC cho bạn, đồng thời, trao đổi, chuyển giao những kinh nghiệm được đúc kết qua nhiều năm tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học để giúp bạn xây dựng và phát triển khoa học, kỹ thuật PCCC như hiện nay.

Trong quá trình đào tạo đối với học viên quốc tế, từ Ban Giám hiệu đến nhân viên phục vụ của nhà trường luôn coi trọng tình cảm hữu nghị, gắn bó, đoàn kết, gần gũi học viên Lào, Campuchia như anh em một nhà; tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp học viên Lào, Campuchia khắc phục mọi khó khăn trong ăn ở, sinh hoạt, học tập, tu dưỡng, rèn luyện. Đa số học viên Lào, Campuchia đã xác định được nhiệm vụ, chủ động chia sẻ,

khắc phục khó khăn nhất là sự bất đồng về ngôn ngữ, nhanh chóng hòa nhập vào các hoạt động chung của trường; yên tâm học tập, rèn luyện.

Học viên Lào, Campuchia được bố trí ăn ở riêng biệt với điều kiện tốt nhất. Quá trình học tập, rèn luyện, sinh hoạt, nhà trường luôn quan tâm, tổ chức các hoạt động giao lưu cùng với học viên Việt Nam nhân dịp các ngày lễ Quốc khánh, Tết Cổ truyền của nước bạn; tổ chức hội diễn văn nghệ, thi đấu giao hữu bóng đá, bóng chuyền; tổ chức đăng ký kết nghĩa giữa các đoàn học viên Lào, Campuchia và Việt Nam, giúp học viên ngoại quốc nhanh chóng hòa đồng với học viên Việt Nam tạo niềm tin yêu lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn, thuận lợi trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường luôn chú trọng đảm bảo thực hiện mục tiêu, đổi mới phương pháp, nội dung giảng dạy; ưu tiên đảm bảo cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập, nghiên cứu; bố trí đội ngũ giáo viên, học viên giúp đỡ học viên Lào, Campuchia trong các giờ tự học, tự nghiên cứu. Đối với các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, nhà trường phân công các giáo viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm giảng dạy. Trong thời gian học tập, hàng năm, nhà trường tổ chức cho học viên quốc tế đi thực tế, kết hợp tham quan các địa danh tại địa phương nhằm giúp học viên có kiến thức thực tế và tìm hiểu sâu hơn về văn hóa, đất nước và con người Việt Nam. Vì vậy, chất lượng học tập, rèn luyện, nghiên cứu khoa học từng bước được nâng lên, tỷ lệ học viên đạt thành tích cao trong học tập ngày càng tăng.

Kết quả học tập các khóa học, qua kiểm tra đánh giá 100% học viên đủ điều kiện hoàn thành khóa học và được tốt nghiệp theo quy định. Nhà trường cũng nhận được sự đánh giá cao của học viên về chất lượng khóa học, giúp cho học viên nâng cao được trình độ chuyên môn nghiệp vụ, học hỏi được nhiều kiến thức mới, bổ ích phục vụ hiệu quả cho hoạt động tại đơn vị công tác. Nhiều học viên sau khi tốt nghiệp, trải qua thực tiễn công tác đã trở thành cán bộ cao cấp, giữ các trọng trách quan trọng của Bộ Công an Lào và Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, qua thời gian triển khai tổ chức hợp tác đào tạo cán bộ cho Bộ Công an Lào, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia, Trường Đại học PCCC rút ra một số vấn đề còn tồn tại như sau: *(1)* Học viên Lào, Campuchia được cử tham gia học tập, bồi dưỡng có trình độ học vấn, chuyên môn không đồng đều, vị trí công tác khác nhau do đó việc tiếp nhận các kiến thức chuyên ngành về PCCC&CNCH cũng có khó khăn, hạn chế nhất định. *(2)* Đối với học viên các lớp đào tạo đại học chính quy, mặc dù đã được học dự bị tiếng Việt 01 năm tại Trường Văn hóa Bộ Công an, tuy nhiên, khả năng nghe và nói Tiếng Việt còn nhiều hạn chế do vậy ảnh hưởng đến quá trình học tập và tiếp thu kiến thức trên lớp và nghiên cứu tài liệu của học viên dẫn đến kết quả học tập chưa cao. *(3)* Đối với các lớp bồi dưỡng ngắn hạn học viên tham gia học tập phải qua phiên dịch, do không có chuyên môn trong lĩnh vực bồi dưỡng chuyên sâu nên nội dung dịch chưa đầy đủ, chưa rõ ý từ giáo viên giảng dạy do đó ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu kiến thức của học viên. *(4)* Số lượng học viên Lào, Campuchia mỗi khóa còn ít, chưa đủ điều kiện thành lập riêng một lớp; chưa có chương trình đào tạo riêng cho học viên Lào, Campuchia. *(5)* Trong học tập, sinh hoạt, một số học viên ngại giao tiếp, ngại trao đổi bằng tiếng Việt, cá biệt có học viên còn biểu hiện ngại học tập, rèn luyện.

Từ thực tế trên, trong thời gian tới, để nâng cao hiệu chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng học viên nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia, theo chúng tôi, cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, Bộ Công an Việt Nam và Bộ Công an Lào, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia cần ký kết văn bản hợp tác trong đào tạo cán bộ Công an nói chung, đào tạo cán bộ Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng. Nếu có thể, tăng chỉ tiêu đào tạo cán bộ Cảnh sát PCCC&CNCH cho Bộ Công an Lào, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia mỗi khóa có khoảng 20 chỉ tiêu đào tạo Đại học, đủ điều kiện thành lập một lớp học, để Trường Đại học PCCC tổ chức đào tạo thành lớp riêng cho học viên Lào, Campuchia. Bên cạnh đó, đề nghị phía Lào, Campuchia tăng cường cử cán bộ sang đào tạo trình độ Thạc sỹ, Tiến sỹ mỗi năm từ 02 đến 03 chỉ tiêu tại Trường Đại học PCCC; cử nhiều cán bộ sang học các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, chuyên sâu thời gian 03 đến 06 tháng tại Việt Nam.

Hai là, Bộ Công an Việt Nam cần phối hợp với Bộ Công an Lào, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia để nghiên cứu, xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng riêng cho học viên Lào, Campuchia đảm bảo phù hợp với đối tượng đào tạo, tình hình thực tế, đặc điểm đặc thù công tác PCCC&CNCH ở nước bạn. Quá trình xây dựng phải dựa trên cơ sở đáp ứng yêu cầu kiến thức của từng loại hình đào tạo, bồi dưỡng, trong đó tập trung vào những kiến thức cốt lõi, thiết thực, chú trọng rèn luyện tay nghề phù hợp với tình hình, đặc điểm và yêu cầu đối tượng học viên Lào, Campuchia tham gia đào tạo, bồi dưỡng.

Ba là, tích cực nghiên cứu biên soạn, hoàn chỉnh hệ thống giáo trình, tài liệu để phục vụ giảng dạy, học tập cho học viên Lào, Campuchia. Đổi mới nội dung, hình thức, tăng cường việc đi nghiên cứu, khảo sát thực tế tại các đơn vị Cảnh sát PCCC&CNCH, tại các địa bàn cơ sở cho học viên Lào, Campuchia. Nghiên cứu, báo cáo, đề xuất lãnh đạo Bộ Công an cử một số đoàn của Trường Đại học PCCC sang phối hợp với Bộ Công an Lào, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia để khảo sát thực tế, nắm tình hình, xây dựng chương trình, đào tạo bồi dưỡng về PCCC cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH của nước bạn. Tăng cường trao đổi thông tin, quan hệ hợp tác về đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn giữa lực lượng PCCC&CNCH của ba nước.

Bốn là, tổng kết, rút kinh nghiệm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Cảnh sát PCCC&CNCH cho Bộ Công an Lào, Bộ Nội vụ Vương quốc Campuchia để tìm ra những khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế, từ đó có định hướng, giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cho học viên Lào, Campuchia. Tiếp tục đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, bồi dưỡng cho học viên Lào, Campuchia. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý học viên Lào, Campuchia, giúp học viên nhận thức được vai trò, trách nhiệm của bản thân và phát huy tính tự giác trong học tập, rèn luyện cũng như tích cực tham gia vào các hoạt động phong trào chung của nhà trường. Tăng cường tổ chức các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan thực tế cho học viên; chú trọng và tăng cường tiết học để bồi dưỡng tiếng Việt cho học viên Lào, Campuchia trong quá trình học tập, bồi dưỡng.■

XÂY DỰNG MÔ HÌNH TRONG PHONG TRÀO TOÀN DÂN THAM GIA PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Đại úy, ThS TRỊNH THẾ TUẤN
Công an quận Hoàn Kiếm - Công an TP Hà Nội

Tóm tắt: *Cùng với quá trình phát triển kinh tế, xã hội, các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) ngày càng hoàn thiện và phát triển, tuy nhiên, hệ thống lý luận còn thiếu; đồng thời, quá trình thực hiện còn mang tính tự phát, hình thức, chưa có sự thống nhất và quy định cụ thể. Bài viết trên cơ sở làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH hiện nay; từ đó, đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác này trong thời gian tới.*

Từ khoá: *mô hình, xây dựng phong trào, PCCC, CNCH.*

Abstract: *Along with the socio-economic development, models in the movement of "All people participating in fire and rescue" are increasingly improved. However, the theories related to this issue are inadequately clarified, and the implementation process is still spontaneous, performative, inconsistent, and short of specific regulations. The article is based on clarifying some theoretical and practical issues of developing models in the current movement of "All people participating in fire and rescue"; accordingly, some solutions are proposed to improve the efficiency of this work in the future.*

Keywords: *model, developing movement, fire and rescue.*

Ngày nhận bài: *18/12/2023;* ***Ngày thẩm định***: *15/01/2024;* ***Ngày duyệt đăng***: *05/4/2024.*

1. Hoạt động PCCC&CNCH là hoạt động mang tính xã hội rộng lớn, thực hiện có hiệu quả hoạt động này sẽ góp phần quan trọng cho sự phát triển bền vững kinh tế, xã hội của đất nước. Trong đó xác định, xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH là một trong những nhiệm vụ chiến lược, có vị trí, vai trò quyết định đến hiệu quả của hoạt động này. Trong công tác xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH, để nhân lên sức mạnh của mỗi cá nhân khi được tuyên truyền giác ngộ, có ý thức, tự nguyện tham gia bảo vệ an ninh, trật tự nói chung, trong đó có bảo đảm an toàn về PCCC&CNCH thì việc tập hợp, liên kết lại thành một khối, một tổ hoặc cùng hành động hướng tới một mục đích chung; bồi dưỡng, huấn luyện, trang bị kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, cổ vũ, động viên, khích lệ họ hoạt động có một vị trí, vai trò, tầm quan trọng hết sức to lớn. Đó là những nội dung cơ bản của công tác xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH. Thực tiễn cho thấy, các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH đã được thực hiện từ lâu, tuy nhiên, qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn việc xây dựng, tổ chức thực hiện còn nhiều vấn đề cần được trao đổi phân tích và hoàn thiện hơn.

2. Hiện nay, thuật ngữ mô hình được sử dụng khá phổ biến, gần như trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội. Mỗi lĩnh vực lại có những cách hiểu và diễn đạt khác nhau về mô hình, tùy thuộc vào phạm vi, đối tượng nghiên cứu cần hướng tới. Theo Đại Từ điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Văn hoá - thông tin, năm 1998, "Mô hình được hiểu như sau: (1) Vật thu nhỏ một vật khác đã có trong thực tế hoặc làm khuôn mẫu để tạo ra cái mới trong thực tế; (2) Khuôn mẫu đã có sẵn, theo đó tạo ra cái tương tự; (3) Hình thức diễn đạt theo đặc trưng, khuôn mẫu nhất định trong một ngôn ngữ" [5]. Theo Từ điển Tiếng Việt, Viện Ngôn ngữ, Nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2015, xác định: Mô hình "là vật mẫu thu nhỏ mô phỏng cấu tạo của một vật thể khác đã có trong thực tế, hoặc làm mới để tạo ra những vật thể mới khác. Mô hình là kiểu mẫu làm thử, để coi đó mà làm ra cái khác" [4]. Theo Từ điển Tiếng Việt thông dụng của Trung tâm Từ điển học, Nhà xuất bản Đà Nẵng, năm 2009: Mô hình là vật cùng hình dạng nhưng làm thu nhỏ lại nhiều, mô phỏng cấu tạo và hoạt động của một vật thể khác để trình bày, nghiên cứu hoặc mô hình là hình thức diễn đạt hết sức gọn các đặc trưng chủ yếu của một đối tượng ấy [3].

Việc phân loại mô hình cũng rất phong phú tùy theo góc nhìn của nhà nghiên cứu. Nếu căn cứ vào sự vận động, có thể có mô hình tĩnh, mô hình động. Nếu căn cứ vào lĩnh vực, có thể có mô hình toán học, mô hình vật lý, mô hình kinh tế, văn hoá, xã hội.... Nếu căn cứ khả năng quan sát trực quan, có thể phân loại: mô hình vật thể và mô hình khái niệm. Mô hình vật thể là mô hình có thể nhìn thấy một cách trực quan như mô hình một toà nhà, một cây cầu, một khu dân cư.... Mô hình khái niệm chỉ có thể hình dung qua các khái niệm mô tả hoặc mô phỏng

chủ thể mà mô hình đó đại diện bằng sơ đồ, biểu đồ… như: mô hình tổ chức của một xã hội, một cơ quan, đơn vị,…

Trên cơ sở tìm hiểu về thuật ngữ mô hình và thực tiễn việc tổ chức xây dựng các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH thời gian qua, có thể khái quát, như sau: *Mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH là hình mẫu về cách thức tổ chức của các cơ quan, tổ chức, cơ sở, hộ gia đình, cá nhân trong phạm vi, địa bàn cụ thể hoạt động theo những mục tiêu, nội dung, hình thức, cơ chế hoạt động nhất định nhằm bảo đảm an toàn về PCCC&CNCH góp phần bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.*

Qua khái niệm cho thấy, các đặc trưng cơ bản của mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH, như: (1) Là hình mẫu về cách thức tổ chức của các cơ quan, tổ chức, cơ sở, hộ gia đình, cá nhân trong một phạm vi, địa bàn được xác định cụ thể. Theo đó, mô hình có thể được hình thành từ một hộ gia đình; một khu dân cư; tổ dân phố; một cơ quan, đơn vị; một khu, cụm công nghiệp hoặc một cơ sở.… (2) Mỗi một mô hình có nội dung, hình thức hoạt động nhất định nhằm mục tiêu bảo đảm an toàn về PCCC&CNCH góp phần bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội. (3) Mỗi một mô hình có cơ chế hoạt động cụ thể nhưng phải trên tinh thần cơ chế chung của công tác xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, đó là: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trật Tổ quốc và các đoàn thể phối hợp; các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện; lực lượng Công an nhân dân nói chung và lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng làm tham mưu, nòng cốt.

Trên cơ sở nhận thức rõ bản chất của "Mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH", việc xây dựng và triển khai mô hình này cần thực hiện các bước cơ bản như sau:

Xác định loại hình, đặt tên cho mô hình. Căn cứ vào thực tiễn tình hình công tác PCCC&CNCH ở địa phương, các chủ thể xem xét, quyết định có cần thiết phải xây dựng mô hình hay không, nếu có thì đặt tên cụ thể cho mô hình (có thể tham khảo các địa phương có sự tương đồng về hoàn cảnh kinh tế, xã hội hoặc các mô hình tiêu biểu đã được tổng kết, đánh giá và thông báo trên các phương tiện thông tin, truyền thông).

Ban hành chủ trương xây dựng mô hình. Sau khi các chủ thể thống nhất về việc cần thiết xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH, cấp ủy, chính quyền ban hành chủ trương (thường là nghị quyết, thông tri, chỉ thị), chương trình, kế hoạch xây dựng để chỉ đạo cấp ủy đảng, chính quyền, lực lượng Công an nhân dân mà nòng cốt là lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cùng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện.

Tổ chức tuyên truyền: giới thiệu về mục đích, nhiệm vụ, phương thức hoạt động, hình thức động viên, khích lệ, khen thưởng,… một cách công khai, rộng rãi trong quần chúng nhân dân. Tổ chức công tác tuyên truyền cho việc xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH nhằm thu hút sự chú ý, đồng tình ủng hộ của nhân dân đối với chủ trương đã thống nhất triển khai thực hiện.

Tổ chức họp bàn, thảo luận, lấy ý kiến giữa Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an cấp tỉnh với Công an các quận, huyện, thị xã trên địa bàn quản lý. Trên cơ sở đó, lựa chọn cơ quan, tổ chức, cơ sở, hộ gia đình, cá nhân làm nòng cốt để triển khai thí điểm mô hình.

Cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, ban hành nội quy, quy chế hoạt động; tổ chức tập huấn hoặc hội nghị quán triệt: về nội dung, quy chế, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp hoạt động và những quyền hạn của tổ chức trong mô hình (nếu có); bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ, pháp luật cho các thành viên; trang bị phương tiện, vật chất cần thiết cho mô hình hoạt động.

Tổ chức ra mắt và đưa mô hình đi vào hoạt động: đây là thủ tục cần thiết vừa mang tính chất tuân thủ pháp luật, vừa động viên khích lệ các thành viên tham gia hoạt động trong mô hình. Đồng thời gắn trách nhiệm, nghĩa vụ của các thành viên với mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH mà mình tham gia.

Việc xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH cần lưu ý một số điểm sau: mô hình xây dựng phải thiết thực, tránh hình thức, chạy theo số lượng, làm giảm sút lòng nhiệt tình của quần chúng nhân dân khi tham gia; sau khi các mô hình được xây dựng, cần có sự quan tâm chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, tạo điều kiện về mọi mặt; tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mô hình; thường xuyên tổ chức rà soát đánh giá, để có kế hoạch củng cố, nhân rộng kinh nghiệm tốt, củng cố nâng cao chất lượng hoạt động của các mô hình hoạt động kém hiệu quả, xoá bỏ các mô hình hoạt động yếu kém, không hiệu quả.

Trong những năm qua, bên cạnh việc kiện toàn tổ chức bộ máy của lực lượng Công an nhân dân nói chung và lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH nói riêng, công tác xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH luôn được Công an các đơn vị, địa phương quan tâm, chú trọng. Theo thống kê của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, đến nay, cả nước đã thực hiện, xây dựng, phát triển, nhân rộng 3.964 mô hình điểm, 14.413 điển hình tiên tiến về PCCC&CNCH để phát huy phương châm "bốn tại chỗ" [2]. Công tác xây dựng mô hình an toàn PCCC tại các khu dân cư được đẩy mạnh và hoạt động hiệu quả như: mô hình "Khu dân cư an toàn PCCC" được 29 địa phương triển khai thực hiện; mô hình "Tổ dân phố, thôn an toàn PCCC" được 12 địa phương triển khai; mô hình "Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại đạt chuẩn về PCCC" được 09 địa phương triển khai; mô hình "cụm cơ quan, doanh nghiệp an toàn PCCC" được 08 địa phương triển khai; đồng thời, 63/63 địa phương đã tập trung xây dựng và duy trì hoạt động của mô hình "Tổ liên gia an toàn PCCC", "Điểm chữa cháy công cộng", kết quả đến hết tháng 10/2023 xây dựng được 44.259 mô hình "Tổ liên gia an toàn PCCC" và 52.063 mô hình "Điểm chữa cháy công cộng" [1].

Bên cạnh đó, xác định các hạt nhân nòng cốt của việc xây dựng các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trên toàn quốc đã tham mưu, hướng dẫn chính quyền các cấp và các cơ quan chức năng xây dựng và duy trì hoạt động của lực lượng Dân phòng. Theo thống kê, hiện nay toàn quốc đã thành lập 80.559 Đội Dân phòng trên tổng số 103.568 thôn (đạt tỷ lệ 77,7%) với 824.184 thành viên. Trung bình mỗi đội có biên chế 10 thành viên. Trong tổng số Đội Dân phòng được thành lập có 55.499 đội thành lập theo quy định của Luật PCCC (đạt 68%); 32% các Đội Dân phòng còn lại được thành lập từ các lực lượng: Bảo vệ Dân phố 6.261 đội, Công an xã bán chuyên

trách 2.946 đội, Dân quân tự vệ 2.122 đội và các lực lượng khác 13.731 đội [1]. Hàng năm, lực lượng này đã phát hiện và dập tắt kịp thời trên 50% tổng số vụ cháy xảy ra, góp phần ngăn chặn cháy lan, cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng.

Nhìn chung, các hạt nhân nòng cốt tại các cơ quan, tổ chức, cơ sở, hộ gia đình, cá nhân đã góp phần tích cực tham gia các hoạt động PCCC&CNCH tại địa bàn, cơ sở, đặc biệt là tham gia xây dựng các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH. Cùng với việc xây dựng các điển hình tiên tiến, các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH được xây dựng ngày càng đa dạng, phong phú và phù hợp với thực tiễn khu vực, đơn vị, cơ sở và điều kiện kinh tế, xã hội, nhất là những khu vực, địa bàn trọng điểm về PCCC&CNCH. Tuy nhiên, quá trình xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH còn một số hạn chế, bất cập: công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức xây dựng mô hình có lúc, có nơi chưa quyết liệt, chạy theo số lượng, có mô hình còn hình thành tự phát nên hoạt động thiếu tính ổn định, thiếu tính bền vững; công tác kiểm tra, hướng dẫn, đầu tư hỗ trợ kinh phí hoạt động chưa được quan tâm đúng mức; cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý về công tác xây dựng phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH nói chung, xây dựng mô hình, điển hình tiên tiến trong phong trào nói riêng chưa đầy đủ, đồng bộ;…

3. Trên cơ sở Kết luận số 44-KL/TW ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng "về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới"; Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCCC; Luật PCCC, các Nghị định của Chính phủ và hướng dẫn chỉ đạo của Bộ Công an về xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc nói chung, trong đó có phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH. Đồng thời, từ thực tiễn công tác xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH thời gian qua, để các mô hình được xây dựng và hoạt động hiệu quả, Công an các đơn vị địa phương mà nòng cốt là lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cần chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, hướng dẫn các cơ quan, ban, ngành, tổ chức chính trị, xã hội làm tốt một số nội dung sau:

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể và nhân dân đối với công tác PCCC&CNCH, trong đó lấy lực lượng Công an nhân dân làm nòng cốt trong chỉ đạo, tổ chức, tham gia xây dựng các mô hình. Theo đó, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an các đơn vị địa phương hàng năm cần tham mưu cho Ban Giám đốc Công an tỉnh trình UBND tỉnh ban hành kế hoạch cụ thể việc xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH trên địa bàn quản lý. Văn bản chính là cơ sở để tổ chức xây dựng, rà soát, kiểm tra, đánh giá và nhân rộng các mô hình hoạt động thực chất và đạt hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Chú trọng nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện cơ chế hoạt động của mô hình; lựa chọn, bồi dưỡng quần chúng nhiệt tình, trách nhiệm, có sức khoẻ để làm hạt nhân, nòng cốt trong quá trình triển khai xây dựng mô hình. Tiếp tục tham mưu, đề xuất chính quyền địa phương các cấp quan tâm, đầu tư kinh phí mạnh mẽ hơn nữa trong tổ chức các hoạt động PCCC&CNCH nói chung, trong đó có công tác xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở, lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành góp phần thực hiện hiệu quả phương châm bốn tại chỗ tại khu dân cư, tổ dân phố và cơ sở.

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn nữa giữa Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an cấp tỉnh với Công an cấp huyện và các ban, ngành, tổ chức chính trị, xã hội tại địa phương đối với công tác xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH, trong đó cần thống nhất về các chỉ tiêu, cách thức tổ chức khi xây dựng mô hình một cách rõ ràng, cụ thể trên cơ sở đặc thù của mỗi địa phương. Mỗi đơn vị, ngành, tổ chức chính trị, xã hội cần quan tâm chỉ đạo triển khai các mô hình, hưởng ứng phong trào phù hợp với tính chất, đặc điểm của ngành mình, tổ chức mình để vận động quần chúng nhân dân tham gia.

Thường xuyên rà soát, đánh giá, phân loại, sơ kết, tổng kết để có kế hoạch xây dựng, củng cố, nhân rộng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH, tránh hình thức chạy theo thành tích. Đồng thời, tổng kết, rút kinh nghiệm và làm tốt công tác nhân rộng các điển hình tiên tiến, thi đua khen thưởng để động viên các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đối với công tác xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH.

Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện lý luận về công tác xây dựng mô hình trong phong trào Toàn dân tham gia PCCC&CNCH. Trong đó, cần có văn bản quy định thống nhất về khái niệm, quy trình xây dựng mô hình mới, loại bỏ mô hình kém hiệu quả; tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động; hồ sơ, thủ tục làm cơ sở để Công an các đơn vị, địa phương thực hiện thống nhất trên toàn quốc.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2022), *Báo cáo số 1773/BC-BCA-C07 ngày 03/11/2023 của Bộ Công an về tình hình, kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg và các công điện của Thủ tướng Chính phủ về công tác PCCC*, Hà Nội.

2. Bộ Công an (2023), *Đề án số 10/ĐA-BCA-C07 ngày 15/3/2023 của Bộ Công an về xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*, Hà Nội.

3. Trung tâm Từ điển học (2009), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, Nxb Đà Nẵng.

4. Viện ngôn ngữ học (2015), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Hồng Đức.

5. Nguyễn Như Ý (1998), *Đại Từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hoá - thông tin.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TẠI CÁC XÃ BIÊN GIỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Thượng tá, TS ĐẶNG NHƯ ĐỊNH
Trưởng Phòng Quản lý học viên, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: *An Giang là một tỉnh biên giới tiếp giáp với campuchia, có tới 18 xã biên giới và hầu hết trong số đó là xã trọng điểm về an ninh trật tự. Vì vậy, để góp phần đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh, bài viết phân tích đánh giá thực trạng, làm rõ những tồn tại hạn chế, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) tại các xã biên giới trên địa bàn tỉnh An Giang.*

Từ khóa: *quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy, xã biên giới, An Giang.*

Abstract: *An Giang is a border province adjacent to Cambodia, with 18 border communes, most of which are key communes for security and order. Therefore, to contribute to ensuring security and order in the province, this article examines the current situation, clarifies limitations and causes, and proposes solutions to improve the efficiency of state management on fire prevention and fighting in the border communes in An Giang province.*

Keywords: *state management on fire prevention and fighting, border communes, An Giang province.*

Ngày nhận bài: *05/3/2024*; ***Ngày thẩm định***: *07/3/2024*; ***Ngày duyệt đăng***: *05/4/2024.*

1. Một số đặc điểm có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy tại các xã biên giới trên địa bàn tỉnh An Giang

An Giang là tỉnh ở miền Tây Nam Bộ, thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, một phần nằm trong vùng Tứ giác Long Xuyên có diện tích tự nhiên 3.424km^2 (353.676ha), dân số 1.907.401 người (theo thống kê năm 2019); là tỉnh biên giới có nhiều dân tộc và tôn giáo, có đường biên giới dài 104km tiếp giáp nước Campuchia, với 18 xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) biên giới thuộc 05 huyện, thị, thành phố (Thành phố Châu Đốc, thị xã Tân Châu, thị xã Tịnh Biên, huyện Tri Tôn và huyện An Phú) trong đó có 14 xã thuộc diện trọng điểm về an ninh trật tự [3]. Các xã biên giới của tỉnh An Giang đều có đặc điểm chung là xã đồng bằng, với mật độ sông ngòi dày đặc, điều kiện kinh tế khó khăn, tình hình an ninh, trật tự khá phức tạp. Biên giới ngăn cách giữa Việt Nam và Campuchia tại các xã chủ yếu là sông ngòi và đồng ruộng. Khí hậu gồm 02 mùa rõ rệt. Mùa mưa, thường xuất hiện giông lốc với cường độ mạnh và gây ra nhiều vụ tốc mái, sập nhà, đổ cột điện dẫn tới chập cháy. Mùa khô, các nơi ở lưu vực mỗi năm đều phải trải qua một đợt hạn hán có cường độ và thời gian xảy ra khác nhau. Mưa thường không xuất hiện trong thời gian dài, thời tiết hanh khô khiến nguy cơ xảy ra cháy cao.

Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn các xã biên giới của tỉnh An Giang còn lạc hậu, chậm phát triển chưa đảm bảo điều kiện an sinh xã hội. Phần lớn người dân đi làm thuê tại các khu công nghiệp, dịch vụ ở các tỉnh, thành phố lớn (Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai...). Tập quán sinh hoạt của người dân chủ yếu tập trung dọc theo bờ sông, kênh, rạch trên những căn nhà sàn đây là những loại nhà dễ cháy và cháy lan nhanh. Đồng thời, thói quen sinh hoạt, đun nấu của người dân đa số còn sử dụng củi, bếp gas, đặc biệt là bếp gas mini (với bình gas đã cũ, tái sử dụng nhiều lần) nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây cháy nổ. Bên cạnh đó là mặt bằng trình độ dân trí còn thấp, tỉ lệ người dân không biết chữ còn khá cao, dẫn đến nhận thức pháp luật của người dân còn rất hạn chế, dễ bị lôi kéo, kích động. Vì vậy, công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự nói chung và quản lý nhà nước về PCCC nói riêng tại các xã biên giới trên địa bàn tỉnh An Giang gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc và cần phải được các cấp chính quyền địa phương quan tâm chỉ đạo kịp thời.

2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy tại các xã biên giới tỉnh An Giang

Theo thống kê hiện nay, trên địa bàn 18 xã biên giới của tỉnh An Giang có 307 cơ sở thuộc danh mục Phụ lục IV, 21 khu dân cư và khu dân cư có nguy cơ cháy nổ cao đã được phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 và Quyết định số 2319/QĐ-CAT-PC07 ngày 16/6/2021 của Giám đốc Công an tỉnh An Giang. Tuy nhiên, thực tế công tác quản lý nhà nước về PCCC tại các xã biên giới chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, hiệu quả chưa cao. Chính quyền địa phương không chỉ

thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự trong nội địa xã mà còn thực hiện cả nhiệm vụ đảm bảo an toàn, an ninh tuyến biên giới. Các nguồn lực của địa phương bị phân tán cho nhiều mảng, lĩnh vực khác nhau đang nổi cộm như: buôn lậu, tội phạm ma túy, tội phạm hình sự, các vấn đề dân tộc, tôn giáo... nhằm làm trong sạch địa bàn, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Trong năm 2023 và quý I năm 2024, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh An Giang mới tổ chức kiểm tra được 275 lượt cơ sở; xây dựng và thực tập được 47 phương án chữa cháy; tuyên truyền về PCCC được 385 buổi. Đồng thời, cho đến nay trên địa bàn 18 xã cũng mới thành lập được 73 Đội PCCC Dân phòng, 72 tổ liên gia an toàn PCCC…[4],[5].

Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác quản lý nhà nước về PCCC nhưng lại không được tập huấn bài bản về lĩnh vực này. Hàng năm, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh tổ chức từ 2 đến 3 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người đứng đầu UBND các xã nhưng thời lượng không nhiều, chỉ từ 1 đến 2 ngày. Với thời lượng ngắn như vậy, việc truyền tải đầy đủ, chi tiết các kiến thức, kỹ năng về PCCC theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC là rất khó khăn. Điều này dẫn tới thực trạng một bộ phận lãnh đạo các UBND xã chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình, xem nhẹ công tác PCCC, đồng thời coi đây là nhiệm vụ của riêng lực lượng Công an xã. Cùng với vấn đề này, các văn bản triển khai công tác PCCC từ cấp Bộ xuống cấp Tỉnh, cấp Huyện và chỉ đạo trực tiếp lực lượng Công an xã thực hiện. Số lượng các văn bản chỉ đạo về công tác PCCC trong một năm rất nhiều, nhưng số lượng văn bản gửi trực tiếp UBND cấp xã lại rất hạn chế.

Đồng thời, tại địa bàn các xã trên cả nước nói chung và các xã biên giới của tỉnh An Giang nói riêng, công tác PCCC tuy được phân cấp cho UBND các xã nhưng công tác này thường được giao cho lực lượng Công an xã tham mưu và tổ chức thực hiện. Thực tế phần lớn các xã chưa được bố trí cán bộ Công an chính quy tốt nghiệp tại Đại học PCCC về công tác. Điều này khiến cho chất lượng tham mưu của Công an cấp xã chưa đảm bảo. Ngoài ra, biên chế tại Công an các xã biên giới còn rất hạn chế (thường chỉ từ 5 đến 8 đồng chí Công an chính quy) nhưng khối lượng công việc của Công an cấp xã là rất nhiều nên một đồng chí phải kiêm nhiệm nhiều mặt công tác khác nhau. Do không có nghiệp vụ chuyên môn sâu về lĩnh vực PCCC nên mặt công tác này được triển khai còn mang tính hình thức, chưa thực sự đảm bảo về mặt chất lượng.

Bên cạnh đó, nguồn ngân sách dành cho các xã còn hạn hẹp, trong khi tại các xã biên giới còn tồn tại nhiều vấn đề trong nhiều lĩnh vực cần phải chi ngân sách để giải quyết tình hình trước mắt đang nổi cộm. Điều này khiến cho ngân sách dành cho công tác PCCC tại địa phương chưa thể được đầu tư đúng mức cần thiết. Thực trạng khó khăn này dẫn tới các mặt công tác mới chỉ được triển khai rất hình thức, đối phó, không đạt hiệu quả. Điển hình như việc tổ chức thành lập các Đội PCCC Dân phòng còn mang tính hình thức, hầu hết các đội chưa được trang bị đầy đủ phương tiện cần thiết theo quy định tại Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020, chế độ chính sách cho Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng thực hiện chưa kịp thời theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân.

Với thực tế về nhận thức pháp luật của người dân tại các xã biên giới còn nhiều hạn chế thì khi triển khai các chủ trương, chính sách về PCCC tới người dân chưa nhận được sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình. Một bộ phận người dân tỏ ra không hài lòng và tìm cách né tránh các quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, đời sống, kinh tế của người dân còn gặp nhiều khó khăn, nên việc xử phạt đối với các hành vi vi phạm rất khó thực hiện. Thực tế, có nhiều xã trong một năm không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nào trong lĩnh vực PCCC mặc dù hầu hết các cơ sở đều có tồn tại, vi phạm quy định về PCCC. Các lỗi vi phạm phổ biến thường là: chưa lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy, chữa cháy, chưa xây dựng phương án chữa cháy của cơ sở theo mẫu số PC17, lực lượng PCCC cơ sở chưa được tập huấn và cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ PCCC&CNCH, chưa niêm yết nội quy, tiêu lệnh PCCC theo quy định, hệ thống dây dẫn, thiết bị điện chưa đảm bảo an toàn theo quy định, chưa trang bị phương tiện chữa cháy tại chỗ. Mặc dù vậy, theo báo cáo kết quả tổng rà soát kiểm tra về PCCC&CNCH năm 2022 của Công an tỉnh, tổng số cơ sở do UBND xã quản lý trên toàn tỉnh là 12.033 cơ sở nhưng số cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC chỉ là 10 cơ sở với số tiền 2,6 triệu đồng, trong đó, không có cơ sở thuộc địa bàn xã biên giới bị xử phạt dù có tồn tại, vi phạm [6].

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy tại các xã biên giới tỉnh An Giang

Để kịp thời khắc phục những hạn chế, khó khăn trong công tác quản lý nhà nước về PCCC tại các xã biên giới trên địa bàn tỉnh An Giang, thời gian tới địa phương cần nghiên cứu, thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH cần tích cực tham mưu cho Công an tỉnh để tham mưu UBND tỉnh trong việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành công tác PCCC&CNCH phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Nội dung các văn bản chỉ đạo cần chỉ rõ, nêu cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu UBND cấp huyện, cấp xã trong việc thực hiện quản lý nhà nước về PCCC&CNCH trong phạm vi được giao phụ trách. Đồng thời, với vai trò là cơ quan tham mưu về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực PCCC&CNCH tại địa phương, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH xây dựng, hoàn thiện và ban hành hệ thống các biểu mẫu, hướng dẫn chi tiết theo chức năng quản lý nhà nước về PCCC&CNCH của UBND cấp xã để giúp cho các xã thuận lợi trong việc thực hiện và hoàn thành các mặt chỉ tiêu công tác. Ngay sau khi có các thay đổi về quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an địa phương cần nhanh chóng tham mưu, xây dựng văn bản hướng dẫn chi tiết và phổ biến đến từng UBND các xã để nắm và thực hiện.

Hai là, nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn về PCCC cho người đứng đầu và lực lượng trực tiếp thực hiện công tác PCCC tại địa phương. Tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP

quy định trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã trong việc thực hiện các mặt công tác quản lý nhà nước về PCCC. Do đó, hiệu quả công tác PCCC tại địa phương được quyết định rất nhiều bởi các chủ trương, chính sách tại địa phương do người đứng đầu UBND cấp xã ban hành, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Để giúp cho người đứng đầu UBND các xã có thể hiểu rõ trách nhiệm của mình và có đủ kiến thức, kỹ năng về lĩnh vực PCCC, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH cần tham mưu Ban Giám đốc Công an tỉnh đề xuất phối hợp với Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, Trường Đại học PCCC xây dựng kế hoạch mở các lớp tập huấn cơ bản, chuyên sâu dài ngày hơn cho nhóm đối tượng này. Các lớp tập huấn cần đảm bảo cung cấp đầy đủ kiến thức pháp luật, kiến thức chuyên môn và kỹ năng về PCCC để người đứng đầu các xã, có thể chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng, đủ các nội dung theo quy định của pháp luật. Cụ thể gồm: Các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với các cơ sở thuộc Phụ lục IV của Nghị định 136/2020/NĐ-CP; nội dung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về đảm bảo an toàn PCCC đối với các cơ sở; phương pháp và biện pháp tuyên truyền, vận động, xây dựng phong trào Toàn dân PCCC; các nguy cơ xảy ra cháy nổ và phương pháp, biện pháp phòng cháy và chữa cháy cơ bản; các phương tiện chữa cháy cơ bản… Cùng với đó, để có thể nâng cao chất lượng tham mưu về lĩnh vực PCCC cho địa phương, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH địa phương cần tổ chức các lớp tập huấn cơ bản, chuyên sâu, cập nhật kiến thức kể trên cho cán bộ Công an chính quy các xã được giao nhiệm vụ thực hiện công tác PCCC. Đặc biệt, khi có các thay đổi về quy định của pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về PCCC, cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH các địa phương phải tổ chức ngay lớp tập huấn để phổ biến, trực tiếp hướng dẫn các xã triển khai, thực hiện.

Ba là, thực hiện nghiêm túc công tác thanh tra, kiểm tra, làm rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu UBND các xã trong công tác PCCC tại địa phương. Sau khi đã tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn các xã thực hiện công tác PCCC. Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH cần tham mưu cho Công an tỉnh để tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát việc thực hiện các mặt công tác của các UBND xã. Đặc biệt, chú trọng kiểm tra, thanh tra, đánh giá trách nhiệm của người đứng đầu các UBND xã trong công tác tổ chức thực thi pháp luật về PCCC, đảm bảo an toàn PCCC trong phạm vi được giao quản lý. Đối với các trường hợp thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ, thiếu trách nhiệm cần có biện pháp nhắc nhở, kiểm điểm, xử lý phù hợp để đảm bảo tính răn đe, cảnh tỉnh. Xem xét, nghiên cứu để sớm đưa công tác PCCC thành một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện bộ tiêu chí 19.2 (Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên).

Bốn là, địa phương cần lập kế hoạch, đầu tư kinh phí, vận động, xã hội hóa tìm các nguồn đầu tư cho công tác PCCC tại địa phương. UBND xã phải xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách hợp lý, trong đó cần bố trí ngân sách phục vụ công tác PCCC tại địa phương. Đồng thời, các xã biên giới có điều kiện khó khăn thường nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của các nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội. Các cấp, các ngành từ xã, huyện, tỉnh nơi có xã biên giới, trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự cần có phương án, chính sách vận động các nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội hỗ trợ địa phương trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng và phương tiện PCCC cho người dân trên địa bàn. Khi người dân nhận thức được tầm quan trọng của công tác PCCC trong việc bảo vệ tính mạng, tài sản của mình thì họ sẽ tự giác tham gia công tác này đồng thời luôn chú ý đảm bảo an toàn PCCC tại nơi ở, nơi làm việc.

Năm là, huy động các ban, ngành, tổ chức chính trị, xã hội, tôn giáo chung tay phối hợp trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng, các chủ trương, chính sách, pháp luật về PCCC tới người dân. UBND xã là cơ quan được phân cấp quản lý nhà nước về PCCC, Công an xã là cơ quan tham mưu, thường trực, trực tiếp làm công tác này. Nhưng để đạt được hiệu quả thực sự thì cần có sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị, xã hội, tôn giáo. Do đặc điểm của các xã biên giới tỉnh An Giang không chỉ đa dạng về dân tộc mà còn có sự đa dạng và phức tạp cả về tôn giáo, các tôn giáo phổ biến gồm: Hồi giáo (đồng bào dân tộc Chăm), Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Phật giáo. Đặc điểm chung của các tôn giáo là người đứng đầu các giáo hội là người có uy tín cao, có tầm ảnh hưởng tới suy nghĩ, hành động của những người trong tôn giáo. Chính vì vậy, khi triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động tại các cộng đồng tôn giáo, sự tham gia, ủng hộ của những người có uy tín sẽ mang lại hiệu quả cao. Trước hết, UBND xã, Công an xã cần tuyên truyền, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức của những người có uy tín trong các cộng đồng dân tộc, tôn giáo để họ có thể hỗ trợ tốt nhất cho việc triển khai tuyên truyền sâu rộng tới toàn dân. Bên cạnh đó, UBND các xã cần ban hành các văn bản chỉ đạo đối với các ban, ngành, tổ chức chính trị, xã hội trên địa bàn xã phối hợp cùng lực lượng Công an xã triển khai các mặt công tác PCCC tại địa bàn đạt hiệu quả.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2020), *Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy*, Hà Nội.

2. Thủ tướng Chính Phủ (2022), *Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã giai đoạn 2021 - 2025).*

3.https://www.angiang.dcs.vn/Lists/thoisu01/DispForm.aspx?ID=12&PageIndex=6 (Truy cập ngày 18/3/2024).

4. Báo cáo kết quả công tác năm 2023 của Công an các huyện An Phú, Tri Tôn, Tân Châu, thị xã Tịnh Biên, thành phố Châu Đốc.

5. Báo cáo kết quả công tác năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh An Giang.6. Báo cáo kết quả tổng rà soát, kiểm tra về PCCC&CNCH năm 2022 của Công an tỉnh An Giang.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TRONG TÌNH TRẠNG ĐẠI DỊCH THEO CHỨC NĂNG CỦA LỰC LƯỢNG CÔNG AN NHÂN DÂN

Thiếu tá, TS ĐỖ THÀNH TRUNG
Khoa Quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, Học viện An ninh Nhân dân

***Tóm tắt**: Quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy (PCCC) trong tình trạng đại dịch là hoạt động quản lý có tính đặc thù. Từ thực tiễn quản lý nhà nước về PCCC đã triển khai trong đại dịch COVID-19, bài viết khái quát một số nhận thức cơ bản và đề xuất giải pháp bảo đảm hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC trong tình trạng đại dịch theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân.*

***Từ khóa:** quản lý nhà nước, phòng cháy, chữa cháy, đại dịch.*

***Abstract**: State management of fire prevention and fighting in a pandemic situation is a unique management activity. Based on the practice of state management of fire prevention and fighting during the COVID-19 pandemic, the article summarizes some basic perceptions and proposes solutions to ensure effective state management of fire prevention and fighting in the pandemic situation according to functions of the People's Public Security force.*

***Keywords**: state management, fire prevention and fighting, pandemic.*

***Ngày nhận bài**: 15/02/2024; **Ngày thẩm định**: 06/3/2024; **Ngày duyệt đăng**: 05/4/2024.*

1. Tình trạng đại dịch là trạng thái xã hội khi cơ quan y tế có thẩm quyền chính thức công bố về việc tồn tại và theo dõi diễn biến của một hoặc một số loại bệnh truyền nhiễm mới, lây lan nhanh trên diện rộng, gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng, tác động tiêu cực tới kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng của mỗi quốc gia cũng như cộng đồng quốc tế. Tình trạng đại dịch có những đặc điểm cơ bản như diễn biến nhanh, bất thường, khó kiểm soát; tác động trực diện, trực tiếp, mạnh mẽ tới tất cả các mặt của đời sống xã hội; có các giai đoạn, cấp độ khác nhau và có sự chuyển hoá giữa các giai đoạn, cấp độ tương đối phức tạp. Đặc điểm này đã tác động mạnh mẽ đến các nhiệm vụ PCCC nói chung, quản lý nhà nước (QLNN) về PCCC nói riêng.

Thực tế trong 3 năm (từ năm 2020 đến năm 2022) diễn ra đại dịch COVID-19, tình hình cháy nổ vẫn luôn có những diễn biến phức tạp. Theo thống kê từ Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, trong năm 2020 trên toàn quốc xảy ra 5.354 vụ và 33 vụ nổ, tổng số người chết 89 người, bị thương 184 người. Tại thành thị xảy ra 1.443 vụ, khu vực nông thôn xảy ra 1.321 vụ. Năm 2021, toàn quốc xảy ra 2.245 vụ cháy, làm chết 85 người, bị thương 130 người, tài sản thiệt hại sơ bộ ước tính 374,42 tỷ đồng và khoảng 3.670ha rừng.... Năm 2022, toàn quốc xảy ra 1.745 vụ cháy, làm chết 109 người, bị thương 82 người, tài sản thiệt hại sơ bộ ước tính 592,72 tỷ đồng. So với năm 2021, giảm 500 vụ (-22,27%), tăng 24 người chết (+28,24%), giảm 48 người bị thương (-36,92%), tài sản thiệt hại sơ bộ ước tính tăng 218,30 tỷ đồng. Toàn quốc xảy ra 16 vụ nổ, làm 10 người chết, bị thương 26 người. So với năm 2021, giảm 05 vụ (-23,81%), giảm 02 người chết (-16,67%), tăng 11 người bị thương (+73,33%). Trong cả giai đoạn đại dịch, về loại hình xảy ra cháy: nhà ở riêng lẻ xảy ra 1.768 vụ; kho, cơ sở sản xuất, chế biến kinh doanh khác xảy ra 1.415 vụ; phương tiện giao thông xảy ra 615 vụ; nhà ở kết hợp kinh doanh xảy ra 477 vụ; chợ xảy ra 24 vụ; nhà chung cư xảy ra 21 vụ; trụ sở làm việc, văn phòng, cơ quan xảy ra 38 vụ; trung tâm thương mại, siêu thị cửa hàng bách hóa xảy ra 47 vụ; nhà máy điện, trạm biến áp xảy ra 22 vụ; cơ sở giáo dục xảy ra 10 vụ; vũ trường, bar, karaoke xảy ra 18 vụ; cơ sở y tế xảy ra 09 vụ; cảng, nhà ga, bến xe xảy ra 02 vụ; loại hình khác xảy ra 627 vụ và 527 vụ cháy rừng [2].

Nguyên nhân xảy ra cháy, nổ về cơ bản được các lực lượng chức năng xác định gắn với sự gia tăng về nhu cầu sử dụng điện. Điển hình là sử dụng các dịch vụ trực tuyến như: học online, video call hay mua sắm online

của người dân tăng mạnh. Cùng với điều kiện thời tiết oi bức, nắng nóng, nhu cầu sử dụng các thiết bị làm mát công suất lớn, tiêu thụ điện cao như: điều hoà, quạt máy, tủ lạnh... tăng đột biến từ 30 - 50%. Đã có nhiều hộ gia đình trang bị thêm các thiết bị điện này mà quên tính toán đến sự an toàn của mạng lưới điện trong gia đình nên dễ dẫn đến hiện tượng quá tải, chập mạch, làm tăng nguy cơ xảy ra các vụ cháy, nổ. Hơn nữa, ý thức PCCC nói chung và ý thức an toàn PCCC trong sử dụng điện nói riêng của đa số người dân còn chưa cao. Người dân cũng thường có tâm lý chủ quan, thường câu móc, đấu nối điện tùy tiện, cứ cần thêm một ổ cắm là cắt dây ở bất cứ đâu để nối vào dẫn đến nguy cơ đường dây bị quá tải và có khả năng gây chập cháy. Đối với các cơ sở sản xuất, trung tâm thương mại, dịch vụ, nguyên nhân cháy, nổ là do tác động của đại dịch COVID-19, nhiều cơ sở sản xuất phải ngừng hoạt động trong một thời gian dài, việc thực hiện bảo đảm điều kiện an toàn PCCC tại đơn vị, doanh nghiệp và cơ sở bị gián đoạn, không thường xuyên. Khi trở lại trạng thái bình thường mới, các cơ sở sản xuất, kinh doanh hoạt động trở lại sẽ chủ yếu tập trung vào sản xuất, lơ là việc thực hiện các giải pháp về PCCC. Bên cạnh đó là các nguyên nhân khác về kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ chữa cháy, CNCH còn nhiều bất cập, lạc hậu. Cá biệt, một số nơi cấp ủy, chính quyền, doanh nghiệp và người dân chưa nhận thức đầy đủ, có tư tưởng chủ quan, chấp hành không nghiêm các quy định của pháp luật về PCCC&CNCH.

2. Để tổ chức QLNN về PCCC trong tình trạng đại dịch COVID-19, các cơ quan chức năng, chủ trì là lực lượng Cảnh sát PCCC đã tiến hành đồng bộ, kịp thời nhiều biện pháp. Trọng tâm là tăng cường công tác rà soát theo phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà" để nắm tình hình, nhất là địa bàn trọng điểm về PCCC&CNCH tại các khu dân cư, hộ gia đình xây dựng nhà ở kết hợp kinh doanh, sản xuất, nhà trọ trên từng địa bàn để có biện pháp quản lý hiệu quả, không để bỏ sót, bỏ lọt cơ sở. Tổ chức tổng rà soát, kiểm tra các cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC theo quy định của pháp luật, kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm quy định an toàn về PCCC&CNCH, nhất là vi phạm quy định về lối thoát nạn, trang bị không đầy đủ phương tiện PCCC&CNCH; những công trình chưa được nghiệm thu về PCCC nhưng đã đi vào hoạt động.... Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền về PCCC&CNCH bằng các hình thức phù hợp với thực tế từng địa bàn, khu dân cư, chú trọng hướng dẫn kỹ năng thoát hiểm, thoát nạn cho người dân khi có cháy, nổ, sự cố, tai nạn xảy ra. Thường xuyên tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng cho chủ cơ sở nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, chủ nhà trọ, người quản lý và người thuê trọ; qua đó trang bị những kiến thức cơ bản về phòng cháy, xử lý các tình huống, giảm thiểu thiệt hại khi có cháy xảy ra. Tổ chức tốt lực lượng, phương tiện thường trực, tiếp nhận thông tin, huy động lực lượng kịp thời xử lý các vụ cháy, nổ, sự cố, tai nạn, không để xảy ra cháy lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản. Xây dựng và triển khai lực lượng, biện pháp sẵn sàng theo phương án chữa cháy, phương án CNCH tại các khu dân cư, khu cách ly tập trung, khu công nghiệp, khu kinh tế, các cơ sở sản xuất, kinh doanh có tính nguy cơ cháy, nổ cao.

Trên cơ sở đó, công tác QLNN về PCCC trong tình trạng đại dịch đã đạt đươc nhiều kết quả quan trọng. Lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và nhân dân khống chế kịp thời nhiều vụ cháy, không để xảy ra cháy lan, cháy lớn. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, QLNN về PCCC trong tình trạng đại dịch COVID-19 vẫn bộc lộ một số khó khăn bất cập như: khó khăn trong kiểm soát các nguy cơ cháy, nổ tại hộ gia đình trong bối cảnh phải giãn cách xã hội dài ngày, người dân ở nhà đông; nguy cơ cháy nổ tại các khu cách ly tập trung, các khu công nghiệp, khu kinh tế lớn vẫn tiềm ẩn lớn; việc phân cấp quản lý cơ sở đối với Công an các cấp đang được đẩy mạnh nhưng ở nhiều địa phương lực lượng Công an xã chưa được đào tạo về nghiệp vụ PCCC&CNCH do đó hướng dẫn cơ sở chấp hành các quy định về PCCC&CNCH còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, cần có sự hướng dẫn hoặc tham gia cùng của các cấp có chuyên môn như Công an cấp huyện, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH do đó còn thụ động trong công việc. Đồng thời gây áp lực thêm cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và các đơn vị có chuyên môn. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật PCCC&CNCH trong bối cảnh giãn cách, cách ly xã hội khi xảy ra tình trạng đại dịch còn gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, cần có giải pháp tổng thể, đồng bộ để nhanh chóng, kịp thời khắc phục, hạn chế tối đa các nguy cơ cháy, nổ, nâng cao hiệu quả QLNN về PCCC trong trường hợp tiếp tục xảy ra đại dịch khác trong tương lai.

3. Để bảo đảm hiệu quả QLNN về PCCC trong tình trạng đại dịch theo chức năng của lực lượng CAND, cần tập trung làm tốt một số nhiệm vụ sau đây:

Một là, tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCCC trong tình trạng đại dịch. Theo đó, chú trọng và ưu tiên sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến PCCC; quy chuẩn kỹ thuật địa phương về PCCC đối với một số loại hình cơ sở đặc thù của mỗi địa phương; quy định về trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức công tác PCCC, chế độ, chính sách hỗ trợ cho lực lượng làm công tác PCCC&CNCH tương xứng với tính chất, yêu cầu nhiệm vụ; có chính sách cụ thể để khuyến khích, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia hoạt động PCCC. Từ đó, tạo tiền đề, cơ sở để huy động nhanh chóng, kịp thời mọi nguồn lực phục vụ công tác PCCC khi xảy ra tình trạng đại dịch. Đặc biệt là

trong các tình huống đột xuất, bất ngờ, giãn cách xã hội diện rộng, ban bố tình trạng khẩn cấp.

Hai là, tập trung hoàn thiện hệ thống phương án, kế hoạch PCCC, ứng phó cứu nạn, cứu hộ trong tình trạng đại dịch, nhất là khi phải áp dụng các biện pháp giãn cách toàn xã hội, ban bố tình trạng khẩn cấp về dịch bệnh. Trong đó, cần chú trọng các giải pháp trong phương án PCCC đối với các địa bàn, công trình trọng điểm quốc gia, khu dân cư tại các thành phố lớn, khu đô thị, khu công nghiệp, khu thương mại có nguy cơ cháy, nổ cao, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các khu cách ly tập trung đông người, khu giam giữ. Đồng thời cần có giải pháp phát huy hiệu quả sức mạnh, nguồn lực theo phương châm "bốn tại chỗ" để phù hợp với điều kiện, bối cảnh giãn cách xã hội, phòng chống dịch bệnh. Đặc biệt cần chú trọng phát huy vai trò của mô hình "Tổ liên gia bảo đảm an toàn PCCC", "Điểm chữa cháy công cộng", gắn nhiệm vụ bảo đảm an toàn PCCC vào hoạt động của các mô hình "Tổ liên gia tự phòng, tự quản" để tăng tính chủ động và linh hoạt trong quá trình xử lý, ứng phó khi xảy ra sự cố về cháy nổ.

Ba là, chú trọng xây dựng lực lượng, tăng cường tổ chức đào tạo, chủ động trang bị và phương tiện PCCC ngay trong điều kiện bình thường. Trong đó, trọng tâm là bám sát Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/3/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiêm vụ trong tình hình mới và Đề án số 19/ĐA-BCA ngày 10/7/2023 về tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy bên trong của Công an đơn vị, địa phương tinh, gọn, mạnh để tiếp tục xây dựng, kiện toàn lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, tiến lên hiện đại, tinh thông về pháp luật, nghiệp vụ, kỹ thuật, chiến thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Bố trí phù hợp lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH ở các địa bàn trọng điểm, mở rộng mạng lưới bảo đảm bám địa bàn, bám cơ sở, chú trọng phân công, phân cấp việc thực hiện các mặt công tác nghiệp vụ giữa Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an cấp tỉnh và Công an cấp huyện để tránh chồng chéo trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Tiếp tục tham mưu Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương quan tâm, đầu tư ngân sách xây dựng cơ sở vật chất, trang bị phương tiện và các điều kiện bảo đảm công tác PCCC&CNCH; phối hợp các đơn vị liên quan lập và hoàn thiện quy hoạch hạ tầng về PCCC giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 9/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác PCCC&CNCH; có chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng, phát triển hạ tầng, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, sản xuất phương tiện, thiết bị PCCC&CNCH trong nước. Từ đó, tạo cở sở vững chắc cho tổ chức PCCC khi xảy ra tình trạng đại dịch và các tình huống đột xuất, bất ngờ khác.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra ngay trước thời điểm dịch bệnh có diễn biến phức tạp, phải áp dụng các biện pháp cách ly, giãn cách xã hội diện rộng. Trong đó, chú trọng kiểm tra, giám sát, kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác PCCC&CNCH tại các bộ, ngành, địa phương. Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra PCCC&CNCH; xử lý dứt điểm các công trình đang tồn tại vi phạm pháp luật về PCCC; tiếp tục công khai các dự án, công trình vi phạm quy định về PCCC trên phương tiện thông tin đại chúng. Kiên quyết tạm đình chỉ, đình chỉ công trình, dự án đang triển khai có vi phạm pháp luật về phòng cháy cho đến khi khắc phục hoàn toàn các sai phạm; chấm dứt tình trạng đưa cơ sở, công trình xây dựng vào sử dụng khi chưa được nghiệm thu về PCCC. Thực hiện việc bố trí, di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa, hóa chất độc hại, nguy hiểm, có nguy cơ cháy, nổ cao ra khỏi khu dân cư, nơi đông người theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về PCCC và xem xét trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế về PCCC. Trong đó, chú trọng tăng cường hợp tác quốc tế về trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn về PCCC&CNCH; phối hợp nghiên cứu ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực PCCC&CNCH với các nước để tăng cường nguồn lực dự phòng, sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả với các tình huống đột xuất, bất ngờ xảy ra trong tình trạng đại dịch.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an, *Báo cáo Tổng kết thực hiện công tác PCCC các năm 2020;2021;2022 của Bộ Công an*, Hà Nội.

2. Đỗ Thành Trung (2021), *Quản lý nhà nước về an ninh trong tình trạng đại dịch theo chức năng của lực lượng CAND*, Đề tài Khoa học cấp Bộ, Mã số: BNV.2021.V03.041.

3. Quốc hội (2001, 2013), *Luật PCCC* năm 2001 (sửa đổi bổ sung năm 2013).

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

Thượng tá, TS NGUYỄN ĐỨC VIỆT
Trưởng Khoa Phòng cháy, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: *Đồng Nai là một tỉnh nằm trong khu vực Đông Nam Bộ, có diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng lớn. Trong những năm qua, tình trạng cháy rừng vẫn còn xảy ra, gây thiệt hại về tài nguyên rừng và ảnh hưởng đến môi trường. Bài báo đưa ra thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy và chữa cháy rừng (PCCCR) trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

Từ khóa: *Phòng cháy và chữa cháy rừng.*

Abstract: *Dong Nai is a province located in the Southeast region, with a large area of natural forests and planted forests. In recent years, forest fires have still occurred, causing damage to forest resources and affecting the environment. The article presents the current situation and proposes some solutions to improve the effectiveness of forest fire prevention and fighting in Dong Nai province.*

Keywords: *Forest fire prevention and fighting.*

Ngày nhận bài: *28/02/2024;* ***Ngày thẩm định***: *07/3/2024;* ***Ngày duyệt đăng***: *05/4/2024.*

1. Theo thống kê của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai, năm 2023, tỷ lệ che phủ cây xanh trên địa bàn tỉnh đạt 52%, tỷ lệ che phủ rừng đạt hơn 28% [8]. Toàn tỉnh có 3 loại rừng bao gồm rừng đặc dụng (98.135,58ha), rừng phòng hộ (33.297,15ha) và rừng sản xuất (26.607,71ha). Các loại rừng tại tỉnh Đồng Nai có các đặc điểm như: rừng tự nhiên chủ yếu là kiểu rừng lá rộng thường xanh, rừng lá rộng thường xanh nửa rụng lá, rừng hỗn giao lồ ô - gỗ và rừng tre nứa thuần loài. Phân bố chủ yếu tại các huyện phía Bắc của tỉnh (Vĩnh Cửu - Định Quán - Tân Phú); rừng trồng phần lớn là các diện tích rừng trồng phòng hộ và rừng sản xuất, các loại cây trồng chủ yếu là: keo lá tràm, keo lai, tếch, sao, dầu, gõ đỏ, gõ mật… Các khu vực này phân bố gần và xen kẽ với các khu dân cư, thực bì vào mùa khô nhiều nên tiềm ẩn nguy cơ cháy rất cao [8].

Rừng ở Đồng Nai có ý nghĩa lớn trong phát triển kinh tế, an ninh, quốc phòng. Phần lớn diện tích rừng của Đồng Nai là đặc dụng, phòng hộ xung yếu và rất xung yếu, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc phòng hộ đầu nguồn của các công trình thủy điện quốc gia và của tỉnh, góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững kinh tế xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng.

Tuy nhiên, thời gian qua, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường khiến nhiều diện tích rừng ở Đồng Nai có nguy cơ bị thiêu rụi và đe dọa nghiêm trọng đến thảm thực vật rừng, ảnh hưởng tới phát triển kinh tế - xã hội, môi trường, khí hậu. Đã có nhiều vụ cháy rừng xảy ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gây thiệt hại lớn về tài nguyên rừng và môi trường, đòi hỏi phải có những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCCCR trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2.Theo thống kê của Chi cục Kiểm lâm Đồng Nai, trong thời gian qua đã xảy ra nhiều vụ cháy rừng gây hậu quả nghiêm trọng, điển hình như: Tháng 02/2010, xảy ra cháy rừng hỗn giao tre nứa tại tiểu khu 83, 81- Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tân Phú - huyện Định Quán gây thiệt hại 0,816ha rừng; Tháng 02/2010 xảy ra cháy rừng trồng Sao, Dầu tại Khu trung tâm Trung tâm lâm nghiệp Biên Hòa - TP Biên Hòa gây thiệt hại 0,88ha rừng; Ngày 19/4/2011 xảy ra cháy rừng mới trồng tại khoảnh 3, tiểu khu 133, khu vực Trạm Kiểm lâm Đá Dựng - Phân khu Hiếu Liêm thuộc Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn Hóa Đồng Nai gây thiệt hại 0,15ha rừng; Ngày 13/3/2012, xảy ra cháy lớp thực bì dưới tán rừng trồng tại rừng trồng sản xuất của hộ gia đình tự đầu tư tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành thuộc quản lý của Ban Quản lý Rừng phòng hộ Long Thành gây thiệt hại 0,54ha rừng; Ngày 28/02/2013, xảy ra cháy rừng trồng hỗn giao Sao, Dầu, giáng Hương tại tiểu khu 92 - Khu Bảo tồn Thiên nhiên - văn hóa Đồng Nai, huyện Vĩnh Cửu gây thiệt hại 0,33ha rừng; Tháng 02/2016 - 4/2016 xảy ra cháy 09 vụ cháy rừng trồng keo lai tại TP Biên Hòa, huyện Vĩnh Cửu và huyện Nhơn Trạch gây thiệt hại 9,46ha rừng; Tháng 4/2017, xảy ra 02 vụ cháy ở núi Chứa chan và Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú gây thiệt hại 1,12ha rừng; Tháng 02,3/2020 xảy ra cháy rừng trồng keo lai tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai gây thiệt hại 5,2ha rừng.

Nguyên nhân gây cháy rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thời gian qua chủ yếu do yếu tố thời tiết và hoạt động của con người.

Về yếu tố thời tiết: do thường xuyên chịu ảnh hưởng khô hạn và thời tiết ấm dần lên do tác động của hiện tượng El Nino gây ra, nền nhiệt trung bình trong nhiều năm trở lại đây đều cao hơn trung bình các năm trước đó, cứ năm sau nắng nóng lại gay gắt hơn năm trước, trong khi lượng mưa lại ngày càng thiếu hụt khiến thời tiết trở nên nắng nóng, khô hạn kéo dài. Trong khi đó, do mục đích phát triển kinh tế, rừng trồng ở Đồng Nai thường là các loại bạch đàn, keo là những loại cây

rụng nhiều lá khô, thân cây khô, tầng thảm mục dày, các vật liệu cháy tinh dễ bắt lửa và cháy đượm [5, 6].

Về yếu tố hoạt động của con người: theo thống kê các hoạt động sản xuất và xã hội của con người là nguyên nhân chính gây các vụ cháy rừng tại Đồng Nai. Cháy rừng do con người gây ra chủ yếu do nhận thức, ý thức và sự bất cẩn. Người dân vẫn giữ thói quen đốt thực bì, đốt cỏ khô, rơm rạ, phế liệu… gần rừng, bất cẩn để lửa cháy lan không kiểm soát được. Hoặc do vào rừng khai thác gỗ, củi vô ý để lại các vật liệu bắt lửa như than củi, tàn thuốc… vào những tầng thực bì dễ cháy [5, 6].

3. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có chỉ thị yêu cầu các Sở, Ban, Ngành, địa phương tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật Lâm nghiệp 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Chỉ thị số 13-CT/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ và Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 7549/UBND-CNN ngày 02/8/2017 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện Thông tri số 12-TT/TU ngày 20/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tập trung vào trách nhiệm và sự phối hợp giữa các đơn vị trong toàn tỉnh nhằm tăng cường công tác bảo vệ rừng và PCCC rừng vào mùa khô [9].

Toàn tỉnh Đồng Nai đã củng cố, kiện toàn và thành lập 58 Ban Chỉ huy PCCCR cấp huyện và cấp xã với 763 thành viên, thành lập 192 tổ, PCCCR với 1.821 đội viên; xây dựng 15 bản đồ và 36 phương án tác chiến để kịp thời ứng phó khi xảy ra sự cố. Các đơn vị chủ rừng đã kiện toàn, thành lập 9/9 Ban Chỉ huy cấp chủ rừng, 5/5 tiểu ban PCCCR và 76 tổ, đội PCCCR với 620 đội viên; lập 17 phương án tác chiến, 41 bản đồ tác chiến chữa cháy rừng tại các khu vực rừng thuộc phạm vi mình quản lý.

Lực lượng phối hợp trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR chủ yếu và thường xuyên là Công an và dân quân tự vệ theo nghị định 133/2015/NĐ-CP ngày 28/12/2015 quy định việc phối hợp của dân quân tự vệ với các lực lượng trong hoạt động bảo vệ biên giới, biển, đảo; bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và PCCCR. Các lực lượng liên ngành (Kiểm lâm, Công an, Quân đội) đã thực hiện tốt quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ rừng, PCCCR; có các phương án bảo đảm lực lượng, vật tư, trang thiết bị và hậu cần, thường trực, sẵn sàng phối hợp các lực lượng ứng phó, xử lý các tình huống cấp bách trong bảo vệ rừng và PCCCR; thường xuyên kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

Việc ký cam kết về công tác bảo vệ rừng và PCCCR ở những diện tích rừng trồng nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng còn gặp nhiều khó khăn và tỷ lệ chưa cao do không tìm được chủ thể của diện tích rừng trồng. Phần lớn các vụ cháy tuy xác định được nguyên nhân gây cháy, nhưng chưa truy tìm được thủ phạm để xử lý theo quy định của pháp luật, do vậy không có tác dụng răn đe giáo dục trong cộng đồng [5, 6].

Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức PCCCR cho nhân dân được thực hiện dưới nhiều hình thức như họp dân tại các thôn bản, tuyên truyền miệng và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi. Nội dung tuyên truyền trọng tâm là Luật Bảo vệ và Phát triển rừng 2004 và Luật Lâm nghiệp 2017 cùng các văn bản dưới luật, tổ chức ký cam kết bảo vệ rừng với các hộ gia đình, xây dựng quy ước bảo vệ rừng thôn (bản), xây dựng bảng cấp dự báo cháy rừng, các bảng tin, biển cấm lửa...

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của cộng đồng chưa sâu rộng, thường xuyên, do vậy chưa nâng cao được nhận thức của người dân với công tác PCCCR. Công tác nắm địa bàn kiểm tra đôn đốc của Ban Chỉ đạo bảo vệ rừng, PCCCR cơ sở và một số chủ rừng chưa thường xuyên trong việc phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện công tác PCCCR trên diện tích được giao; việc điều chỉnh diện tích rừng và đất lâm nghiệp của các địa phương, các công ty, các đơn vị chủ rừng phù hợp với quy hoạch 3 loại rừng nhiều khi chưa kịp thời; việc đầu tư kinh phí mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho công tác PCCCR ở cấp huyện, xã nhiều khi chưa được quan tâm.

Toàn tỉnh đã tổ chức tập huấn, huấn luyện và thực hành kỹ thuật chữa cháy rừng cho tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng - PCCCR ở các thôn (bản). Xây dựng các Tổ Bảo vệ rừng ở các thôn (bản), củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo ở 3 cấp tỉnh, huyện, xã. Tăng cường cán bộ kiểm lâm về địa bàn xã. Tổ chức theo dõi, cảnh báo nguy cơ cháy rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức diễn tập PCCCR theo quy mô cấp huyện, chủ rừng nhằm nâng cao khả năng chỉ huy và phối hợp giữa các lực lượng tham gia chữa cháy. Khi cháy rừng xảy ra, các địa phương nơi có cháy rừng tổ chức huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ để chữa cháy, nếu vượt tầm kiểm soát báo cáo kịp thời Ban Chỉ đạo về kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng cấp trên để hỗ trợ lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng.

Tại những khu vực rừng có nguy cơ xảy ra cháy cao, lực lượng kiểm lâm phối hợp với các đơn vị chủ rừng xây dựng các công trình phòng cháy, như: đường băng cản lửa cho trên 635ha rừng tự nhiên, trên 4.578ha rừng trồng, trên 7ha rừng trảng cỏ; xây dựng, gia cố các đập giữ nước kiên cố, đập tạm thời, các bể chứa nước, chòi canh tạm thời, giếng khoan và mua sắm nhiều trang thiết bị phục vụ cho công tác PCCCR, như: máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy thổi gió, bình xịt đeo vai có động cơ…

Tuy nhiên, kinh phí cho công tác PCCCR chưa đảm bảo cho việc trang bị những dụng cụ phương tiện có thể dập tắt những đám cháy lớn.

Chi cục Kiểm lâm Đồng Nai đã hợp đồng với Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn Đồng Nai thường xuyên cung cấp các yếu tố khí tượng quan trắc hàng ngày thông qua email và đưa vào website của đơn vị để các địa phương, các Hạt Kiểm lâm và các đơn vị chủ rừng truy cập nắm thông tin cấp dự báo cháy rừng để triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống cháy rừng. Tuy nhiên, công tác dự báo, cảnh báo và phát hiện sớm đám cháy của lực lượng Kiểm lâm đã được triển khai nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Mặt khác, nguồn số liệu đưa vào công tác dự báo chưa mang tính đại diện, hiện tại mới chỉ dự báo cháy rừng ở diện rộng, chưa dự báo được vị trí, khu vực trọng điểm cháy. Tính thực tiễn của phương án chữa cháy rừng của các địa phương và đơn vị chủ rừng chưa cao, cũng là nguyên nhân làm giảm hiệu quả công tác PCCCR.

4. Trước nguy cơ xảy ra cháy cao, để bảo đảm an toàn PCCCR trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, trong thời gian tới cần tập trung làm tốt các giải pháp sau:

Một là, các cấp ủy Đảng, người đứng đầu đơn vị đối với công tác quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng, PCCCR tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm Chỉ thị số 13-CT/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ và Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Khẩn trương rà soát, thể chế hoá đầy đủ, kịp thời, đồng bộ chủ trương của Đảng về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng bền vững; hoàn thiện pháp luật về lâm nghiệp bảo đảm đáp ứng được yêu cầu quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phát huy được tiềm năng, lợi thế của rừng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh.

Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng. Đẩy mạnh và mở rộng đối tượng được giao rừng, cho thuê rừng, bảo đảm toàn bộ diện tích rừng và đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp phải được giao, cho thuê đến từng chủ rừng gắn với trách nhiệm quản lý, phát triển rừng, có cơ chế phù hợp, khả thi trong việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư ở khu vực có rừng quản lý gắn với lịch sử, văn hoá, tín ngưỡng.

Hai là, thường xuyên thực công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bằng nhiều hình thức và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Xác định rừng là tài nguyên nguồn lực to lớn của đất nước, là tư liệu sản xuất quan trọng, có khả năng tái tạo, yếu tố quan trọng của môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học góp phần giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, quốc phòng, an ninh; là không gian sinh tồn, lưu giữ các giá trị văn hoá gắn với đời sống, sinh hoạt của các cộng đồng dân cư, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số. Bảo vệ, phát triển rừng vừa là quyền lợi vừa là nghĩa vụ trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Ba là, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các Ban, Sở, Ngành, các địa phương và các đơn vị có liên quan để luôn chủ động, kịp thời trong công tác tham mưu các công việc liên quan đến sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh và công tác kiểm ta, tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng, PCCCR và quản lý lâm sản trên địa bàn tỉnh.

Bốn là, tiếp tục sắp xếp tổ chức, bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lâm nghiệp, nhất là lực lượng được giao nhiệm vụ trực tiếp, các địa phương có diện tích rừng lớn đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính gắn với kiểm tra, giám sát trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Chú trọng thu hút, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực đội ngũ cán bộ ngành lâm nghiệp, đội ngũ làm công tác phòng, chống tội phạm liên quan đến rừng. Bảo đảm điều kiện cần thiết cho hoạt động của kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, xây dựng lực lượng chuyên ngành về PCCCR; có chính sách đặc thù để thu hút cán bộ làm công tác lâm nghiệp.

Năm là, thông qua trinh sát và năng lực dự báo tình hình tại các địa phương để chủ động có phương án, kế hoạch ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, nhất là những tình huống phát sinh mới, chưa có tiền lệ.

Sáu là, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 12/3/2014 và Kết luận số 82-KL/TW, ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp - xử lý triệt để tồn đọng, tranh chấp đất đai có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp; chấm dứt tình trạng công ty lâm nghiệp được giao đất nhưng không sử dụng (nhượng lại, cho thuê, cho mượn, khoán trắng), hoặc sử dụng không hiệu quả; xử lý dứt điểm diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, tranh chấp, lấn chiếm; cải thiện sinh kế, nâng cao thu nhập của cộng đồng với các hoạt động bảo vệ phát triển rừng của địa phương, tranh thủ sự quan tâm hỗ trợ đầu tư của các tổ chức và doanh nghiệp nhằm thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư quản lý, bảo vệ, phát triển rừng.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư (2017), *Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.*

2. Ban Bí thư (2023), *Kết luận của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.*

3. Chính phủ (2017), *Nghị quyết 71/NQ-CP về ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.*

4. Chính phủ (2022), *Quyết định số: 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 phê duyệt chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025.*

5. Dương Huy Khôi, Trần Quang Bảo (2019), *Nghiên cứu đặc điểm vật liệu cháy và phân vùng nguy cơ cháy rừng tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai,* Tạp chí Tạp chí Khoa học và công nghệ lâm nghiệp, số 5/2019, trang 38-41.

6. Dương Huy Khôi, Trần Quang Bảo, Nguyễn Thị Hoa (2020), *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới cháy rừng và phân vùng trọng điểm cháy rừng tại tỉnh Đồng Nai,* Tạp chí Tạp chí Khoa học và công nghệ lâm nghiệp, số 5/2020, trang 64-67.

7. http://kiemlamdongnai.org.vn/

8.https://www.moitruongvadothi.vn/dong-nai-nam-2023-se-trong-gan-37-ngan-ha-rung-a124127.html

9. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (2022), *Chỉ thị 06/CT-UBND về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ TẠI CÁC NHÀ CHUNG CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trung tá, TS DƯƠNG HOÀNG VIỆT
Phó trưởng Phòng Hành chính - Tổng hợp, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân

Tóm tắt: *Bài viết đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) tại các nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội; chỉ ra những tồn tại và nguyên nhân; trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với loại hình này trong thời gian tới.*

Từ khóa: *quản lý nhà nước, chung cư, PCCC&CNCH, Hà Nội.*

Abstract: *The article evaluates the current status of state management on fire and rescue in apartment buildings in Hanoi City, pinpointing deficiencies and their causes. Accordingly, solutions are proposed to improve the efficiency of state management for this type of occupancy in the future.*

Keywords: *state management, apartment buildings, fire and rescue, Hanoi.*

Ngày nhận bài: *20/02/2024;* ***Ngày thẩm định***: *10/3/2024;* ***Ngày duyệt đăng***: *05/4/2024.*

1. Theo quy định tại Khoản 3, Điều 3, Luật Nhà ở năm 2014: "Nhà chung cư là nhà có từ 2 tầng trở lên, có nhiều căn hộ, có lối đi, cầu thang chung, có phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, bao gồm nhà chung cư được xây dựng với mục đích để ở và nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp để ở và kinh doanh". Theo quy định tại Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 28/2016/TT-BXD: Tòa nhà chung cư là một khối nhà (block) độc lập hoặc một số khối nhà có chung khối đế nổi trên mặt đất được xây dựng theo quy hoạch và hồ sơ dự án do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Cụm nhà chung cư là tập hợp từ 02 tòa nhà chung cư trở lên được xây dựng theo quy hoạch và hồ sơ dự án do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Thành phố Hà Nội là một trong những đô thị đặc biệt với gần 200 khu đô thị mới; gần 1000 chung cư thấp tầng; gần 1.500 chung cư cao tầng đã đưa vào sử dụng, tập trung chủ yếu tại các quận nội thành. Tình hình cháy, nổ trong vòng 05 năm gần đây trên địa bàn Thành phố Hà Nội xảy ra khoảng 2.520 vụ cháy, nổ, 30 vụ cháy lớn, 45 vụ gây thiệt hại nghiêm trọng, 11 vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, 697 vụ cháy trung bình, 1665 vụ cháy đỏ và 61 vụ cháy rừng và có 04 vụ nổ về thiệt hại về người ước tính là 71 người chết và 122 người bị thương, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 700 tỷ đồng. Trong đó, tổng số vụ cháy xảy ra đối với loại hình nhà ở kết hợp kinh doanh có khoảng 1.266 vụ cháy, làm 56 người chết, 89 người bị thương về thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 18,5 tỷ đồng. Đối với loại hình chung cư, nhà cao tầng xảy ra 29 vụ cháy *(chiếm 2,9%)*. Trong đó không có vụ cháy lớn, vụ cháy lớn gây hậu quả nghiêm trọng; có 02 vụ cháy gây hậu quả nghiêm trọng *(chiếm 6,8%, nguyên nhân do tự đốt dẫn đến chết người);* còn lại là vụ cháy trung bình và cháy nhỏ.[3].

Với những xu hướng phát triển mới và có chiều hướng gia tăng loại hình nhà ở chung cư nói chung và chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội nói riêng, việc nghiên cứu dưới góc độ quản lý nhà nước về bảo đảm an toàn PCCC tại các chung cư có ý nghĩa quan trọng, là một trong những căn cứ về mặt lý luận và thực tiễn nhằm chỉ rõ những vấn đề đặt ra trong công tác PCCC tại các chung cư nói chung, góp phần bảo đảm an toàn và phát triển bền vững tại các chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2. Trước thực trạng tình hình cháy, nổ trên địa bàn cả nước nói chung và Thủ đô Hà Nội nói riêng; bám sát chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Công an, Thành ủy, UBND Thành phố Hà Nội đã chủ động ban hành nhiều Kế hoạch chuyên đề, văn bản chỉ đạo các mặt công tác PCCC&CNCH. Điển hình là: Chương trình số 02/CTr-UBND ngày 10/01/2024 về công tác PCCC&CNCH trên địa bàn Thành phố; hoàn thiện Đề án nâng cao năng lực và bảo đảm an toàn PCCC&CNCH trên địa bàn Thủ đô giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 20/9/2023 của Ban Thường vụ Thành ủy về tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác PCCC&CNCH trên địa bàn Thành phố Hà Nội trong tình hình mới; Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 01/6/2017 về khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém, đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác PCCC&CNCH; Kế

hoạch số 183/KH-UBND ngày 07/8/2017 về việc quy định xử lý các cơ sở không bảo đảm các điều kiện an toàn về PCCC đưa vào sử dụng; Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 18/9/2017 về tổng kiểm tra, rà soát công tác PCCC đối với nhà ở hộ gia đình, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ sở sản xuất, kho hàng hóa đan xen lẫn trong khu dân cư; Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 27/02/2019 về việc thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH đối với khu chung cư, nhà cao tầng; Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 06/03/2019 về việc thực hiện chỉ thị của Thành ủy về nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị, xã hội và nhân dân trong công tác PCCC&CNCH; Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 25/4/2019 thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác PCCC&CNCH tại khu dân cư; Kế hoạch số 224/KH-UBND ngày 10/12/2018 về tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về PCCC giai đoạn 2019 - 2021...

Trong quá trình thực hiện mục tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế, xã hội của thành phố và thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH đối với các khu chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2018 - 2020", UBND Thành phố Hà Nội đã chỉ đạo Sở Quy hoạch - Kiến trúc căn cứ Luật Thủ đô, quy hoạch xây dựng Thủ đô đến năm 2030, tầm nhìn 2050 để nghiên cứu, lập quy hoạch hệ thống hạ tầng cơ sở Thủ đô đáp ứng yêu cầu về công tác PCCC&CNCH theo quy định như: mạng lưới các đơn vị Cảnh sát PCCC&CNCH, mạng lưới cấp nước chữa cháy, hệ thống thông tin liên lạc, giao thông đô thị; chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện phối hợp với Công an Thành phố Hà Nội về quy hoạch, bố trí quỹ đất xây dựng các đơn vị Cảnh sát PCCC&CNCH, rà soát, cấp phép các dự án xây dựng nhà chung cư, nhà cao tầng; đồng thời rà soát các dự án công trình nhà chung cư, nhà cao tầng vi phạm quy định về PCCC&CNCH để phối hợp quản lý; rà soát, xử lý, giải tỏa các công trình, vật kiến trúc, cọc, bục, bệ, barie... không phù hợp, xây dựng lấn chiếm đường giao thông, cản trở công tác PCCC&CNCH bên trong và xung quanh các khu chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn thành phố; triển khai quy hoạch, mở rộng tuyến đường giao thông dẫn vào các khu chung cư, nhà cao tầng, bảo đảm yêu cầu về tải trọng, kích thước thông thủy theo quy chuẩn để phục vụ công tác PCCC&CNCH; bố trí nguồn vốn, phân bổ ngân sách triển khai đầu tư, xây dựng trụ sở các đơn vị Cảnh sát PCCC&CNCH các quận, huyện và đầu tư cơ sở, vật chất, mua sắm phương tiện, thiết bị PCCC&CNCH; triển khai cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống PCCC đối với nhà chung cư tái định cư; kiểm tra, rà soát, duy trì việc bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cấp nước chữa cháy; đồng thời đẩy mạnh thực hiện dự án đầu tư xây dựng các trụ nước chữa cháy, bến lấy nước trên địa bàn thành phố đáp ứng yêu cầu công tác chữa cháy tại chỗ.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về PCCC&CNCH; vận động các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về PCCC&CNCH trong lĩnh vực đầu tư xây dựng chung cư được đẩy mạnh. Theo đó, Công an Thành phố đã xây dựng kế hoạch và tổ chức gần 100 lớp tập huấn về PCCC&CNCH cho cộng đồng, với nhiều nhóm đối tượng từ cấp ủy, chính quyền, đến chủ đầu tư, Ban Quản trị, Ban Quản lý các chung cư trên địa bàn thành phố, người dân, người lao động; đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan báo, đài Trung ương, cơ quan báo đài Hà Nội tăng thời lượng phát sóng, phát thanh tuyên truyền về PCCC; xây dựng các trang, chuyên mục về PCCC như: phối hợp với Kênh VOV giao thông - Đài tiếng nói Việt Nam xây dựng phóng sự thực hiện chuyên mục "Hồ sơ 114"; Truyền hình ANTV - Báo An ninh Thủ đô xây dựng nội dung đề cương sản xuất phóng sự truyền hình tuyên truyền về công tác PCCC&CNCH trong chuyên mục "Alo 114 Hà Nội xin nghe"; Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội xây dựng chuyên mục "An toàn PCCC", trong đó dành nhiều thời lượng nội dung về công tác PCCC&CNCH đối với loại hình chung cư, nhà cao tầng; chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Công an thành phố nghiên cứu, xây dựng nội dung bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng PCCC&CNCH để lồng ghép vào các hoạt động giáo dục trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, bậc học; đã tổ chức cho hàng ngàn cơ sở và hộ gia đình ký cam kết về bảo đảm an toàn PCCC; Công an thành phố đã tổ chức hàng trăm lớp huấn luyện nghiệp vụ PCCC&CNCH; hướng dẫn cơ sở xây dựng và tự tổ chức thực tập hàng trăm phương án chữa cháy, phương án CNCH.

Xây dựng và cung cấp 766 tin, bài tuyên truyền về PCCC&CNCH cho cơ quan báo chí; phối hợp xây dựng 262 bài phóng sự; biên soạn 514 tài liệu tuyên truyền về PCCC&CNCH phát thanh trên hệ thống loa truyền thanh của quận, huyện, thị xã; in và cấp phát hơn 1.540.000 tờ rơi tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền; đăng tải 957 bài, khuyến cáo, cảnh báo an toàn PCCC trên cổng thông tin điện tử Công an Thành phố Hà Nội; mở 788 lớp tuyên truyền PCCC&CNCH cho các khu dân cư với 77.299 người tham dự. Tổ chức Hội nghị tập huấn nghiệp vụ PCCC cho hơn 2.000 chủ đầu tư, Ban Quản trị, Ban Quản lý các chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội [3].

Công tác điều tra cơ bản, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về PCCC được triển khai bài bản, nghiêm túc, đúng quy trình, quy định của pháp luật. Công an thành phố tiếp tục rà soát, điều tra cơ bản và tổng kiểm tra về PCCC&CNCH đối với chuyên đề khu chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn thành phố, từ đó, tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền thực hiện đồng bộ các giải pháp, biện pháp kỹ thuật và quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Tổ chức rà soát, lập danh sách các nhà chung cư không bảo đảm, vi phạm quy định về PCCC, không mua bảo hiểm cháy, nổ... theo hướng dẫn của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH. Qua kết quả công tác điều tra, trên địa bàn Thành phố Hà Nội còn nhiều cơ sở vi

phạm quy định về PCCC, nhất là các cơ sở chung cư cao tầng, cụ thể còn 774/1.332 chiếm 58% cơ sở chung cư cao tầng còn tồn tại vi phạm quy định về PCCC&CNCH.[3]

Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm quy định về PCCC&CNCH đồng bộ và quyết liệt. Thanh tra liên ngành của Ban Chỉ đạo 197 Thành phố đã tập trung kiểm tra, xử lý việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC&CNCH tại các cơ sở trọng điểm, nhất là các chung cư, nhà cao tầng, cơ sở sản xuất và kho chứa hàng hóa trong chung cư.... Qua kiểm tra đã phát hiện, kiến nghị, hướng dẫn các cơ sở nhiều nội dung về bảo đảm an toàn PCCC, lập biên bản vi phạm và xử phát vi phạm hành chính trong lĩnh vực PCCC hàng tỷ đồng [3].

Tuy nhiên, việc quản lý nhà nước về PCCC&CNCH tại các chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Nhận thức của người đứng đầu cơ sở, người dân trong công tác PCCC&CNCH còn nhiều hạn chế, chủ quan, chưa chấp hành đầy đủ các quy định về PCCC&CNCH. Nhiều tòa nhà xây dựng từ trước thời điểm Luật PCCC (2001) và QCVN 06:2020/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình, TCVN 3890:2009 Phương tiện PCCC cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng có hiệu lực nên việc trang bị phương tiện, hệ thống PCCC chưa đầy đủ. Một số Chủ Đầu tư, Ban Quản trị, đơn vị quản lý vận hành chưa thực hiện hết vai trò, trách nhiệm trong công tác PCCC&CNCH. Lực lượng PCCC cơ sở tại các nhà chung cư, đặc biệt là khu chung cư tái định cư, chung cư mini, phần lớn không bảo đảm về số lượng và chất lượng. Các quy định về PCCC đối với công trình, nhà cao tầng chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập. Trên địa bàn thành phố còn tồn tại một số loại hình nhà ở như: nhà ở nhiều căn hộ (thường gọi là chung cư mini), nhà trọ... tập trung nhiều tại các quận, huyện đang đô thị hóa nhanh như: Thanh Xuân, Hoàng Mai, Bắc Từ Liêm, Nam Từ Liêm.... Các nhà này được xây dựng với diện tích nhỏ, quy mô từ 5 đến 10 tầng, nằm xen kẽ trong các khu dân cư, thường do tư nhân hoặc doanh nghiệp tự đầu tư với giấy phép ban đầu là nhà ở, sau đó tự ý chuyển đổi mục đích sử dụng cho thuê hoặc bán căn hộ dẫn đến mật độ dân cư đông, không bảo đảm điều kiện an toàn PCCC&CNCH, không thực hiện thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC được....

Nguyên nhân là do trong các cơ sở còn tồn tại, vi phạm về PCCC phần lớn xây dựng từ trước thời điểm Luật PCCC (2001) và QCVN 06:2020/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình nên không bảo đảm so với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC hiện hành. Do thiếu đồng bộ trong quy hoạch xây dựng, việc xây dựng các công trình tiếp giáp với cơ sở dẫn đến không bảo đảm các điều kiện về giao thông, khoảng cách an toàn PCCC và nguồn nước chữa cháy. Việc áp dụng các quy định hiện hành để cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của nhà, công trình rất khó thực hiện. Việc quản lý trật tự xây dựng chưa chặt chẽ, trong quá trình thanh tra, kiểm tra còn thiếu trách nhiệm và chưa chặt chẽ. Việc chấp hành các quy định về PCCC trong đầu tư xây dựng còn nhiều hạn chế. Việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở còn chưa được nâng cao. Ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC của không ít bộ phận cư dân còn hạn chế. Trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy và CNCH cho lực lượng PCCC&CNCH còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu khi chữa cháy và CNCH nhà cao tầng. Lực lượng chức năng kiểm tra về PCCC đôi lúc còn chưa kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm về PCCC của cơ sở, mặt khác, công tác phối hợp với chính quyền địa phương chưa được chặt chẽ, dẫn đến hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC đối với các chung cư chưa cao.

3. Để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC&CNCH đối với các chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội, trong thời gian tới, cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về PCCC hiện hành. Xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về phát triển đô thị thông minh, khu đô thị mới, ngôi nhà thông minh bền vững; hệ thống hạ tầng dữ liệu, hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả an toàn, hiệu quả hoạt động của đô thị thông minh, khu đô thị mới. Xây dựng và ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia làm nền tảng cho việc ứng dụng phương pháp PCCC&CNCH thông minh, thiết kế an toàn, thông minh, kết hợp giữa công nghệ, thiết bị thông minh với kiến trúc của tòa nhà. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động PCCC trong đầu tư, xây dựng kể cả Luật PCCC, Luật Xây dựng để thống nhất trong công tác quản lý. Soát xét, sửa đổi, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về PCCC phù hợp với điều kiện thực tế xây dựng của Việt Nam với phương châm: bảo đảm sự an toàn, thống nhất giữa các tiêu chuẩn, quy chuẩn và các quy định trong đầu tư, xây dựng, quản lý vận hành công trình.

Hai là, nâng cao trách nhiệm của cấp ủy Đảng, UBND các cấp trong công tác PCCC&CNCH tại các chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sát sao việc thực hiện công tác PCCC, CNCH của các sở, ban, ngành và UBND các cấp của Thành phố. Trong quá trình quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế, xã hội của địa phương phải quan tâm, chú trọng đến công tác quy hoạch tổng thể về PCCC; xây dựng đề án đầu tư cho hoạt động PCCC, đề án quy hoạch cơ sở hạ tầng PCCC ở địa phương.

Ba là, nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị quản lý, Ban Quản trị chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Các nhà chung cư thuộc diện phải thành lập Ban Quản trị thì ngay sau khi đưa vào hoạt động cần khẩn trương thành lập Ban Quản trị; chung cư không bắt buộc thành lập Ban Quản trị theo Luật Nhà ở thì chủ đầu tư, chủ sở hữu, người đang sử dụng thỏa thuận phương án quản lý phù hợp. Chủ đầu tư, Ban Quản trị, Ban Quản lý cần thống nhất phân định rõ trách nhiệm trong quản lý, vận hành phần sở hữu chung của tòa nhà; lựa chọn những người có đủ năng lực, kiến thức về

PCCC và đơn vị có năng lực để thực hiện công tác quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống, thiết bị PCCC; tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức PCCC, thực tập phương án chữa cháy, thoát nạn để nâng cao ý thức, kiến thức của người dân, đồng thời duy trì công tác tự kiểm tra an toàn PCCC để kịp thời phát hiện sai phạm, vi phạm từ đó có biện pháp khắc phục, xử lý ngay, đặc biệt là tình trạng người dân tự ý chuyển đổi nhà ở thành nhà kinh doanh, lắp đặt thêm các thiết bị... làm ảnh hưởng tới sự an toàn chung của ngôi nhà.

Bốn là, nâng cao năng lực của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Thủ đô trong quản lý nhà nước đối với chung cư. Xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức bộ máy hiện có, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, có năng lực, trình độ, kỹ năng nghiệp vụ cao đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an toàn PCCC&CNCH thời kỳ hội nhập quốc tế và ứng phó với các vấn đề mới nảy sinh trong quy hoạch, xây dựng và phát triển ở Thủ đô.

Năm là, nâng cao trách nhiệm của các chủ thể trong đầu tư xây dựng chung cư. *Trách nhiệm của chủ đầu tư,* lập dự án thiết kế theo đúng quy định và phù hợp với quy hoạch được phê duyệt. *Trách nhiệm của đơn vị tư vấn dự án và giám sát thi công,* chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư trong việc thực hiện các nội dung về PCCC theo quy định của pháp luật về hoạt động tư vấn dự án và tư vấn giám sát trong phạm vi của hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn; tham gia trong quá trình nghiệm thu. *Trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế,* thiết kế bảo đảm các yêu cầu về PCCC theo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về PCCC; chịu trách nhiệm về chất lượng của sản phẩm thiết kế công trình; thực hiện quyền giám sát tác giả trong quá trình thi công xây lắp công trình. *Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng,* thi công theo đúng thiết kế về PCCC đã được thẩm duyệt; bảo đảm an toàn về PCCC thuộc phạm vi quản lý của mình trong suốt quá trình thi công đến khi bàn giao công trình; lập hồ sơ hoàn công; chuẩn bị các tài liệu và điều kiện để phục vụ công tác nghiệm thu và tham gia nghiệm thu công trình. *Trách nhiệm của cơ quan phê duyệt quy hoạch, cơ quan phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và cơ quan cấp giấy phép xây dựng,* cơ quan phê duyệt quy hoạch, cơ quan phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án, công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC chỉ phê duyệt dự án, công trình khi có văn bản trả lời kết quả thẩm duyệt thiết kế về PCCC của cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH. Cơ quan cấp giấy phép xây dựng trước khi cấp giấy phép có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư xuất trình giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC của cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH đối với các dự án, công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC. *Trách nhiệm của tổ chức cung ứng dịch vụ điện, nước,* tổ chức cung ứng dịch vụ điện, nước khi được đề nghị cung cấp điện, nước cho dự án, công trình thuộc diện thẩm duyệt thiết kế về PCCC thì trước khi thực hiện việc cung ứng dịch vụ điện, nước phải yêu cầu chủ đầu tư cung cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với dự án chưa triển khai xây dựng hoặc văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH đối với công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu về PCCC.

Sáu là, nâng cao hiệu quả trong công tác thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về PCCC và cấp giấy phép xây dựng chung cư. Thực hiện nghiêm túc công tác thẩm duyệt, nghiệm thu về PCCC và cấp phép xây dựng cho công trình ngay từ giai đoạn quy hoạch, thiết kế, thi công để đưa ra các giải pháp, biện pháp phù hợp bảo đảm an toàn PCCC ngay từ khi công trình còn đang trên bản vẽ thiết kế và trước khi đưa công trình vào sử dụng. Rà soát, tổng điều tra cơ bản đối với tất cả các dự án, công trình đã đi vào hoạt động mà chưa tổ chức kiểm tra nghiệm thu về PCCC. Trên cơ sở đó, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong phạm vi chức năng của mình, yêu cầu chủ đầu tư báo cáo giải trình, có thể xử lý hoặc kiến nghị xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư (2015), *Chỉ thị số: 47-CT/TW ngày 25/6/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đoi với công tác PCCC.*

2. Chính phủ (2020), *Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một sô điêu và biện pháp thi hành Luật PCCC và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC,* Hà Nội.

3. Công an Thành phố Hà Nội, *Báo cáo Tổng kết công tác năm 2020, 2021, 2022, 2023 của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH,* Hà Nội

4. Thủ tướng Chính phủ (2020), *Quyết định số 2231/QĐ-TTg, ngày 28/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch hạ tầng PCCC thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,* Hà Nội.

5. Quốc hội (2001), *Luật PCCC,* Hà Nội.

6. Quốc hội (2009), *Luật Quy hoạch đô thị,* Hà Nội.

7. QCVN 07:2010/BXD - *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.*

8. Quốc hội (2013), *Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật* PCCC, Hà Nội.

9. Quốc hội (2019), *Nghị quyết số 99/2019/QH 14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về việc tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp, luật về PCCC,* Hà Nội

10. QCVN 01:2019/BXD - *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.*

11. QCVN 04:2019/BXD - *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư.*

12. QCVN 06:2020/BXD - *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.*

13. UBND Thành phố Hà Nội (2021), *Bảo cáo Kết quả 02 năm thực hiện Đề án "Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH đối với các khu chung cư, nhà cao tầng trên địa bàn Thành phố Hà Nội ".*

MỘT SỐ CHÚ Ý KHI ĐIỀU TRA TẠI HIỆN TRƯỜNG VỤ CHÁY XẢY RA TẠI CÁC QUÁN KARAOKE

Thiếu tá, TS VŨ HỮU QUÂN
Khoa An ninh điều tra, Học viện An ninh nhân dân

Tóm tắt: *Bài viết khái quát tình hình các vụ cháy xảy ra tại các quán karaoke trong thời gian vừa qua, thực tiễn công tác điều tra tại hiện trường các vụ cháy tại các quán karaoke, do cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành rút ra một số chú ý nhằm nâng cao hiệu quả điều tra tại hiện trường vụ cháy tại các quán karaoke.*

Từ khóa: *Điều tra tại hiện trường, cháy, karaoke.*

Abstract: *The article briefly discusses the situation of fires occurring at karaoke bars recently, and the Investigation Police agencies' practice of investigating the scene of fires at these occupancies, accordingly drawing some noteworthy points to improve the effectiveness of fire scene investigation at karaoke bars.*

Keywords: *Scene investigation, fire, karaoke.*

Ngày nhận bài: *13/12/2023;* ***Ngày thẩm định***: *28/12/2023;* ***Ngày duyệt đăng***: *05/4/2024.*

1. Nhận thức về điều tra tại hiện trường và khái quát tình hình các vụ cháy xảy ra tại các quán karaoke trong thời gian vừa qua

Điều tra tại hiện trường bao gồm những hoạt động điều tra và hoạt động cần thiết khác được tiến hành một cách cấp bách. Cơ quan điều tra có trách nhiệm tổ chức và chủ trì điều tra tại hiện trường. Để tổ chức điều tra tại hiện trường có hiệu quả, cơ quan điều tra phải phối kết hợp với lực lượng Kỹ thuật hình sự, Công an cơ sở, Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH), Cảnh sát Giao thông... Tùy theo tình huống tội phạm xảy ra mà các hoạt động điều tra và những hoạt động thích hợp khác được tiến hành tại hiện trường. Những hoạt động điều tra và các hoạt động khác tại hiện trường thường mang tính cấp bách như: bảo vệ hiện trường; khám nghiệm hiện trường (KNHT); lấy lời khai người biết việc, người bị hại, người bị bắt; bắt và tổ chức truy bắt, giữ đối tượng phạm tội theo "dấu vết nóng"; tổ chức tiến hành một số hoạt động cấp bách khác tại hiện trường. Điều tra tại hiện trường vụ cháy cần bám sát vào Thông tư 55/2020/TT-BCA ngày 03/6/2020 [1] và Thông tư 11/2023/TT-BCA ngày 01/3/2023 [2].

Theo Cục Văn hóa cơ sở, hiện tại, cả nước có 12.482 cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường (12.453 cơ sở karaoke, 29 cơ sở kinh doanh vũ trường) [4]. Với số lượng cơ sở lớn như vậy, mặc dù được các cơ quan chức năng quản lý và tuyên truyền, huấn luyện về cách phòng ngừa và xử lý ban đầu khi xảy ra cháy, nổ nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau mà trong những năm qua số lượng các vụ cháy quán karaoke có những diễn biến phức tạp. Theo thống kê của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH số vụ cháy xảy ra tại các quán karaoke, vũ trường xảy ra trong năm 2021 là 8 vụ, năm 2022 là 05 vụ và trong 6 tháng đầu năm 2023 xảy ra 03 vụ cháy quán karaoke [3]. Mặc dù tỉ lệ số vụ cháy xảy ra tại quán karaoke không nhiều so với tổng số các vụ cháy nhưng hậu quả các vụ cháy tại các quán karaoke thường gây ra những thiệt hại rất lớn về người và tài sản. Trong đó có thể kể đến những vụ cháy quán karaoke thảm khốc như: Năm 2013, cháy quán karaoke, bar Zone 9 Trần Thánh Tông, Hà Nội làm 6 người tử vong; Năm 2014, cháy quán karaoke Nhật Thực, 43G Giảng Võ, Hà Nội khiến 5 người tử vong; Năm 2016, cháy quán karaoke 68 Trần Thái Tông (quận Cầu Giấy) khiến 13 người tử vong; Năm 2022, xảy ra 02 vụ cháy đặc biệt nghiêm trọng gồm vụ cháy quán karaoke ISIS số 231 Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội ngày 01/8/2022 khiến 3 chiến sỹ của Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an quận Cầu Giấy hy sinh; Ngày 6/9/2022 cháy quán karaoke An Phú, phường An Phú, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương làm khiến 33 người tử vong, 17 người khác bị thương. Ngoài ra, nhiều địa phương trên cả nước cũng xảy ra các vụ cháy khác nhau như: vụ cháy quán karaoke KTV ở Hiệp Hòa, Bắc Giang năm 2022 làm 2 người thiệt mạng; vụ cháy quán karaoke Đức Hiếu 2 ở Sơn La năm 2021; cháy quán Karaoke 166 đường Hoàng Quốc Việt, Hà Nội năm 2020; cháy quán quán karaoke Dragon 2 (số 97, phố Ngô Quyền, TP Hải Dương); năm 2021 cháy quán karaoke MJM ở Hải Phòng. Các vụ cháy quán karaoke không chỉ gây ra những thiệt hại về người mà còn gây ra những thiệt hại lớn về tài sản, ước tính lên tới hàng trăm tỷ đồng.

2. Kết quả đạt được và một số khó khăn, vướng mắc trong công tác điều tra tại hiện trường vụ cháy xảy ra tại các quán karaoke

Qua nghiên cứu công tác điều tra tại hiện trường các vụ cháy xảy ra tại các quán karaoke trong thời gian vừa qua thấy rằng công tác điều tra tại hiện trường đã đạt được nhiều kết quả thể hiện trên các mặt: việc điều tra tại hiện trường vụ cháy luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của các cấp lãnh đạo, trong đó nhiều vụ, trực tiếp Giám đốc, Phó Giám đốc Công an cấp tỉnh và các cấp lãnh đạo khác xuống tận hiện trường vụ cháy để chỉ đạo công tác chữa cháy, cứu

nạn, cứu hộ và các hoạt động khác thuộc công tác điều tra tại hiện trường. Khi nhận được tin báo có vụ cháy xảy ra, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đã triển khai kịp thời, có hiệu quả công tác chữa cháy. Đồng thời do đặc thù các quán karaoke là nơi thường tập trung đông người đến vui chơi, giải trí vào một thời điểm nhất định, thậm chí có những vụ khi xảy cháy số lượng người trong quán karaoke lên tới gần 100 người, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đã làm tốt công tác hướng dẫn, cấp cứu người bị nạn. Công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong việc khoanh vùng và bảo vệ hiện trường được triển khai khẩn trương trong và ngay sau khi đám cháy được khống chế. Hoạt động KNHT, khám nghiệm tử thi được triển khai hiệu quả, các vụ cháy quán karaoke lực lượng chức năng cơ bản đều kết luận được nguyên nhân của vụ cháy, danh tính các nạn nhân... qua đó làm căn cứ giúp cơ quan điều tra xác định có tội phạm xảy ra hay không trên cơ sở đó tiến hành các hoạt động điều tra tiếp theo. Cơ quan điều tra đã nhanh chóng xác định được diện người biết việc, người làm chứng để tiến hành lấy lời khai, khi xác định có tội phạm đã tiến hành bắt người thực hiện hành vi phạm tội, không có vụ nào người thực hiện hành vi phạm tội bỏ trốn.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, công tác điều tra tại hiện trường các vụ cháy gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế sau:

Thứ nhất, khó khăn, vướng mắc trong công tác KNHT, khám nghiệm tử thi vụ cháy quán karaoke.

Hiện trường các vụ cháy các quán karaoke có đặc thù thường rộng, nhiều tầng và bị xáo trộn nhiều do công tác cứu chữa đám cháy; bên cạnh đó dưới tác động của nhiệt độ, các dấu vết mức độ biến đổi rất lớn (sập đổ hoàn toàn hoặc hóa tro,...), lực lượng khám nghiệm chịu ảnh hưởng nhiều do nhiệt độ, nước chữa cháy, khói, khí độc hại. Đối với một số vụ việc cháy tại các quán karaoke những vấn đề khó khăn còn trở nên phức tạp hơn, đặc trưng đối với từng vụ việc, điển hình: vụ cháy ở quán karaoke MJM ở Hải Phòng có diện tích rộng hơn 650m^2, hay như vụ cháy quán karaoke An Phú, Bình Dương với diện tích 500m^2, gồm 3 tầng, tổng diện tích sàn 1.500m^2, quy mô 30 phòng hát. Hiện trường có ảnh hưởng đến cả tầng trên và tầng dưới, lượng chất cháy nhiều với một hiện trường rộng lớn như vậy, việc quan sát, đánh giá và tìm ra điểm xuất phát cháy đòi hỏi hết sức tỉ mỉ và nhiều khó khăn.

Do số lượng các vụ cháy quán karaoke không nhiều nên một số Điều tra viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong chủ trì tiến hành hoạt động khám nghiệm hiện trường. Quá trình KNHT còn chủ yếu tập trung vào các dấu vết cháy đặc trưng mà có thể dẫn đến bỏ sót các dấu vết khác có giá trị truy nguyên dẫn đến việc đánh giá dấu vết tại hiện trường còn gặp nhiều khó khăn.

Quan hệ phối hợp giữa các lực lượng tham gia KNHT ở một số vụ cháy quán karaoke còn chưa đồng bộ, chồng chéo, dẫn tới thông tin thu thập được chưa được giải quyết nhanh và có hiệu quả, vẫn còn một số vụ hồ sơ còn thiếu thông tin, ghi thông tin sơ sài, chưa phản ánh hết kết quả công tác KNHT đã tiến hành, dẫn tới ảnh hưởng chất lượng công tác KNHT.

Trong một số trường hợp, do tử thi bị thiêu huỷ hoàn toàn dẫn đến việc xác định danh tính, xác định chính xác nguyên nhân chết của nạn nhân là rất khó khăn.

Thứ hai, hoạt động lấy lời khai, thu thập tin tức, tài liệu xung quanh hiện trường phục vụ quá trình điều tra còn một số hạn chế.

Trong một số vụ cháy xảy ra tại các quan karaoke, một số chủ thể điều tra mới chỉ tập trung, chú trọng vào công tác KNHT để xác định nguyên nhân cháy hoặc mới tập trung vào xem xét xem tại quán karaoke đó hệ thống camera có còn hoạt động hay không, đã bị phá hủy chưa để thu thập dữ liệu điện tử mà chưa thực sự chú trọng vào việc thu thập thông tin rộng rãi về tình hình, những thông tin ngoài xã hội liên quan đến vụ cháy, chậm trễ trong việc tổ chức rà soát, phát hiện, lấy lời khai người biết các tình tiết của vụ cháy còn chậm.

Thứ ba, trong một số vụ cháy xảy ra tại các quán karaoke việc chỉ đạo, quan hệ phối hợp chưa chặt chẽ, thống nhất.

Hiện nay ngoài những vụ cháy lớn, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng về tính mạng, sức khoẻ và tài sản thì công tác tổ chức, chỉ đạo được thống nhất, tập trung dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo, chỉ huy, còn lại những vụ cháy khác, công tác này còn hạn chế như: khi xảy ra cháy do phải thực hiện nhiều công việc cấp bách trong cùng một thời gian ngắn, huy động nhiều lực lượng khác nhau nên một số trường hợp chỉ đạo chưa tập trung, thống nhất.

Trong một số vụ án, việc trao đổi thông tin giữa lực lượng Cảnh sát điều tra và lực lượng Công an cấp cơ sở, Cảnh sát PCCC&CNCH, Cảnh sát Giao thông chưa đầy đủ, kịp thời dẫn đến công tác điều tra tại hiện trường bị chia cắt, không thống nhất, định hướng quá trình điều tra không cụ thể, thiếu quyết đoán… Lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH còn chưa kịp thời cung cấp thông tin cần thiết về đặc điểm nguy hiểm cháy nổ của đối tượng cháy cho cơ quan điều tra, lực lượng Công an cơ sở cũng chưa kịp thời cung cấp thông tin ban đầu về vụ cháy. Điều đó đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, tiến độ công tác điều tra tại hiện trường.

3. Một số chú ý khi điều tra tại hiện trường vụ cháy xảy ra tại các quán karaoke

Một là, tập trung nâng cao hiệu quả công tác KNHT vụ cháy quán karaoke, trong đó cần chú ý làm tốt một số vấn đề sau:

Trước hết, phải nắm rõ đặc điểm, diễn biến vụ cháy, công tác cứu chữa, thông tin trước, trong và sau vụ cháy, ý nghĩa chính trị, kinh tế. Khi tới hiện trường, cán bộ chỉ huy tổ KNHT kịp thời thu thập thông tin, đánh giá sơ bộ hiện trường và tình hình an ninh, trật tự để báo cáo chỉ huy đơn vị và xin ý kiến chỉ đạo cũng như có định hướng trong công tác khám nghiệm.

Nhanh chóng kiểm tra hệ thống thiết bị, dữ liệu điện tử tại camera tổng và camera các tầng của quán karaoke để đánh giá, ghi nhận sự việc, tránh tình trạng bị tác động của con người làm mất mát, thay đổi dữ liệu; cần thiết có thể lập biên bản giao nhận dữ liệu điện tử. Vì hầu hết các quán karaoke đều có hệ thống camera ở hành lang các tầng và dữ liệu camera là nguồn chứng cứ quan trọng giúp xác định vùng cháy đầu tiên, các hiện tượng bất thường xảy ra trước lúc phát cháy, nguyên nhân cháy và tác động của con người; giúp KNHT được thuận lợi và nhanh gọn.

(Xem tiếp trang 42)

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIỆP VỤ CHO LỰC LƯỢNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH CÔNG AN CẤP HUYỆN, CÔNG AN CẤP XÃ TRONG CÔNG TÁC PCCC&CNCH TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đại tá, TS NGUYỄN THÀNH LONG
Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật PCCC&CNCH, Trường Đại học PCCC

***Tóm tắt**: Bài viết phân tích chất lượng nghiệp vụ của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an cấp huyện, Công an cấp xã trong công tác PCCC&CNCH trên địa bàn Thành phố Hải Phòng, chỉ ra những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nghiệp vụ cho lực lượng này thời gian tới.*

***Từ khóa**: chất lượng nghiệp vụ, PCCC&CNCH, Công an cấp huyện, Công an cấp xã.*

***Abstract**: The article investigates the professional quality of the district-level and commune-level Fire and Rescue Police forces in performing fire and rescue operations in Hai Phong City, pointing out the shortcomings and their causes. This serves as the foundation for the recommendation of solutions to improve the professional quality of the forces.*

***Keywords**: professional quality, fire and rescue, district-level Police, commune-level Police.*

***Ngày nhận bài**: 20/12/2023; **Ngày thẩm định**: 20/01/2024; **Ngày duyệt đăng**: 05/4/2024.*

1. Hiện nay, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Hải Phòng gồm Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Thành phố (CATP) Hải Phòng và 15 Đội Cảnh sát PCCC&CNCH thuộc Công an 15/15 quận, huyện của thành phố. Tổng quân số hiện tại của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Hải Phòng là trên 600 cán bộ, chiến sỹ (CBCS) trong đó, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH có quân số là hơn 300 CBCS (hơn 52%) gồm có hơn 200 CBCS biên chế (hơn 30 đồng chí làm nhiệm vụ lái xe chuyên trách), hơn 20 lao động hợp đồng, hơn 70 chiến sỹ nghĩa vụ (hơn 22%), có 08/11 Đội trực tiếp chữa cháy và CNCH đóng quân ở 09 điểm doanh trại khác nhau, trung bình mỗi Đội Chữa cháy có hơn 20 CBCS. Các Đội Cảnh sát PCCC&CNCH cấp huyện có quân số là gần 300 CBCS (hơn 47%) gồm có hơn 200 CBCS biên chế (hơn 30 đồng chí làm nhiệm vụ lái xe chuyên trách), dưới 10 lao động hợp đồng, hơn 70 chiến sỹ nghĩa vụ (hơn 24%), tính bình quân mỗi đội có gần 20 CBCS. Có hơn 10 đơn vị Công an cấp huyện có đơn vị Công an cấp xã với hơn 200 đơn vị Công an cấp xã, có hơn 400 đồng chí hoạt động không chuyên trách được Cục Cảnh sát PCCC&CNCH tập huấn để thực hiện công tác PCCC&CNCH tại Công an cấp xã. Bình quân mỗi Công an cấp xã có từ 02 - 03 đồng chí làm nhiệm vụ kiêm nhiệm công tác PCCC&CNCH, trong đó có 01 chỉ huy và 01 cán bộ (riêng Công an huyện Bạch Long Vỹ không có đơn vị Công an cấp xã, Công an cấp huyện quản lý mọi mặt công tác PCCC&CNCH). Lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH có gần 10 đồng chí trình độ trên đại học, có trên 200 đồng chí trình độ Đại học PCCC, có 01 đồng chí trình độ Cao đẳng PCCC, có gần 200 đồng chí trình độ Trung cấp PCCC, dưới Trung cấp có khoảng 170 đồng chí, có trên 100 đồng chí có bằng Đại học ngành ngoài. Trong đó, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH có 01 đồng chí trình độ trên đại học, có hơn 130 đồng chí trình độ Đại học PCCC, có hơn 80 đồng chí trình độ Trung cấp PCCC, dưới trung cấp có trên 100 đồng chí, có trên 70 đồng chí có bằng đại học ngành ngoài. Công an cấp huyện có dưới 10 đồng chí trình độ trên đại học, có khoảng 130 đồng chí trình độ Đại học PCCC, có 01 đồng chí trình độ Cao đẳng PCCC, có trên 100 đồng chí trình độ Trung cấp PCCC, dưới trung cấp có hơn 50 đồng chí, có trên 30 đồng chí có bằng Đại học ngành ngoài. Lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH đang quản lý và sử dụng hơn 90 phương tiện chữa cháy, CNCH. Trong đó, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH đang quản lý và sử dụng hơn 50 phương tiện chữa cháy, CNCH, Công an quận cấp huyện đang quản lý và sử dụng trên 30 phương tiện chữa cháy, CNCH.

Giám đốc Công an Thành phố Hải Phòng đã có chỉ đạo về việc phân cấp và phối hợp nhiệm vụ PCCC&CNCH trong lực lượng CATP Hải Phòng. Trong đó, giao Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH có trách nhiệm tham mưu Đảng ủy, Ban Giám đốc CATP, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, UBND thành phố chỉ đạo thực hiện toàn diện công tác PCCC, CNCH trên địa

bàn thành phố; công tác nghiệp vụ cơ bản, công tác hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát, công tác quản lý cơ sở, địa bàn; công tác thẩm duyệt thiết kế và kiểm tra nghiệm thu về PCCC; công tác thanh tra, kiểm tra an toàn PCCC&CNCH; công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào Toàn dân PCCC; công tác điều tra - xử lý về cháy, nổ; công tác cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; công tác kiểm định, cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC; công tác cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC; công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH; công tác chữa cháy và CNCH; giao Công an cấp huyện có trách nhiệm tham mưu với cấp ủy, chính quyền cấp huyện chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác PCCC, CNCH trên địa bàn; trực tiếp thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản, công tác hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát và công tác quản lý cơ sở; công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào Toàn dân PCCC&CNCH; công tác kiểm tra an toàn PCCC&CNCH; công tác điều tra - xử lý về cháy, nổ; công tác cấp giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ; công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH; công tác chữa cháy, CNCH và giao Công an cấp xã có trách nhiệm tham mưu với cấp ủy, chính quyền cấp xã chỉ đạo các đơn vị thực hiện công tác PCCC, CNCH trên địa bàn, tham mưu giúp UBND cấp xã trực tiếp quản lý nhà nước về PCCC đối với các cơ sở được phân cấp theo phụ lục IV Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Công an cấp xã có trách nhiệm thực hiện công tác nghiệp vụ cơ bản, công tác hồ sơ nghiệp vụ Cảnh sát theo quy định của Bộ Công an và giúp UBND cấp xã công tác quản lý cơ sở; công tác tuyên truyền, xây dựng phong trào Toàn dân PCCC&CNCH; công tác kiểm tra an toàn PCCC&CNCH; công tác huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH; trực tiếp thực hiện công tác chữa cháy, CNCH trên địa bàn.

Năm 2023, Công an cấp huyện quản lý nhà nước về PCCC 5.072 cơ sở, Công an cấp xã giúp UBND cấp xã quản lý nhà nước về PCCC 15.074 cơ sở. Trong năm qua, lực lượng Công an cấp huyện, Công an cấp xã đã phối hợp với Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH và các lực lượng tổ chức chữa cháy kịp thời, hiệu quả 99 vụ cháy, cứu được 45 người bị nạn; vận động, hướng dẫn xây dựng được 1.147 mô hình Tổ Liên gia an toàn PCCC, 2.798 Điểm Chữa cháy công cộng, Ủy ban nhân dân thành phố công nhận 136 thôn đạt tiêu chí an toàn về PCCC, 08 chợ kiểu mẫu đạt chuẩn về PCCC, 01 khu chung cư, 234 tổ dân phố, 01 nhà tập thể an toàn PCCC; xây dựng 01 mô hình "Liên kết các tổ dân phố đảm bảo an ninh trật tự (ANTT), tự quản về PCCC&CNCH", 01 mô hình "Chung tay xây dựng khu nhà tập thể an toàn PCCC", 01 mô hình "Bến tàu trung tâm du lịch tự quản về an ninh trật tự, an toàn PCCC". Hướng dẫn, vận động 99,4% các hộ gia đình, nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh mở lối thoát nạn thứ 2, trang bị phương tiện PCCC; 93% nhà dân trang bị bình chữa cháy xách tay, dụng cụ phá dỡ thô sơ, có phương án xử lý tình huống cháy, nổ, thoát nạn. Tổ chức tập huấn, tuyên truyền cho 99,98% người là đại diện hộ gia đình, nhà để ở kết hợp sản xuất, kinh doanh kiến thức, kỹ năng về PCCC&CNCH. Phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng 108 phóng sự về PCCC&CNCH, mở 1.105 lớp tuyên truyền cho 390.777 người; kiểm tra 6.646 lượt cơ sở, phương tiện. Cấp 375 giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm về cháy, nổ. Xử phạt 562 vụ vi phạm về PCCC với số tiền gần 4,2 tỷ đồng; tạm đình chỉ hoạt động 150 hạng mục, cơ sở, đình chỉ hoạt động 311 hạng mục, cơ sở. Xây dựng 507 phương án chữa cháy của cơ quan Công an và 1.952 phương án CNCH của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH. Thực tập 461 phương án chữa cháy và 965 phương án CNCH; hướng dẫn cơ sở xây dựng 747 phương án chữa cháy, 712 phương án CNCH, tự tổ chức thực tập 1.225 phương án chữa cháy, 1.182 phương án CNCH. Xuất 173 lượt xe tham gia bảo đảm an toàn PCCC&CNCH trên địa bàn.

Cũng trong năm 2023, lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH - CATP thuộc Công an cấp huyện, cấp xã đã bám sát các nội dung chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ Công an, Thành ủy, UBND thành phố, Giám đốc Công an thành phố. Chủ động tham mưu với Đảng ủy, Giám đốc Công an thành phố, Huyện ủy, UBND cấp huyện ban hành các văn bản chỉ đạo công tác PCCC trên địa bàn phụ trách. Đặc biệt nhiều Quận ủy, Huyện ủy, Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành chỉ thị riêng về công tác PCCC, CNCH. Tập trung hướng dẫn các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ về PCCC, CNCH và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Số vụ cháy, nổ, sự cố tai nạn thiệt hại nghiêm trọng được kiềm chế; nhiều nội dung công tác đã đạt và vượt chỉ tiêu được giao, điển hình như: chỉ tiêu giải quyết hồ sơ trên cổng dịch vụ công trực truyến; chỉ tiêu lập hồ sơ điều tra cơ bản; chỉ tiêu tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC&CNCH; chỉ tiêu xây dựng Tổ Liên gia an toàn PCCC, Điểm Chữa cháy công cộng; chỉ tiêu xây dựng phương án chữa cháy của Cơ quan Công an. Các khó khăn vướng mắc về PCCC&CNCH theo Công điện số 220/CĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được giải quyết và không có bức xúc trong dư luận, được lãnh đạo thành phố và nhân dân đánh giá cao.

2. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: xảy ra một vài vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Công tác lập, thực tập phương án CNCH của Công an cấp huyện chưa đảm bảo chỉ tiêu. Chất lượng công tác điều tra cơ bản, hồ sơ nghiệp vụ, kiểm tra an toàn PCCC, tuyên truyền về PCCC chưa cao. Việc đôn đốc cơ sở thực hiện các giải pháp khắc phục những tồn tại, thiết sót không đảm bảo yêu cầu về PCCC còn chậm. Đội ngũ cán bộ làm công tác PCCC, CNCH còn mỏng, thiếu phương tiện chữa cháy, CNCH và thiết bị bảo hộ, nhiều cán bộ trẻ năng lực chuyên môn làm công tác xây dựng phong trào, quản lý nhà nước về PCCC và công tác chữa cháy, CNCH còn có hạn chế, đặc biệt là tại Công an xã không có cán bộ được đào tạo từ Trung cấp PCCC trở lên mà chỉ được tập huấn nghiệp vụ PCCC ngắn ngày nên khả năng chuyên môn PCCC, CNCH rất hạn chế. Số CBCS làm nhiệm vụ lái xe chuyên trách còn ít, chưa đáp ứng được yêu cầu công tác.

Nguyên nhân là do công tác tuyên truyền về PCCC&CNCH đã được tăng cường tuy nhiên nhận thức, ý thức của một bộ

phận người dân đối với công tác PCCC, CNCH vẫn còn có những mặt hạn chế. Nguy cơ cháy, nổ tại các cơ sở trọng điểm về kinh tế, xã hội, khu vực dân cư, phương tiện giao thông còn tiềm ẩn, diễn biến khó lường. Điều kiện về cơ sở doanh trại, sân bãi, trang thiết bị PCCC, CNCH... của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH còn rất thiếu. Số lượng CBCS của Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an quận, huyện còn thiếu, kiêm nhiệm thực hiện nhiều công việc, liên quan đến công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn làm ảnh hưởng đến công tác thường trực, công tác tổ chức học tập, tập huấn dẫn đến nghiệp vụ PCCC, CNCH; công tác tuyên truyền kiểm tra hướng dẫn về PCCC trên địa bàn, công tác quản lý nhà nước về PCCC còn hạn chế. Điều kiện kinh tế, xã hội phát triển, địa bàn cấp xã rộng, nhiều cơ sở được Chính phủ giao cho UBND cấp xã quản lý theo Nghị định 136/2020/NĐ-CP mà thực chất là Công an cấp xã quản lý giúp UBND cấp xã; trong khi đó Công an cấp xã được giao nhiều việc phân cấp về xã và phải đảm bảo an ninh trật tự tại địa bàn. Mặt khác quân số Công an xã chỉ có 05 - 08 đồng chí; Công an phường có từ 10 - 20 đồng chí phải đảm bảo các mặt công tác Công an trên địa bàn. Đồng thời hầu hết cán bộ Công an cấp xã chưa được đào tạo chuyên sâu lĩnh vực PCCC&CNCH, chưa nắm vững các biện pháp, quy định an toàn PCCC dẫn đến năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về PCCC tại cấp xã còn rất hạn chế. Bộ máy tổ chức định biên biên chế không tuyển dụng lái xe nên tình trạng thiếu hụt lái xe ngày càng nghiêm trọng. Trong khi đó một số cán bộ lái xe công tác lâu năm theo quy định phải bố trí công việc khác khi cán bộ có yêu cầu hoặc cán bộ lái xe nghỉ bù, nghỉ phép, nghỉ ốm cũng là áp lực lớn đối với việc bố trí lái xe chữa cháy trực 24/24 giờ. Một số văn bản quy phạm pháp luật còn thiếu đồng bộ, khó hiểu, thường xuyên thay đổi dẫn tới khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

3. Để nâng cao chất lượng nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an cấp huyện, Công an cấp xã trong công tác PCCC&CNCH trên địa bàn Thành phố Hải Phòng, trong thời gian tới, cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Bộ Công an về công tác PCCC&CNCH, đồng thời thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ Công an trong các quy trình chế độ công tác.

Hai là, tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại CBCS, tạo điều kiện cho CBCS tham gia học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ; thường xuyên và định kỳ tổ chức tập huấn nghiệp vụ PCCC&CNCH cho toàn lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và Công an cấp xã để nâng cao chất lượng đội ngũ CBCS, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Việc tổ chức các lớp đào tạo tập huấn phải phù hợp với điều kiện thực tế quân số, đảm bảo tất cả CBCS phải được đào tạo tập huấn có chất lượng hiệu quả cao. Bố trí CBCS đi học lớp đào tạo lái xe chữa cháy đảm bảo 100% CBCS biên chế ở các Đội PCCC, CNCH là lái xe kiêm nhiệm. Hàng năm, phải tổ chức kiểm tra nghiệp vụ PCCC, CNCH để đánh giá chất lượng CBCS để phân loại cán bộ và phân loại thi đua cho cá nhân và tập thể.

Ba là, đề xuất Bộ Công an, UBND thành phố quan tâm bố trí ngân sách, kinh phí cho hoạt động PCCC&CNCH tại địa phương, nhất là việc trang bị, bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện, thiết bị chữa cháy và CNCH, điều kiện làm việc của CBCS đảm bảo yêu cầu công tác, chiến đấu.

Bốn là, sắp xếp, bố trí CBCS phù hợp với năng lực sở trường công tác, trình độ chuyên môn và khoảng cách nhà ở với đơn vị tạo điều kiện cho CBCS yên tâm công tác. Đảm bảo cơ cấu số lượng, chất lượng cán bộ, đặc biệt là đối với lực lượng Công an cấp xã theo đúng quy định của Bộ. Do không tuyển dụng biên chế nên đề nghị Bộ Công an và Trường Đại học PCCC trong chương trình đào tạo sinh viên cần có bằng lái xe chữa cháy trước khi ra trường để làm nhiệm vụ lái xe kiêm nhiệm và có chứng chỉ cán bộ điều tra về PCCC phục vụ công tác theo quy định.

Năm là, tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giáo dục truyền thống CAND, truyền thống lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH cho CBCS; làm tốt công tác nắm tình hình tư tưởng và giải quyết tư tưởng cho CBCS yên tâm công tác ra sức công hiến cho cách mạng, tu dưỡng trau dồi phẩm chất chính trị đạo đức lối sống nhằm xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH trong sạch vững mạnh; tổ chức quán triệt cho CBCS các quy định của Đảng, của ngành để biết và chấp hành nghiêm. Đồng thời quản lý chặt chẽ CBCS phòng ngừa sai phạm, khen thưởng động viên kịp thời CBCS có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Làm tốt công tác nắm tình hình, tham mưu với Đảng ủy Giám đốc Công an thành phố, Cấp ủy chính quyền địa phương và phối hợp chặt chẽ với các cấp các ngành trong công tác PCCC, CNCH.

Sáu là, nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Cấp ủy đảng các cấp trong Công an cấp huyện, cấp xã; nêu cao tinh thần trách nhiệm của các cấp ủy viên và chỉ huy các cấp trong thực hiện nhiệm vụ và chỉ huy chỉ đạo công tác PCCC. Lãnh đạo chỉ huy các cấp tăng cường công tác kiểm tra giám sát việc thực thi nhiệm vụ của CBCS thuộc quyền trong công tác PCCC. Chấn chỉnh, xử lý nghiêm CBCS sai phạm trong thực hiện công vụ. Hàng tháng, hàng năm đánh giá nhận xét chất lượng công tác cho từng CBCS phục vụ công tác quản lý CBCS.

Bảy là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH; đề xuất các giải pháp khắc phục dứt điểm các sơ hở, thiếu sót về PCCC&CNCH; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về PCCC. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao, đổi mới nội dung, hình thức, biện pháp, phương pháp tuyên truyền, phổ biến kiến thức, giáo dục pháp luật về PCCC&CNCH; xây dựng và nhân rộng các mô hình phong trào toàn dân tham gia công tác PCCC&CNCH; xây dựng củng cố lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành, dân phòng thực sự vững mạnh là lực lượng nòng cốt tại địa bàn cơ sở. Xây dựng kế hoạch, phương án PCCC lớn, chú trọng địa bàn, công trình trọng điểm có nguy cơ cháy, nổ cao; thực hiện đồng bộ quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của thành phố gắn với quy hoạch hạ tầng PCCC; chú trọng xây dựng mạng lưới giao thông và hệ thống cấp nước đáp

(Xem tiếp trang 34)

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ GÓP PHẦN TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CHO HỌC VIÊN CÔNG AN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Thiếu tá, TS LƯU NGỌC LONG - Thiếu tá, ThS TRƯƠNG TẤT THẮNG
Khoa Lý luận chính trị và KHXHNV, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: *Đối với một người chiến sỹ Công an nhân dân nói chung và Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy (PCCC) nói riêng, đạo đức nghề nghiệp có vai trò rất quan trọng, là phẩm chất cốt lõi hàng đầu, là yêu cầu khách quan không thể thiếu. Công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp của Trường Đại học PCCC trong những năm qua đã đạt được những thành tựu đáng tự hào. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, vẫn còn có học viên của nhà trường chưa nhận thức rõ ràng về ngành nghề của mình, chưa tự giác tích cực trong việc học tập tu dưỡng và rèn luyện bản thân. Để góp phần hình thành nên đạo đức nghề nghiệp, việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị đóng một vai trò vô cùng quan trọng.*

Từ khoá: *lý luận chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trường đại học phòng cháy chữa cháy, học viên.*

Abstract: *For People's Police officers including fire police officers, professional ethics plays a crucial role, being considered the top core quality, and an indispensable inevitable requirement. The university's professional ethics education has achieved proud achievements in recent years. However, some cadets are not well aware of their profession and are not proactive in studying and improving themselves ethically. To contribute to the formation of professional ethics, improving the quality of teaching political theory subjects plays an extremely important role.*

Keywords: *political theory, professional ethics, fire prevention university, cadets.*

Ngày nhận bài: *31/10/2023;* ***Ngày thẩm định***: *28/12/2023;* ***Ngày duyệt đăng***: *05/4/2024.*

1. Giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên Công an ở Trường Đại học PCCC

1.1. Tầm quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp đối với học viên Công an Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy

"Đạo đức nghề nghiệp là những quan điểm, quy tắc và chuẩn mực hành vi đạo đức xã hội có tính đặc thù, cụ thể, đòi hỏi phải tuân theo trong các hoạt động nghề nghiệp" [1; tr.119]. Đối với một người chiến sỹ Công an nhân dân nói chung và Cảnh sát PCCC nói riêng, đạo đức nghề nghiệp có vai trò rất quan trọng, là phẩm chất cốt lõi hàng đầu, là yêu cầu khách quan không thể thiếu. Nó góp phần hình thành những hành vi nghề nghiệp trong tương lai được thực hiện một cách có trách nhiệm, có tinh thần tự giác, có lương tâm của người cán bộ Công an nhân dân. Nó đảm bảo cho người cán bộ Công an nhân dân trong tương lai sẵn sàng đặt lợi ích của nhân dân, đất nước lên trên lợi ích cá nhân, sẵn sàng hi sinh vì sự bình yên của nhân dân. Nó góp phần hoàn thiện nhân cách người chiến sỹ Công an nhân dân, hình thành nhận thức, thái độ và hành vi đạo đức đúng mức, phù hợp của người chiến sỹ Công an nhân dân.

Tuy nhiên, đạo đức nghề nghiệp không phải tự nhiên mà có nó. Điều này là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện không ngừng của mỗi học viên trong môi trường học tập các trường Công an nhân dân nói chung và Trường Đại học PCCC nói riêng. Bởi vậy, những năm tháng học tập tại nhà trường hình sẽ đóng vai trò quan trọng để hình thành thành đạo đức nghề nghiệp của một của người chiến sỹ Công an nhân dân tương lai.

Đạo đức nghề nghiệp của người chiến sỹ Công an nhân dân là luôn nêu cao tinh thần yêu nước và hành động yêu nước; tận trung với nước, tận hiếu với dân; thực hiện nghiêm 6 điều Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy Công an nhân dân, 4 điều Bác Hồ dạy lực lượng Cảnh sát PCCC, suốt đời phấn đấu "Vì nhân dân phục vụ". Thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng; rèn luyện phẩm chất: cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Có lối sống giản dị, trong sáng và đức tính cần cù, trung thực, khiêm tốn; tinh thần cảnh giác cách mạng; có ý thức đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "chỉ biết còn Đảng là còn mình". Rèn luyện phong cách tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo; luôn có ý thức tự học hỏi vươn lên, xác định việc học tập và rèn luyện phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ là nhiệm vụ hàng đầu, không ngừng phấn đấu nâng cao trình độ mọi mặt trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực công tác được giao; phấn đấu trở thành người Công an nhân dân thời đại mới vừa "hồng", vừa "chuyên"....

1.2. Thực trạng giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên Công an ở Trường Đại học PCCC

Công tác giáo dục đạo đức nghề nghiệp của nhà trường trong những năm qua đã đạt được những thành tựu đáng tự hào. Nhà trường thường xuyên tổ chức cho đảng viên, học viên học tập, quán triệt nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, của Ngành, của Đảng ủy trường, phát động các đợt thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Trường Đại học PCCC, 75 năm thành lập CAND, 75 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9; Thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về "đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh", gắn liền với Cuộc vận động "Xây dựng phong cách người Công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ"; Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-BCA ngày 19/5/2018 của Bộ trưởng về đổi mới nâng cao chất lượng phong trào "CAND học tập, thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy" trong tình hình mới và Cuộc vận động "Xây dựng phong cách người CAND bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ".

Trong những năm qua, nhà trường có nhiều tập thể, cá nhân học viên là điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua học tập, rèn luyện tốt, nhiều học viên có hoàn cảnh khó khăn được khen thưởng quỹ khuyến học cấp Bộ, cấp Trường, nhiều học viên được nhận thưởng học bổng quỹ khuyến học của Cựu học viên Trường Đại học PCCC. Ngoài ra, nhiều học viên cũng được Bộ Công an tặng Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong tập luyện, tham gia hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn, nhiều học viên được ghi nhận đạt danh hiệu "Sinh viên 5 tốt", giải thưởng "Sao tháng Giêng"... Các học viên đạt thành tích cao khi tốt nghiệp ra trường được vinh danh, khen thưởng, trong đó có cả những học viên đạt thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được Bộ trưởng tặng Bằng khen và được thăng cấp bậc hàm trước niên hạn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đạt được, vẫn còn có học viên của nhà trường chưa nhận thức rõ ràng về ngành nghề của mình, chưa tự giác tích cực trong việc học tập tu dưỡng và rèn luyện bản thân. Điều này ảnh hưởng lớn đến ý thức thái độ lối sống cũng như là kết quả học tập của học viên.

Trước những yêu cầu, nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn cách mạng mới, để quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: "phấn đấu năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại..."[3; tr. 157 – 158]. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16-3-2022 (Nghị quyết 12) của Bộ Chính trị nhằm xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đủ sức để hoàn thành tốt nhiệm vụ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để đưa nước ta ngày càng phát triển.

Vì vậy, việc xây dựng "con người" – những chiến sỹ Công an nhân dân với đạo đức nghề nghiệp đầy đủ đóng vai trò quan trọng để đảm bảo an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xứng đáng với truyền thống anh hùng vẻ vang của Công an nhân dân Việt Nam.

2. Đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị góp phần nâng cao giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên Công an

2.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao hiệu quả tiếp nhận giáo dục đạo đức nghề nghiệp

Đổi mới phương pháp thuyết trình

Phương pháp truyền thống trong giảng dạy lý luận chính trị là thuyết trình. Phương pháp này có ưu điểm là mang lại hệ thống kiến thức một cách toàn diện. Học viên nắm bắt được ngay nội dung kiến thức trên lớp, không đòi hỏi nhiều phương tiện kỹ thuật dạy học đi kèm. Tuy nhiên, điểm hạn chế lớn nhất của phương pháp này là tạo ra tính thụ động, máy móc, rập khuôn, không phát huy được tính chủ động, sáng tạo của học viên.

Để khắc phục được hạn chế này, giảng viên cần kết hợp và sử dụng nhuần nhuyễn với các phương pháp đối thoại, nêu vấn đề. Hiện nay, giảng viên trong khoa đều sử dụng kết hợp các phương pháp này và đạt hiệu quả cao. Phương pháp này tạo nên sự thoải mái, gắn bó giữa giảng viên và học viên, đồng thời giúp học viên nắm bắt được nội dung bài học một cách tự nhiên nhất, học viên cũng biết vận dụng những vấn đề đã học vào cuộc sống.

Đổi mới phương pháp thảo luận

Hiện nay, ngoài kiến thức được học trên giảng đường, giáo trình, tài liệu. Học viên cũng được tiếp xúc với nhiều nguồn học liệu mở trên internet, cho nên kiến thức của họ vô cùng phong phú, nhưng cũng dễ tạo ra tình trạng mất định hướng, đặc biệt khi tiếp nhận những thông tin không chính thống, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Cho nên, phương pháp thảo luận được sử dụng thường xuyên sẽ giúp học viên thể hiện sự hiểu biết, năng lực đánh giá vấn đề cũng như thực hành, ứng xử theo đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Khi giảng viên áp dụng phương pháp này cần lưu ý: Học viên cần đảm bảo học xong những kiến thức cơ bản, giảng viên cần chuẩn bị kỹ lưỡng những vấn đề thảo luận để xây dựng nội dung, định hướng. Các nhóm sẽ lần lượt trình bày các chủ đề được phân công, và đặt câu hỏi thảo luận với các nhóm khác. Giảng viên là người đánh giá, tổng kết, đưa ra kết luận. Việc thảo luận sẽ giúp học viên phát huy tính sáng tạo trong học tập, lĩnh hội kiến thức hiệu quả nhất.

2.2. Gắn nội dung giảng dạy với giáo dục đạo đức nghề nghiệp, đấu tranh với các biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá"

Giảng viên lý luận chính trị phải tăng cường kết hợp giảng dạy lý luận về tư tưởng chính trị và đạo đức nghề nghiệp trong bài giảng của mình. Theo nguyên tắc toàn diện thì giảng dạy lý luận chính trị hơn bao giờ hết là phải thực hiện giáo dục về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống cho học viên. Đó là phẩm chất tận trung với nước, tận hiếu với dân. Trung với nước hiếu với dân ngày nay thể hiện ở ý chí quyết tâm bảo vệ Đảng, bảo vệ sự nghiệp của Đảng và Nhà nước, sẵn sàng hi sinh để bảo vệ nhân dân. Yêu nước là một phẩm chất đạo đức quan trong hàng đầu của người chiến sỹ Công an nhân dân. Chính vì vậy, đây cũng là một nội dung quan trọng của giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho học viên Trường Đại học PCCC. Giảng viên truyền thụ và rèn luyện nhằm hình thành ở học viên các khía cạnh đạo đức cụ thể của tinh thần tận trung với nước, tận hiếu với dân. Đặc biệt, giáo dục cho học viên thực hiện nghiêm 6 điều Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy Công an nhân dân.

Kiên định và quyết tâm thực hiện lí tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, ra sức phấn đấu vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Tích cực học tập, rèn luyện chuyên môn, đạo đức cách mạng, nhân cách với tinh thần sáng tạo, có chất lượng hiệu quả cao. Giáo dục cho học viên sự ứng xử có văn hóa với nhân dân. Đó là thái độ kính trọng, lễ phép với nhân dân, không có thái độ cửa quyền, hách dịch đối với dân khi làm nhiệm vụ. Tôn trọng quyền của người dân, tôn trọng nhân phẩm của người dân.

Bên cạnh đó, giảng viên cần thẳng thắn đưa ra những biểu hiện cụ thể của "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" vào trong bài giảng để giúp học viên không mắc phải như: Phai nhạt lý tưởng cách mạng; dao động, giảm sút niềm tin vào mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hoài nghi, thiếu tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Xa rời tôn chỉ, mục đích của Đảng; không kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; phụ hoạ theo những nhận thức lệch lạc, quan điểm sai trái. Phủ nhận vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với lực lượng vũ trang; đòi "phi chính trị hoá" quân đội và Công an; xuyên tạc đường lối quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; chia rẽ quân đội với Công an; chia rẽ nhân dân với quân đội và Công an….

3. Kết luận

Hiện nay, Trường Đại học PCCC đề ra mục tiêu phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học chất lượng cao trong lĩnh vực PCCC&CNCH không chỉ có uy tín trong ngành Công an mà cả trong hệ thống giáo dục Đại học Việt Nam góp phần đào tạo ra các thế hệ sỹ quan Cảnh sát PCCC&CNCH "vừa hồng, vừa chuyên" cùng lực lượng Công an nhân dân hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân giao phó, phục vụ sự nghiệp phát triển ổn định kinh tế xã hội của đất nước. Để hoàn thành được nhiệm vụ khó khăn nhưng rất vinh quang này, yếu tố quan trọng để Đảng, Nhà nước, ngành Công an và nhân dân ghi nhận thành tựu của nhà trường là những người chiến sỹ Cảnh sát PCCC khi ra trường, phục vụ trong ngành Công an. Với một "sản phẩm đầu ra tốt" với đạo đức nghề nghiệp đầy đủ, được đánh giá cao thì mục tiêu đã được Đảng bộ Nhà trường đề ra trong nhiệm kỳ 2020 – 2025 nhất định sẽ hoàn thành.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Cường (2019), *"Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên các học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng"*, Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt tháng 10/2019.

2. Đỗ Thị Châu (2001), *"Tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc đổi mới phương pháp dạy học ở bậc đại học"*, Tạp chí Giáo dục, số 4, tr 21-23.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.

4. Phạm Đinh Nghiệp (2000), *Giáo dục lí tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam trong tình hình mới*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

5. Lê Công Triêm (2001), *Bồi dưỡng năng lực tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên*, Tạp chí Giáo dục, số 8, tr 20-22.

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ TÌNH HÌNH CHÁY, NỔ, TAI NẠN, SỰ CỐ

Đại úy, ThS ĐINH NGỌC KHÁNH LINH - Đại úy, ThS NGUYỄN THỊ LAN ANH
Khoa Chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: *Hệ thống chỉ tiêu thống kê đóng vai trò quan trọng trong công tác thống kê đối với tất cả các lĩnh vực, trong đó có công tác thống kê phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH). Tuy nhiên, trong thực tế, hệ thống chỉ tiêu thống kê tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố còn tồn tại nhiều hạn chế. Bài viết khái quát thực trạng hệ thống chỉ tiêu thống kê PCCC&CNCH, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố hiện nay.*

Từ khóa: *chỉ tiêu thống kê; hệ thống; tình hình cháy; phòng cháy chữa cháy.*

Abstract: *The statistical indicator system plays an important role in statistics in all fields, including the field of fire and rescue. However, in reality, the system of statistical indicators for fires, explosions, accidents, and incidents reveals many limitations. The article briefly presents the current status of the statistical indicator system for fire and rescue and proposes a number of solutions to improve the indicator system to meet the need for statistical information on the situation of fire, explosions, accidents, and incidents.*

Keywords: *statistical indicators; system; fire situation; fire prevention and fighting.*

Ngày nhận bài*: 05/12/2023;* ***Ngày thẩm định****: 28/12/2023;* ***Ngày duyệt đăng****: 05/4/2024.*

1. Đặt vấn đề

Hệ thống chỉ tiêu thống kê PCCC&CNCH là tập hợp những chỉ tiêu thống kê về công tác PCCC&CNCH do cơ quan quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ (Bộ Công an) ban hành nhằm phục vụ trong việc đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển của cơ quan PCCC&CNCH và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân khác. Trong công tác thống kê tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố đã có hệ thống chỉ tiêu được quy định cụ thể theo biểu số A18 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2019/TT-BCA ban hành ngày 21/6/2019 quy định về công tác thống kê trong Công an nhân dân. Tuy nhiên, công tác thống kê theo hệ thống chỉ tiêu này vẫn còn nhiều hạn chế. Số liệu thống kê chưa phản ánh được đầy đủ các mặt của tình hình cháy, nổ trên toàn quốc trong những năm qua, nhất là về mặt đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động, còn thiếu nhiều số liệu cơ bản làm căn cứ cho việc xây dựng kế hoạch, quyết định chính sách.

2. Thực trạng hệ thống chỉ tiêu thống kê tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố

Chỉ tiêu thống kê tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố và thiệt hại được quy định theo Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ban hành ngày 01/7/2016 bao gồm khái niệm, phương pháp tính, phân tổ chủ yếu, kỳ công bố, nguồn số liệu, cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp. Các chỉ tiêu thống kê trong báo cáo thống kê tháng được quy định theo biểu số A18 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2019/TT-BCA ban hành ngày 21/6/2019 quy định về công tác thống kê trong Công an nhân dân cho Công an các đơn vị, địa phương trong toàn quốc, bao gồm một số nhóm chỉ tiêu chính sau: tổng số vụ; số người chết; số người bị thương; tài sản thiệt hại; diện tích rừng bị cháy; loại hình cơ sở xảy ra cháy; nguyên nhân xảy ra cháy; số trường hợp vi phạm các quy định về PCCC&CNCH; một số chỉ tiêu khác về hoạt động của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Có thể thấy, có những chỉ tiêu được đưa ra chưa rõ ràng trong cách tính cũng như không có hướng dẫn tính toán cụ thể. Vì vậy sẽ gây ra khó khăn cho cán bộ thống kê trong việc tiến hành thực hiện. Một số bất cập trong việc thống kê các chỉ tiêu như sau:

Chỉ tiêu thống kê số lượng vụ cháy xảy ra theo phân loại vụ cháy còn nhiều bất cập, mỗi địa phương hiểu theo một cách khác nhau, dẫn đến sự sai lệch số liệu. Phân loại vụ cháy hiện nay vẫn áp dụng theo Hướng dẫn tạm thời số 3514/C66-P1, ban hành ngày 24/07/2015, bao gồm 5 loại như sau: vụ cháy lớn, vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng, vụ cháy lớn gây thiệt hại nghiêm trọng, vụ cháy trung bình, vụ

cháy nhỏ, gây thiệt hại không đáng kể. Hướng dẫn này đã lâu, không còn tính cấp thiết và thời sự với sự thay đổi của kinh tế - xã hội hiện nay, giá trị thiệt hại tài sản không còn phù hợp với thời điểm hiện tại do lạm phát và các yếu tố khác tác động. Cách phân loại vụ cháy thay đổi liên tục trong những năm gần đây nên khó cho việc so sánh số liệu và tình hình cháy nổ giữa các năm.

Chỉ tiêu thống kê thiệt hại trực tiếp về vật chất do cháy gây ra còn gặp nhiều khó khăn trong quá trình phối kết hợp với chủ cơ sở, vẫn còn những cơ sở kê khai không trung thực về thiệt hại tài sản để tránh bị phạt. Cán bộ làm công tác thống kê còn nhiều người chưa đủ kinh nghiệm và năng lực để tính toán được thiệt hại do cháy gây ra. Việc tính thiệt hại về tài sản do cháy gây ra là rất khó nhưng lại không có quy định cụ thể, đặc biệt là xác định thiệt hại gián tiếp (là những tổn thất do phải ngừng sản xuất, ngừng kinh doanh; những chi phí cho việc chữa cháy, xử lý những hậu quả). Trên thực tế chúng ta bỏ qua phần tính toán thiệt hại gián tiếp mà chỉ xác định thiệt hại trực tiếp trong vụ cháy. Do không có quy định rõ ràng nên khi xác định, con số chỉ mang tính ước chừng sơ bộ và phụ thuộc khá nhiều vào ý kiến chủ quan của cán bộ thống kê.

Chỉ tiêu thống kê số lượng vụ cháy xảy ra theo nguyên nhân gây ra cháy: theo Hướng dẫn số 3563/C07-P1 về báo cáo, thống kê trong lực lượng Cảnh sát PCCC quy định có 7 nhóm nguyên nhân xảy ra cháy, nổ như sau: sơ suất do sử dụng; vi phạm quy định về PCCC; sự cố hệ thống, thiết bị; đốt; do tác động của hiện tượng thiên nhiên; nguyên nhân khác; chưa rõ nguyên nhân. Trong nhóm 7 nguyên nhân này có nguyên nhân do "đốt" được quy định đốt do bệnh lý; phá hoại; tự thiêu; mâu thuẫn, tư thù; vụ lợi; che giấu hành vi phạm tội; lý do khác. Quy định này mâu thuẫn với phần 2.2. Hướng dẫn thống kê (Hướng dẫn số 3563/C07-P1) các vụ cháy không thống kê: đốt phục vụ mục đích thí nghiệm, huấn luyện, thử nghiệm của lực lượng Công an, Quân đội và các cơ quan chức năng có thẩm quyền, đốt rác (có kiểm soát); do tự thiêu, đốt do tư thù, mâu thuẫn… Công tác điều tra nguyên nhân vụ cháy cũng đang còn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy rất khó để thống kê được chính xác số vụ cháy theo từng nguyên nhân và rất có thể được thống kê vào nhóm "nguyên nhân khác". Như vậy sẽ khó có thể đi đến kết luận đúng về những nguyên nhân chủ yếu gây ra cháy.

Các chỉ tiêu thống kê số lượng vụ cháy xảy ra theo thời gian, theo loại cơ sở, theo loại nhà, công trình, theo địa bàn, theo vị trí, theo đối tượng gây ra cháy, theo độ tuổi gây ra cháy không được tiến hành thống kê một cách thường xuyên liên tục, chỉ khi có nhu cầu đột xuất hoặc phục vụ cho một vấn đề nghiên cứu nào đó mới tiến hành điều tra thống kê.

Việc thống kê nguồn nước chữa cháy không thường xuyên, không kịp thời cập nhật nên gây khó khăn cho công tác chữa cháy. Việc thống kê tình trạng hoạt động của các phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chưa thực sự sát sao và chính xác. Ngoài ra, chỉ tiêu thống kê không rõ ràng, khó xác định sẽ làm ảnh hưởng đến chất lượng công tác điều tra và tổng hợp thống kê về tình cháy nổ. Có nhiều chỉ tiêu đưa ra nhưng chưa từng thực hiện hoặc thực hiện không thường xuyên, chỉ khi có việc mới bắt đầu điều tra thống kê lại từ đầu.

Bên cạnh đó, dữ liệu thống kê trong công tác PCCC&CNCH thường không đồng bộ giữa các cơ quan, đơn vị khác nhau và nhiều thông tin thống kê không được công khai trên diện rộng. Sự không đồng bộ giữa các hệ thống thông tin có thể ảnh hưởng đến công tác tổng hợp và phân tích dữ liệu, dẫn đến khó khăn trong công tác dự báo tình hình cháy nổ, tai nạn, sự cố và hoạch định các chính sách, chiến lược trong công tác PCCC&CNCH.

Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong công tác thống kê tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố là do:

- Lãnh đạo, chỉ huy Công an một số đơn vị, địa phương vẫn chưa nhận thức đúng về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê số liệu, coi đây chỉ là hoạt động bổ trợ cho công tác báo cáo, nên chưa có sự quan tâm, đầu tư đúng mức cho công tác này; chưa chú trọng chỉ đạo để thực hiện nghiêm túc, thậm chí thiếu kiểm tra, hướng dẫn, chấn chỉnh hoặc có tư tưởng khoán trắng cho cán bộ làm công tác thống kê.

- Tính chất công tác thống kê tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố là phức tạp, đơn điệu, không thu hút được cán bộ; chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ thống kê chưa phù hợp nên một số cán bộ không yên tâm công tác, không tích lũy kinh nghiệm, thiếu tâm huyết trong thực hiện nhiệm vụ, đôi khi còn né tránh, đùn đẩy công việc.

- Hệ thống tổ chức và bố trí cán bộ làm công tác thống kê còn nhiều bất cập, chưa có hệ thống tổ chức chuyên ngành thống kê trong Công an nhân dân nói chung và trong lực lượng Cảnh sát PCCC và CNCH nói riêng.

- Chưa quy định rõ ràng về hình thức xử lý tình trạng thống kê, báo cáo thiếu khách quan, đầy đủ, chính xác và kịp thời; một số đơn vị, cá nhân báo cáo sai, giấu số liệu nhưng không bị xử lý kỷ luật. Thậm chí, do bệnh thành tích, một số địa phương giấu bớt số liệu hoặc điều chỉnh số liệu nhằm đạt mục tiêu thi đua đặt ra.

- Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác thống kê còn hạn chế, chưa có phần mềm thống kê chuyên dụng và hệ thống máy tính nối mạng toàn quốc; một số máy tính, thiết bị mạng trang bị đã cũ, lạc hậu, công tác thống kê chủ yếu vẫn phải sử dụng phương pháp thủ công; hệ thống bảo mật còn thiếu nên hạn chế trong việc truyền và khai thác dữ liệu thống kê của toàn lực lượng.

3. Các giải pháp hoàn thiện đối với hệ thống chỉ tiêu thống kê PCCC&CNCH

Một là, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác thống kê về tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố theo chức năng của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH:

- Cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy Công an các cấp phải thật sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt cán bộ, chiến sỹ thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quy định của Bộ Công an về công tác thống kê. Xác định công tác thống kê là kỷ luật công

tác, phải thực hiện nghiêm túc, bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác yêu cầu của lãnh đạo, chỉ huy Công an các cấp. Tập trung triển khai thực hiện thật tốt Thông tư số 14/2019/TT-BCA ngày 21/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về Công tác thống kê trong Công an nhân dân và các hướng dẫn của Cục Cảnh sát PCCC và CNCH.

- Cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy Công an các cấp thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, chấn chỉnh cán bộ thực hiện công tác thống kê; xác định đây là công tác chuyên môn chính và là căn cứ để xét phân loại cán bộ, thi đua hằng năm. Gắn trách nhiệm của Thủ trưởng Công an các đơn vị, địa phương với số liệu đã báo cáo, nhất là những sai sót do đơn vị mình phụ trách; kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định những trường hợp sai phạm do yếu tố chủ quan, tránh tình trạng nể nang dẫn đến xem nhẹ công tác thống kê.

Hai là, nâng cao hoạt động của các chủ thể thực hiện công tác thống kê về tình hình cháy, nổ và cứu nạn, cứu hộ theo chức năng của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Ba là, các nhóm hệ thống chỉ tiêu cần phải đảm bảo những yêu cầu như thông tin phải đầy đủ, kịp thời, chính xác là một yếu tố cơ bản quyết định đến chất lượng đánh giá kế hoạch phát triển của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.

Xây dựng và duy trì một hệ thống cơ sở dữ liệu chính xác và đầy đủ về các chỉ tiêu liên quan đến PCCC&CNCH. Tổ chức thu thập dữ liệu định kỳ từ các đơn vị chức năng, đảm bảo tính đồng bộ và đáng tin cậy. Bên cạnh đó hệ thống biểu phải gọn nhẹ, tiện lợi khi nhập dữ liệu, dễ tra cứu tìm kiếm, đảm bảo thông tin nhanh, kịp thời, chính xác với mục tiêu là một hệ thống biểu mẫu thống nhất phù hợp với cơ chế quản lý trong thời kỳ đổi mới một cách toàn diện của địa phương và đất nước.

Cải tiến mẫu phiếu điều tra, hướng dẫn cụ thể cách nhập thông số, tránh gây hiểu nhầm cho cả cán bộ thu thập thông tin và người cung cấp thông tin. Thay đổi các mẫu bảng biểu, đồ thị hợp lý và dễ hiểu hơn.

Bốn là, chỉnh sửa một số chỉ tiêu đối với nhóm hệ thống chỉ tiêu phục vụ nghiên cứu, cụ thể như sau: đây là nhóm hệ thống chỉ tiêu thống kê đáp ứng các nhu cầu đột xuất, các cuộc điều tra không thường xuyên, các chuyên đề khoa học, sáng kiến. Áp dụng phương pháp thống nhất trong xử lý, tính toán để đảm bảo tính nhất quán của các chỉ tiêu thống kê theo thời gian; các chỉ tiêu phải so sánh được với các nước trong khu vực và trên thế giới (số vụ cháy trung bình/ 1000 người dân; số người chết cháy trung bình/ 100000 người dân; số người chết cháy trung bình/ 100 vụ cháy…).

Năm là, chỉnh sửa một số chỉ tiêu đối với nhóm hệ thống chỉ tiêu phục vụ báo cáo, cụ thể như sau:

- Chỉ tiêu thống kê số lượng vụ cháy xảy ra theo phân loại vụ cháy: cần phải thay đổi lại cách phân loại vụ cháy theo những tiêu chí sau đây: Diện tích đám cháy; Thiệt hại do cháy gây ra; Dựa theo cả 2 tiêu chí diện tích đám cháy và thiệt hại do cháy gây ra; Các tiêu chí khác.

- Các chỉ tiêu thống kê về những thiệt hại do cháy gây ra:

+ Chỉ tiêu thống kê thiệt hại trực tiếp về vật chất do cháy gây ra: bổ sung thêm các kiến thức về kinh tế, kế toán, bảo hiểm,… cho các cán bộ làm công tác thống kê thiệt hại tài sản do cháy gây ra. Có quy chế phối hợp với các ngành nghề lĩnh vực khác có liên quan trong việc xác định thiệt hại về tài sản như kiểm toán, bảo hiểm, xây dựng,… trong quá trình xác định giá trị tài sản bị hư hỏng hoặc bị thiêu hủy do cháy, nổ gây ra.

+ Chỉ tiêu thống kê thiệt hại gián tiếp về vật chất do cháy gây ra:

Thiệt hại gián tiếp vật chất do đám cháy gây ra thường lớn hơn thiệt hại trực tiếp. Việc thống kê thiệt hại gián tiếp rất phức tạp, ảnh hưởng của nó đối với kinh tế, xã hội mang tính dây chuyền chúng ta chưa có đầy đủ cơ sở khoa học để thực hiện, do vậy tạm thời ở Việt Nam không thống kê thiệt hại gián tiếp, chỉ thống kê thiệt hại trực tiếp do vụ cháy, nổ gây ra. Trường hợp thiệt hại gián tiếp do vụ cháy, nổ gây ra nhưng gây hậu quả nghiêm trọng về kinh tế, chính trị thì cần phải thống kê rõ trong báo cáo. Trên thế giới đã có nhiều quốc gia tính toán được thiệt hại gián tiếp về vật chất do cháy gây ra như Nga, Trung Quốc, Mỹ,… chúng ta có thể học hỏi các phương pháp của những quốc gia này để áp dụng vào Việt Nam trong thời gian tới. Theo tính toán thống kê của Nga thì giá trị thiệt hại gián tiếp do đám cháy gây ra còn lớn hơn giá trị thiệt hại trực tiếp từ 3 lần trở lên. Song các chuyên gia phòng cháy, chữa cháy của các nước đều cho rằng giá trị thiệt hại gián tiếp phải bao gồm tất cả những chi phí có liên quan do đám cháy gây ra như: Chi phí cho lực lượng PCCC tham gia cứu chữa đám cháy; Trợ cấp giúp nạn nhân gặp rủi ro trong điều kiện đám cháy; Chi phí cho công tác nghiên cứu khoa học để khắc phục hậu quả; Chi phí bảo hiểm cho các cơ sở, nạn nhân; Chi phí cho các tổn thất của nền sản xuất, các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan trong việc cung cấp nguyên liệu ban đầu và thu mua, tiêu thụ sản phẩm...

- Chỉ tiêu thống kê về nguyên nhân do cháy gây ra: cụ thể và rõ ràng hơn. Chúng ta có thể tham khảo cách phân loại nguyên nhân gây cháy của một số quốc gia trên thế giới như Nga, Mỹ. Ở Nga nguyên nhân gây cháy được chia thành 18 loại: sự sơ suất của người lớn với lửa; vận hành thiết bị điện; hoạt động của lò và sự cố trong thiết bị của họ; đốt phá; do phương tiện vi phạm; nguyên nhân khác; trẻ em chơi với lửa; không xác định; thiết bị gas và hành vi vi phạm; tiêu chuẩn vận hành; đối với công việc điện; thiết bị tạo nhiệt; sấm sét; thiết bị sản xuất, quá trình sản xuất; tự bốc cháy; sinh nhiệt khi làm nóng động cơ, đường ống và khác; hoạt động không chính xác của các thiết bị gas, xăng, dầu hỏa; vụ nổ; sản phẩm pháo hoa. Hay như ở Mỹ nhóm nguyên nhân gây cháy được phân làm 7 loại như sau: nấu nướng; thiết bị sưởi ấm; thiết bị phân phối điện và chiếu sáng; cố ý; vật liệu hút thuốc; máy sấy quần áo hoặc máy giặt; tiếp xúc với lửa, quạt/ điều hòa, nến.

- Các chỉ tiêu thống kê về hoạt động của lực lượng PCCC&CNCH: các chỉ tiêu này được đưa ra rất nhiều mục

nhưng lại thiếu cán bộ làm công tác tổng hợp nên gần như chúng ta không có số liệu được cập nhật theo ngày, tháng, quý năm. Chính vì vậy trong thời gian tới cần phân công cán bộ chuyên trách thực hiện công tác thống kê về hoạt động của lực lượng PCCC&CNCH, đảm bảo nhu cầu về số liệu.

- Các chỉ tiêu thống kê về lực lượng, phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác PCCC&CNCH:

+ Chỉ tiêu thống kê số lượng phương tiện chữa cháy và CNCH: cần thống kê cụ thể, chi tiết hơn nữa về số lượng xe chữa cháy hoặc xe CNCH; số lượng xe thang, xe nâng và các loại xe chuyên dụng khác; số lượng các loại lăng chữa cháy được sử dụng chữa cháy một vụ cháy (lăng B; lăng A; lăng giá; lăng phun bọt; lăng phun bột; lăng phun áp lực cao).

+ Chỉ tiêu thống kê tình trạng hoạt động của các phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ: tình trạng hoạt động tốt; trung bình; kém; hư hỏng nặng không hoạt động. Phải thống kê hàng ngày để có các biện pháp tu sửa, bảo dưỡng kịp thời, đảm bảo tốt cho công tác chữa cháy.

+ Chỉ tiêu thống kê nguồn nước nước chữa cháy: nguồn nước chữa cháy thiên nhiên (hồ; ao; sông; ngòi…); bể nước chữa cháy; trụ nước chữa cháy.

Chỉ tiêu thống kê nguồn nước: Số lượng; khối lượng (dung tích).

Việc thống kê nguồn nước chữa cháy phải được tiến hành thường xuyên, định kỳ, kịp thời cập nhật đảm bảo tốt nhất cho công tác chữa cháy.

Sáu là, kiểm tra và đánh giá định kỳ về hiệu suất thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê, từ đó điều chỉnh và cải tiến theo thời gian. Tổ chức các cuộc đánh giá tập trung hàng năm ở các địa phương và trên toàn quốc về công tác triển khai thực hiện hệ thống chỉ tiêu thống kê PCCC&CNCH.

Bảy là, tăng cường hợp tác giữa các cơ quan chức năng, bao gồm cả Công an, quân đội, và các cơ sở y tế để chia sẻ thông tin và tài nguyên hiệu quả. Hợp tác với các tổ chức quốc tế để học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm trong việc nâng cao khả năng thống kê và ứng phó với tình huống khẩn cấp.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2019), *Thông tư số 14/2019/TT-BCA, ngày 21/6/2019 quy định về công tác thống kê trong Công an nhân dân*.

2. Chính phủ (2016), *Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ban hành ngày 01/7/2016 quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia*.

3. Chính phủ (2020), *Nghị định số 136/2020/NĐ-CP, ban hành ngày 24/11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy*.

4. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH (2019), *Hướng dẫn số 3563/C07-P1, ngày 31/10/2019, Hướng dẫn báo cáo, thống kê trong lực lượng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy*.

5. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH, *Báo cáo công tác hàng năm*.

6. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 54/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/12/2016 ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã*.

7. Website: https://www.ctif.org.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGHIỆP VỤ ...

(Tiếp theo trang 27)

ứng yêu cầu phục vụ công tác chữa cháy. Thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị chuyên đề về chuyên môn PCCC, CNCH, qua đó rút kinh nghiệm và trao đổi học tập kinh nghiệm trong công tác PCCC, CNCH để nâng cao hiệu quả chất lượng công tác.

Tám là, tham gia có trách nhiệm trong việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hơn nữa các văn bản quy phạm pháp luật khi có yêu cầu đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về PCCC phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an toàn PCCC, CNCH cho tổ chức, cá nhân, đảm bảo hiệu quả tiết kiệm cho xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2023), *Đề án số 10/ĐA-BCA-C07 ngày 15/3/2023 của Bộ Công an về Xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*.

2. Bộ Công an (2023), *Tờ trình của Bộ Công an về việc đề nghị xây dựng Luật PCCC&CNCH*.

3. Công an Thành phố Hải Phòng (2023), *Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng nghiệp vụ cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an cấp huyện, Công an cấp xã trong công tác PCCC&CNCH,* Báo cáo tham luận tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2023.

4. Quốc hội (2001, 2013), *Luật PCCC và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC*.

ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT PCCC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ THANH TRÙ, THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thượng tá, ThS NGUYỄN MẠNH HÙNG
Phó trưởng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Vĩnh Phúc
Đại úy PHÙNG THỊ MINH
Công an tỉnh Vĩnh Phúc

Tóm tắt: *Chỉ tiêu thống kê là tiêu chí mà biểu hiện bằng số của nó phản ánh quy mô, tốc độ phát triển, cơ cấu, quan hệ tỷ lệ của hiện tượng kinh tế, xã hội trong điều kiện thời gian, không gian cụ thể. Ứng dụng chỉ số thống kê trong nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật PCCC trên địa bàn xã Thanh Trù, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về PCCC trên địa bàn xã Thanh Trù, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng; đồng thời làm tiền đề để mở rộng nghiên cứu ở mức độ cao hơn bằng phương pháp định lượng trong ứng dụng khoa học thống kê cho lĩnh vực PCCC.*

Từ khóa: *yếu tố, ảnh hưởng, vi phạm pháp luật, Thanh Trù, Vĩnh Phúc.*

Abstract: *Statistical indicators are criteria expressed in numbers to reflect the scale, rate of development, structure, and correlations of socio-economic phenomena under specific time and space conditions. The application of statistical indicators in identifying factors influencing fire law-violating behaviors in Thanh Tru commune, Vinh Yen town, Vinh Phuc province aims to enhance the effectiveness of state management of fire prevention and fighting in this area, as well as to provide a basis for further research at a higher level using quantitative methods in the application of statistics to the field of fire prevention and fighting.*

Keywords: *factors, influence, law violations, Thanh Tru, Vinh Phuc.*

Ngày nhận bài: *19/02/2024;* ***Ngày thẩm định***: *20/02/2024;* ***Ngày duyệt đăng***: *05/4/2024.*

1. Giới thiệu

Tuân thủ pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật, theo đó, chủ thể pháp luật kiểm soát và kiềm chế hành vi của mình, nhằm tránh vi phạm vào các quy định bị cấm theo pháp luật hiện hành. Hành vi của chủ thể được thể hiện ở dạng hành động hoặc không hành động, dù cho có cơ hội để thực hiện chúng [10]. Tuân thủ pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, theo đó, chủ thể pháp luật có nghĩa vụ không thực hiện các hành vi đã bị pháp luật cấm.

Quản lý nhà nước về PCCC là một lĩnh vực cụ thể trong quản lý nhà nước về bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về PCCC là nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân được nhà nước trao quyền trong thực thi pháp luật PCCC. Tuân thủ pháp luật PCCC là một nội dung quan trọng, quyết định đến hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về PCCC. Tuân thủ pháp luật PCCC là hình thức thực hiện pháp luật PCCC, theo đó, chủ thể pháp luật kiểm soát và kiềm chế không vi phạm vào các quy định của pháp luật PCCC hiện hành.

Vi phạm pháp luật PCCC là hành vi trái pháp luật và có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật PCCC bảo vệ. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về PCCC nhằm hạn chế đến mức thấp nhất hành vi vi phạm pháp luật về PCCC thì chủ thể quản lý nhà nước về PCCC phải hiểu rõ bản chất, quy luật của hành vi vi phạm pháp luật PCCC. Tức là chủ thể quản lý phải nhận diện được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật PCCC.

Ứng dụng chỉ số thống kê trong nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật PCCC trên địa bàn xã Thanh Trù, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về PCCC trên địa bàn xã Thanh Trù, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng; đồng thời làm tiền đề để mở rộng nghiên cứu ở mức độ cao hơn bằng phương pháp định lượng trong ứng dụng khoa học thống kê cho lĩnh vực PCCC

Lý thuyết chấp nhận công nghệ (TAM - Technology Acceptance Model) của David (1989) [3]: TAM gồm 5 thành phần: Nhận thức dễ dàng sử dụng (PE); Nhận thức ích lợi sử dụng (PU); Kiểm soát hành vi cảm nhận (PBC); Ý định hành vi (behavior Intention) và Hành vi thực sự (Actual Behavior). Hạn chế của TAM là trong khi cung cấp quan điểm về chấp nhận và sử dụng dịch vụ, TAM chỉ tập trung vào những thành phần ý định của khách hàng mà không cho biết những nhận thức đó hình thành như thế nào và bằng cách nào để gia tăng việc chấp nhận và sử dụng dịch vụ của khách hàng..

2. Cở sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

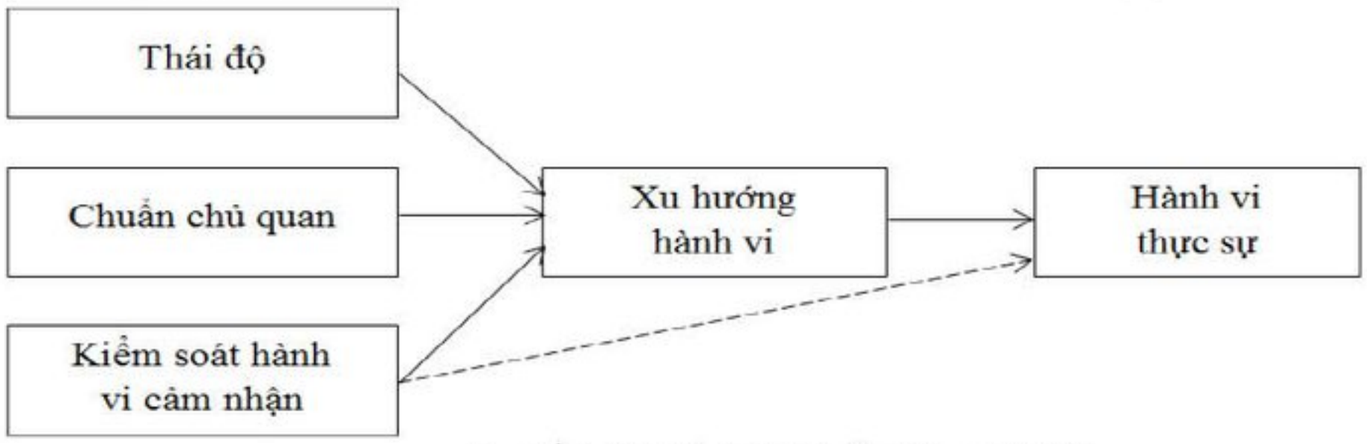
2.1. Cơ sở lý thuyết

Có nhiều nghiên cứu về mối quan hệ giữa ý định hành vi và hành vi thực sự, nổi bật và phổ biến là: Lý thuyết hành vi hợp lý (TRA); Lý thuyết chấp nhận công nghệ (TAM); Lý thuyết hành vi dự định (TPB).

Lý thuyết hành vi hợp lý (TRA- The Theory of Reasoned Action) của Fishbein and Ajzen (1975) [1]: Lập luận rằng các cá nhân đánh giá hậu quả của một hành vi cụ thể và tạo ra ý định hành động phù hợp với đánh giá của họ. TRA cho rằng các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi chỉ thực hiện một cách gián tiếp thông qua thành phần thái độ và các chuẩn mực chủ quan. Cụ thể hơn, TRA cho rằng hành vi của cá nhân có thể được dự đoán từ ý định của họ, từ thái độ và chuẩn mực chủ quan của họ. TRA có hạn chế là không chỉ rõ niềm tin cụ thể nào sẽ phù hợp trong các tình huống cụ thể.

Lý thuyết chấp nhận công nghệ (TAM - Technology Acceptance Model) của David (1989) [3]: TAM gồm 5 thành phần: Nhận thức dễ dàng sử dụng (PE); Nhận thức ích lợi sử dụng (PU); Kiểm soát hành vi cảm nhận (PBC); Ý định hành vi (behavior Intention) và Hành vi thực sự (Actual Behavior). Hạn chế của TAM là trong khi cung cấp quan điểm về chấp nhận và sử dụng dịch vụ, TAM chỉ tập trung vào những thành phần ý định của khách hàng mà không cho biết những nhận thức đó hình thành như thế nào và bằng cách nào để gia tăng việc chấp nhận và sử dụng dịch vụ của khách hàng.

Lý thuyết hành vi dự định (TPB-Theory of Planned Behavior) của Ajzen (1991) [2]:



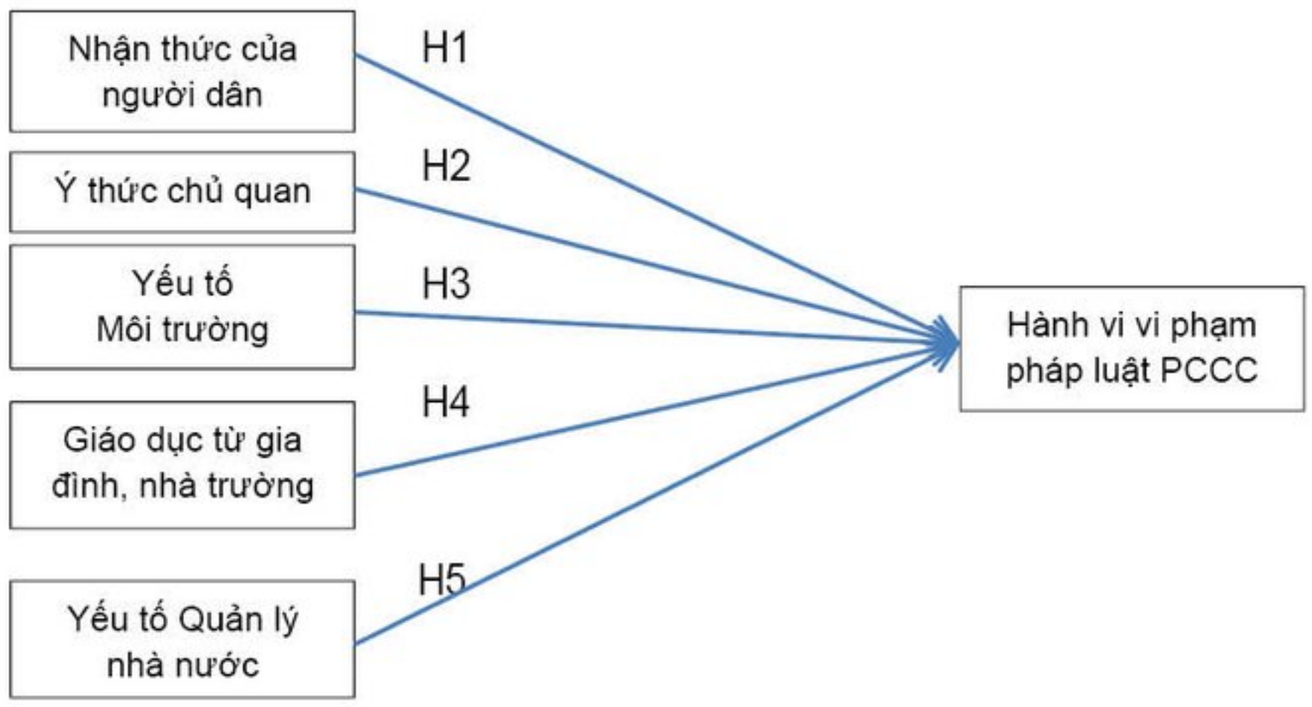
Sơ đồ 1: Mô hình TPB của Ajzen (1991).

TPB gồm các thành phần: Thái độ; Chuẩn chủ quan; Kiểm soát hành vi cảm nhận; Xu hướng hành vi và Hành vi thực sự (Sơ đồ 1). TPB được phát triển từ lý thuyết hành động hợp lý (TRA), giả định rằng một hành vi có thể được dự báo hoặc giải thích bởi các xu hướng hành vi để thực hiện hành vi đó. Các xu hướng hành vi được giả định bao gồm các nhân tố động cơ mà ảnh hưởng đến hành vi, và được định nghĩa như là mức độ nỗ lực mà mọi người cố gắng để thực hiện hành vi đó. Mô hình TPB được xem như tối ưu hơn mô hình TAM trong việc dự đoán và giải thích hành vi của người tiêu dùng trong cùng một nội dung và hoàn cảnh nghiên cứu.

Ngoài các nghiên cứu trên, còn có các nghiên cứu thực nghiệm khác như: Jalilvand và cộng sự (2012) [9]; Viet, N. B., (2019) [15]; Perera và Vlosky (2017) [13]; Seyidov và Adomaitiene (2016) [14] v.v...

2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất:

Từ những nhận thức và niềm tin nhất định, một người hình thành thái độ đối với một số đối tượng, trên cơ sở đó một người hình thành ý định về cách hành xử đối với đối tượng đó. Căn cứ vào các lý thuyết nền và các nghiên cứu thực nghiệm về quyết định hành vi, bài viết đề cập các giả thuyết và đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Sơ đồ 2: Mô hình nghiên cứu đề xuất.

H1: Nhận thức của người dân ảnh hưởng tích cực đến hành vi chấp hành pháp luật PCCC.
H2: Ý thực chủ quan của người dân có ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến ý định vi phạm pháp luật PCCC.
H3: Yếu tố môi trường (Chuẩn chủ quan) có ảnh hưởng tích cực đến ý định chấp hành pháp luật PCCC.
H4: Giáo dục từ gia đình, nhà trường có ảnh hưởng tích cực đến ý định chấp hành pháp luật PCCC.
H5: Công tác quản lý nhà nước về PCCC có ảnh hưởng tích cực đến ý định chấp hành pháp luật PCCC.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế bảng hỏi

Bảng câu hỏi được thiết kế gồm 2 phần chính. Phần 1 là các thông tin cá nhân của người trả lời bao gồm: giới tính; tình trạng vi phạm; tuổi; trình độ học vấn. Phần 2 bao gồm các biến đo lường phù hợp với mô hình nghiên cứu. Thang đo Likert 5 bậc được sử dụng trong nghiên cứu (1- Hoàn toàn không đồng ý, 2- Không đồng ý, 3- Bình thường, 4- Đồng ý, 5- Rất đồng ý).

Khảo sát sơ bộ và điều chỉnh bảng câu hỏi: sau khi thiết kế bảng khảo sát, thực hiện khảo sát sơ bộ bằng tiếp xúc trực tiếp với 7 người dân tại xã Thanh Trù, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và nhận được phản hồi của khách hàng. Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, đã điều chỉnh bảng khảo sát để tiến hành khảo sát chính thức trong tháng 01/2024.

Mẫu và thu thập dữ liệu: Hiện nay, theo nhiều nhà nghiên cứu, kích thước mẫu càng lớn càng tốt. Để sử dụng phân tích nhân tố khám phá (EFA), kích thước mẫu tối thiểu phải là 50, tốt hơn là 100 [11]. Do điều kiện nghiên cứu hạn chế, tác giả chọn cỡ mẫu 50. Trong đó, Nam 40 người chiếm 80%, Nữ 10 người chiếm 20%; Dưới 23 tuổi có 9 người chiếm 18%, từ 23 đến 50 tuổi có 41 người chiếm 82%; Trình độ phổ thông có 13 người chiếm 26%, Cao đẳng/Trung học chuyên nghiệp 6 người chiếm 12%, Đại học 26 người chiếm 52%, Trên Đại học 5 người chiếm 10%.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

Độ tin cậy của mỗi thang đo được đánh giá thông qua hệ số Cronbach's Alpha. "Hệ số Cronbach's Alpha là một phép kiểm định nhằm đo độ tin cậy của thang đo bằng cách phản ánh mức độ tương quan chặt chẽ giữa các biến quan sát trong cùng một nhân tố" [7]. Quy tắc chung: Các mức giá trị của hệ số Cronbach's Alpha ≥ 0,80 là tốt ,Cronbach's alpha ≈ 0,70 đáng xem xét, hoặc Cronbach's Alpha ≤ 0,5 không được chấp nhận... Nhìn chung, hệ số Cronbach's Alpha càng lớn thì thang đo càng có độ tin cậy cao. Tuy nhiên chỉ cần hệ số này lớn hơn 0,7 là thang đo đã được chấp nhận[12]. Đồng thời, kết quả kiểm định cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tương quan biến tổng phù hợp (Corrected Item - Total Correlation > 0,3) và không có biến nào có hệ số Cronbach's Alpha if Item Deleted lớn hơn hệ số Cronbach's Alpha tổng, chứng tỏ các biến đều đạt chất lượng tốt.

4.1.1. Đối với biến NT: VARIABLES=NT1 NT2 NT3 NT4 NT5 có Cronbach's Alpha Based on Standardized Items 0,778>0,5 đảm bảo độ tin cậy. Tuy nhiêm chỉ số Corrected Item-Total Correlation của NT5 là 0,219<0,3 vì vậy biến NT5 không có ý nghĩa thống kê nên loại ra khỏi biến quan sát; đồng thời tiến hành kiểm định lại với bốn biến NT1 NT2 NT3 NT4. Với VARIABLES=NT1 NT2 NT3 NT4 có Cronbach's Alpha Based on Standardized Items 0,838>0,5 đảm bảo độ tin cậy và chỉ số Corrected Item-Total Correlation thấp nhất là 0,546>0,3 thỏa mãn.

4.1.2. Đối với biến YT: Với VARIABLES=YT1 YT2 YT3 YT4 có Cronbach's Alpha Based on Standardized Items 0,863>0,5 đảm bảo độ tin cậy và chỉ số Corrected Item-Total Correlation thấp nhất là 0,546>0,3 thỏa mãn.

4.1.3. Đối với biến MT: Với VARIABLES=MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 có Cronbach's Alpha Based on Standardized Items 0,81>0,5 đảm bảo độ tin cậy và chỉ số Corrected Item-Total Correlation thấp nhất là 0,617>0,3 thỏa mãn.

4.1.4. Đối với biến GD: Với VARIABLES=GD1 GD2 GD3 GD4 có Cronbach's Alpha Based on Standardized Items 0,831>0,5 đảm bảo độ tin cậy và chỉ số Corrected Item-Total Correlation thấp nhất là 0,49>0,3 thỏa mãn.

4.1.5. Đối với biến QL: Với VARIABLES=QL1 QL2 QL3 QL4 có Cronbach's Alpha Based on Standardized Items 0,807>0,5 đảm bảo độ tin cậy và chỉ số Corrected Item-Total Correlation thấp nhất là 0,507>0,3 thỏa mãn.

4.1.6. Đối với biến phụ thuộc HV: Với VARIABLES=HV1 HV2 HV3 HV4 có Cronbach's Alpha Based on Standardized Items 0,897>0,5 đảm bảo độ tin cậy và chỉ số Corrected Item-Total Correlation thấp nhất là 0,708>0,3 thỏa mãn.

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha tổng với VARIABLES=NT1 NT2 NT3 NT4 YT1 YT2 YT3 YT4 MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 GD1 GD2 GD3 GD4 QL1 QL2 QL3 QL4, kết quả:

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
,926	,926>0,897 (giá trị lớn nhất của một biến độc lập)	21

4.2. Kiểm định nhân tố khám phá KMO

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) là một chỉ số dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố. Trị số của KMO phải đạt giá trị 0,5 trở lên (0,5 ≤ KMO ≤ 1) là điều kiện đủ để phân tích nhân tố là phù hợp. Nếu trị số này nhỏ hơn 0,5, thì phân tích nhân tố có khả năng không thích hợp với tập dữ liệu nghiên cứu. Với VARIABLES NT1 NT2 NT3 NT4 YT1 YT2 YT3 YT4 MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 GD1 GD2 GD3 GD4 QL1 QL2 QL3 QL4 (Đã loại biến NT5) có KMO:

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,759>0,5
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	755,135
	df	210
	Sig.	,000<0,05

Tuy nhiên có hai biến trong ma trận xoay là biến xấu (biến GD2 phân phối ở hai cột trong đó hiệu hai chỉ số 0,669-0,569<0,3 và biến QL4 có hệ số nhỏ hơn 0,5 nên bị ẩn) do vậy không có ý nghĩa thống kê nên phải loại để chạy lại KMO.

Rotated Component Matrix[a]

	Component				
	1	2	3	4	5
GD2	,669				,569
MT4	,662				
MT1	,567				
QL4					
YT2		,875			

Với FILE='D:\Backup\Desktop\Viết bài tập chí PCCC\Số liệu chạy SPSS loại biến NT5, GD2,QL4.xlsx'. FACTOR/VARIABLES NT1 NT2 NT3 NT4 YT1 YT2 YT3 YT4 MT1 MT2 MT3 MT4 MT5 GD1 GD3 GD4 QL1 QL2 QL3, hệ số KMO:

KMO and Bartlett's Test

Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		,739>0,5
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	664,905
	df	171
	Sig.	,000<0,05

Bản ma trận xoay **Rotated Component Matrix[a]** đã phân phối đều không còn biến xấu vì vậy chỉ số KMO đảm bảo.

4.3. Phân tích hệ số tương quan giữa các biến

Hệ số tương quan Pearson (Pearson correlation coefficient, kí hiệu r) là chỉ số đo lường mức độ tương quan tuyến tính giữa hai biến. Về nguyên tắc, tương quan Pearson sẽ tìm ra một đường thẳng phù hợp nhất với mối quan hệ tuyến tính của 2 biến. Ý nghĩa Hệ số tương quan pearson là nó mô tả cách mà một biến di chuyển trong mối quan hệ với một biến khác. Hệ số tương quan sẽ có giá trị từ -1,0 đến +1,0. Trong đó: Mối tương quan thuận cho biết rằng cả hai di chuyển theo cùng một hướng. Khi hệ số tương quan +1,0 chúng di chuyển song song; Hệ số tương quan mà âm, thì chúng di chuyển ngược hướng nhau; Hệ số tương quan bằng 0, không có tương quan nào cả.

Tuy nhiên, tác giả Andy Field (2009) [3] cho rằng mặc dù có thể đánh giá mối liên hệ tuyến tính giữa hai biến qua hệ số tương quan Pearson, nhưng chúng ta cần thực hiện kiểm định giả thuyết hệ số tương quan này có ý nghĩa thống kê hay không. Kết quả kiểm định nếu sig kiểm định nhỏ hơn 0,05, cặp biến có tương quan tuyến tính với nhau; nếu sig lớn hơn 0,05, cặp biến không có tương quan tuyến tính (mức ý nghĩa 5% = 0,05)

Correlations

		HV	NT	YT	MT	GD	QL
HV	**Pearson Correlation (r)**	**1**	**,555****	**,439****	**,654****	**,536****	**,541****
	Sig. (2-tailed)		**,000**	**,001**	**,000**	**,000**	**,000**
	N	50	50	50	50	50	50
NT	Pearson Correlation	,555**	1	,290*	,282*	,354*	,175
	Sig. (2-tailed)	,000		,041	,047	,012	,224
	N	50	50	50	50	50	50
YT	Pearson Correlation	,439**	,290*	1	,575**	,505**	,477**
	Sig. (2-tailed)	,001	,041		,000	,000	,000
	N	50	50	50	50	50	50
MT	Pearson Correlation	,654**	,282*	,575**	1	,606**	,620**
	Sig. (2-tailed)	,000	,047	,000		,000	,000
	N	50	50	50	50	50	50
GD	Pearson Correlation	,536**	,354*	,505**	,606**	1	,494**
	Sig. (2-tailed)	,000	,012	,000	,000		,000
	N	50	50	50	50	50	50
QL	Pearson Correlation	,541**	,175	,477**	,620**	,494**	1
	Sig. (2-tailed)	,000	,224	,000	,000	,000	
	N	50	50	50	50	50	50

**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

Theo bảng Correlations: Giá trị Sig. (2-tailed) giữa biến phụ thuộc (HV) với các biến độc lập (NT, YT, MT, GD, QL) có trị số lớn nhất là 0,01<0,05. Vì vậy, theo tác giả Andy Field (2009) thì biến phụ thuộc (HV) với các biến độc lập (NT, YT, MT, GD, QL) có tương quan tuyến tính với nhau. Đồng thời hệ số tương quan **Pearson Correlation (r)** đều ký hiệu ** cho biết rằng giữa biến phụ thuộc (HV) với các biến độc lập (NT, YT, MT, GD, QL) có sự tương quan tuyến tính ở mức tin cậy đến 99% (tương ứng mức ý nghĩa 1% = 0,01). Do vậy các biến độc lập (NT, YT, MT, GD, QL) đều có ý nghĩa để thực hiện phân tích Hồi quy.

4.4. Phân tích Hồi quy

Phân tích hồi quy là một phương pháp thống kê được sử dụng để nghiên cứu mối quan hệ giữa một biến phụ thuộc (biến mục tiêu) và một hoặc nhiều biến độc lập (biến dự đoán). Mục tiêu chính của phân tích hồi quy là dự đoán hoặc mô tả biến phụ thuộc dựa trên các biến độc lập. Trong phân tích hồi quy, biến phụ thuộc là biến chúng ta muốn dự đoán hoặc hiểu rõ hơn. Các biến độc lập (còn gọi là biến dự đoán) là những yếu tố mà chúng ta cho là có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc. Trong bài viết này, phân tích hồi quy được thực hiện bằng cách xác định một mô hình hồi quy giữa biến phụ thuộc là hành vi vi phạm pháp luật PCCC với các biến độc lập là nhận thức của người dân, ý thức của người dân, môi trường xã hội, giáo dục của gia đình và nhà trường, hiệu lực quản lý nhà nước về PCCC (sau khi đã loại các biến quan sát NT5, GD2, QL4).

Model Summary[b]

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	,781[a]	,610	**,566>0,5**	,694	2,062

a. Predictors: (Constant), QL, NT, YT, GD, MT

b. Dependent Variable: HV

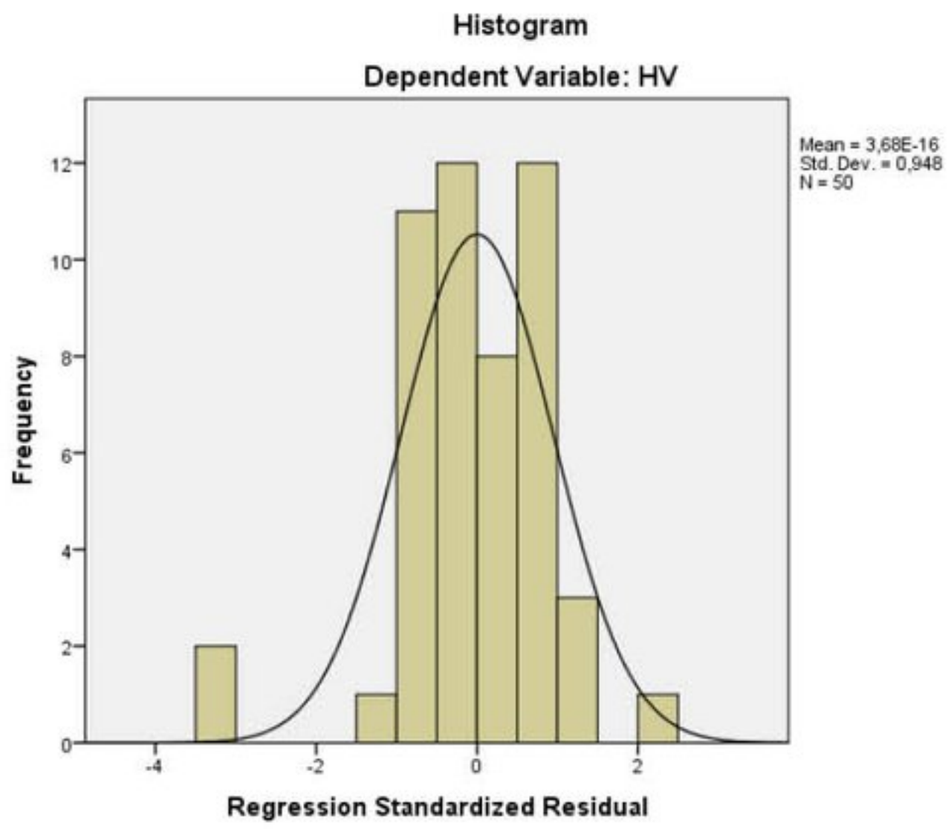
- Adjusted R Square hay còn gọi là R bình phương hiệu chỉnh, nó phản ánh mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập lên biến phụ thuộc. Cụ thể trong trường hợp này, Adjusted R Square bằng 0,566; tức là 5 biến độc lập đưa vào ảnh hưởng 56,6% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 43,4% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

- Giá trị sig của kiểm định F bằng 0,000<0,05 (theo bảng ANOVAa). Vậy mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được.

- Durbin-Watson (DW) dùng để kiểm định sự tương quan của các sai số kề nhau (hay còn gọi là tương quan chuỗi bậc nhất) có giá trị biến thiên trong khoảng từ 0 đến 4; nếu các phần sai số không có tương quan chuỗi bậc nhất với nhau thì giá trị sẽ gần bằng 2 (từ 1 đến 3); nếu giá trị càng nhỏ, gần về 0 thì các phần sai số có tương quan thuận; nếu càng lớn, gần về 4 có nghĩa là các phần sai số có tương quan nghịch. Theo kết quả: 1,817 < 2,062 < 2,183, như vậy, không có sự tương quan chuỗi bậc nhất trong mô hình.

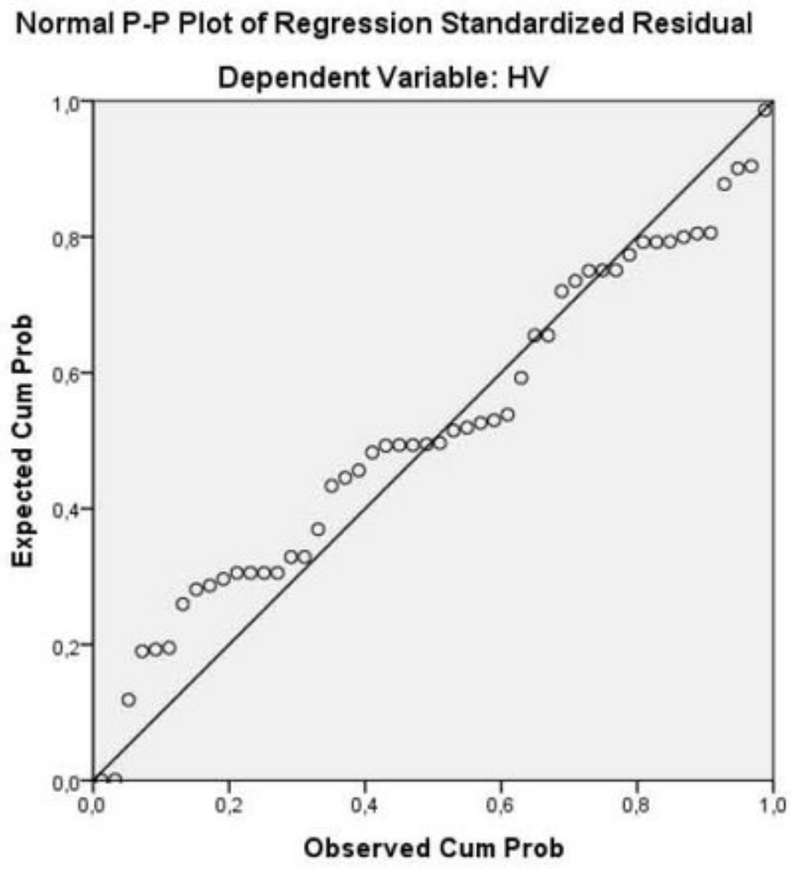
- Giá trị VIF, giá trị này dùng để kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến. Theo lý thuyết nhiều tài liệu viết, VIF < 10 sẽ không có hiện tượng đa cộng tuyến. Qua kiểm định giá trị VIF lớn nhất bằng 2,219 vậy mô hình không có hiện tượng đa cộng tuyến.

- Biểu đồ tần số phần dư chuẩn hóa Histogram:



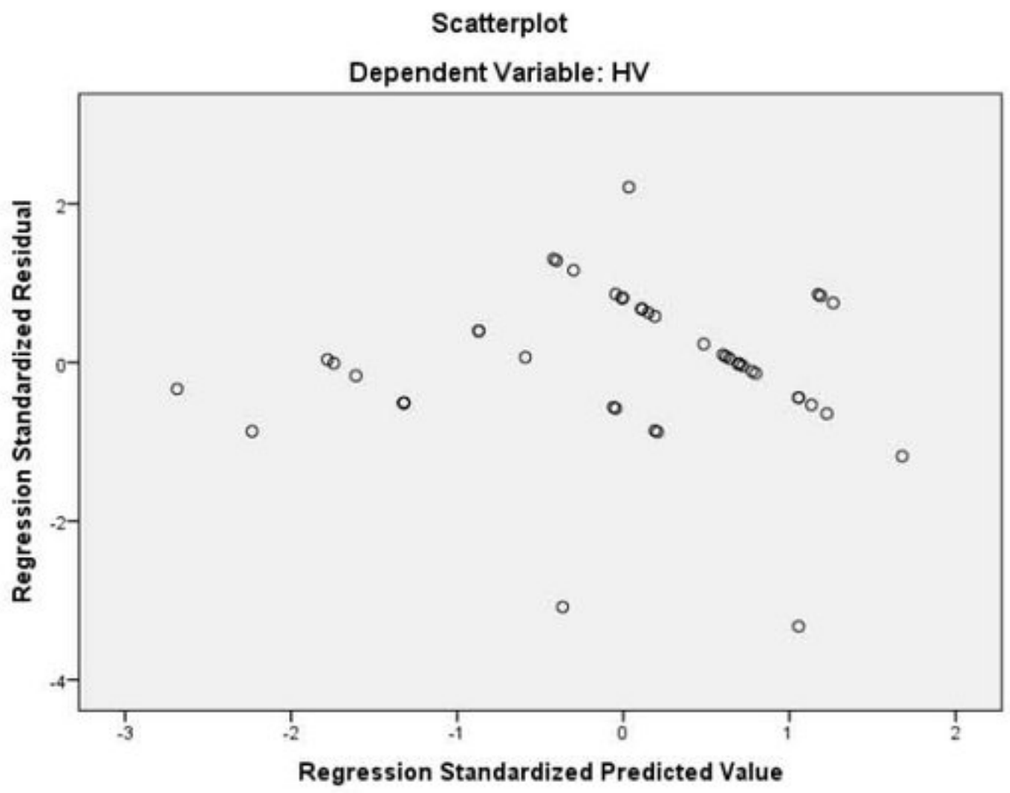
Từ biểu đồ ta thấy được, một đường cong phân phối chuẩn được đặt chồng lên biểu đồ tần số. Đường cong này có dạng hình chuông, phù hợp với dạng đồ thị của phân phối chuẩn. Giá trị trung bình Mean gần bằng 0, độ lệch chuẩn là 0,948 gần bằng 1, như vậy có thể nói, phân phối phần dư xấp xỉ chuẩn. Do đó, có thể kết luận rằng: Giả thiết phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.

- Biểu đồ phần dư chuẩn hóa Normal P-P Plot:



Các điểm phân vị trong phân phối của phần dư tập trung thành 1 đường chéo, như vậy, giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.

- Biểu đồ Scatter Plot kiểm tra giả định liên hệ tuyến tính:



Phần dư chuẩn hóa phân bổ tập trung xunh quanh đường tung độ 0, do vậy giả định quan hệ tuyến tính không bị vi phạm.

Vậy ta có phương trình hồi quy:

Y = -0,122 + 0,512.β(NT) + 0,403.β(MT) + 0,373.β(QL) + 0,097.β(GD) - 0,032.β(YT)

5. Kết luận và các hàm ý chính sách, hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Vận dụng chỉ số thống kê và lý thuyết hành vi dự định trong nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi vi phạm pháp luật PCCC trên địa bàn xã Thanh Trù, Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc là phù hợp, đạt kết quả đáng tin cậy. Mô hình nghiên cứu đạt độ tin cậy tổng hợp, đạt giá trị phân biệt và năng lực giải thích cao.

Có các mối quan hệ trực tiếp và các mối quan hệ gián tiếp có ý nghĩa thống kê trong mô hình.

5.2. Các hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 biến ảnh hưởng tích cực đến hành vi vi phạm pháp luật PCCC của người dân đó là biến Nhận thức (NT), Môi trường văn hóa-xã hội (MT), Công tác quản lý nhà nước về PCCC (QL), Công tác giáo dục của gia đình và nhà trường (GD). Trong đó biến Nhận thức (NT) có tác động mạnh nhất, ảnh hưởng lớn nhất đến các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi vi phạm pháp luật PCCC của người dân với hệ số hồi quy là 0,512. Yếu tố Môi trường văn hóa-xã hội (MT) là yếu tố có ảnh hưởng lớn thứ hai với hệ số hồi quy là 0,403, Công tác quản lý nhà nước về PCCC (QL) có ảnh hưởng thứ ba với hệ số hồi quy là 0,373 và Công tác giáo dục của gia đình và nhà trường (GD) ảnh hưởng là rất nhỏ với hệ số hồi quy là 0,097 đến hành vi vi phạm pháp luật PCCC của người dân.

Tuy nhiên, ý thức của mỗi cá nhân (YT) có thể ảnh hưởng xấu nếu ý thức không chuẩn mực sẽ làm tăng nguy cơ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật PCCC (hệ số hồi quy là **- 0,032**). Từ đó có kiến nghị như sau:

Thứ nhất: Đầu tư nguồn lực nhằm nâng cao nhận thức (NT có hệ số 0,512 trong phương trình Hồi quy) của người dân. Trước tiên, tập trung tuyên truyền, giáo dục nhận thức pháp luật; kiến thức phòng cháy; kỹ năng tự cứu, thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ, chữa cháy đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung; thực chất, hiệu quả cho mỗi người dân, gia đình và tổ chức nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm, kiến thức, khả năng ứng phó của người dân khi có sự cố cháy, nổ, tình huống sự cố tai nạn xẩy ra. Các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương dành thời lượng phù hợp, ưu tiên khung giờ nhiều người theo dõi để tuyên truyền về công tác này; đồng thời tích cực truyền thông về các mô hình, cách làm hay, điển hình về PCCC&CNCH để nhân rộng toàn xã hội.

Triển khai các đợt cao điểm tuyên truyền, kiểm tra an toàn PCCC, với khẩu hiệu là "Tính mạng con người là trên hết, trước hết" với mục tiêu "Không để xảy ra cháy, nổ; nếu có cháy, nổ xảy ra thì không để thiệt hại về con người".

Thứ hai: Xây dựng môi trường sống có trách nhiệm với mình và với cộng đồng về công tác PCCC (MT có hệ số 0,403 trong phương trình Hồi quy). Trong đó chú trọng đẩy mạnh phong trào toàn dân PCCC với quan điểm: Đặt tính mạng, sức khỏe của con người là trên hết và trước hết. Mọi hoạt động PCCC&CNCH trước tiên phải vì bảo đảm an toàn tính mạng và sức khỏe cho người dân và phương châm hành động: Lấy người dân làm trung tâm, chủ thể, động lực và là mục đích của công tác PCCC&CNCH.

Thứ ba: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về PCCC&CNCH (QL có hệ số 0,373 trong phương trình Hồi quy). Chủ động nắm tình hình, phân tích, đánh giá, dự báo, tham mưu cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp triển khai các chủ trương, giải pháp tăng cường công tác đảm bảo an toàn PCCC&CNCH trên địa bàn tỉnh; trong đó chú trọng công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các cấp, các ngành theo sự chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Bộ Công an, Tỉnh ủy, HĐND, UBND các cấp về công tác PCCC; trọng tâm là Kết luận số 02-KL/TW ngày 18/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Thông báo số 475/TB-VPCP ngày 18/11/2023 của Văn phòng Chính phủ; Kế hoạch số 18/KH-BCA-C07 ngày 14/01/2023 của Bộ Công an.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về PCCC&CNCH đối với địa bàn, cơ sở theo quy định của pháp luật, trong đó tập trung vào: Công tác điều tra cơ bản, nắm tình hình, thực trạng công tác PCCC&CNCH đối với địa bàn, cơ sở để tham mưu các biện pháp quản lý phù hợp và kịp thời; kiểm tra, đánh giá đầy đủ việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, điều kiện an toàn về PCCC&CNCH đối với từng khu vực, hạng mục cơ sở; hướng dẫn cơ sở và thực hiện xây dựng, bổ sung các tình huống cháy, nổ, tai nạn phức tạp trong phương án chữa cháy, phương án CNCH của cơ sở; phối hợp tổ chức thực tập, diễn tập phương án của cơ quan Công an có huy động lực lượng PCCC cơ sở, chuyên ngành tham gia; xử lý triệt để các hành vi vi phạm về PCCC&CNCH được phát hiện trong quá trình kiểm tra; đôn đốc, giám sát việc khắc phục các nguy cơ mất an toàn, vi phạm quy định về PCCC&CNCH của cơ sở.

Thứ tư: Đưa vào chương trình đào tạo các cấp học về ý thức, kỹ năng, kiến thức PCCC (GD có hệ số 0,097 trong phương trình Hồi quy) Tăng cường phổ biến, lồng ghép, cập nhật, tích hợp nội dung kiến thức và kỹ năng PCCC&CNCH vào chương trình chính khóa, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác phù hợp với từng cấp học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các cơ sở giáo dục tổ chức tập huấn kiến thức, pháp luật, kỹ năng PCCC&CNCH cho các đối tượng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/5/2022 hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về PCCC&CNCH cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục.

Theo chức năng quản lý nhà nước, các chủ thể quản lý có trách nhiệm quán triệt, chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện tốt công tác PCCC&CNCH, có các biện pháp đảm bảo an toàn cho học sinh, nhất là ở các lớp học được bố trí tổ chức ở nhà cao tầng.

Thứ năm: Xây dựng ý thức chuẩn mực cho mỗi công dân và toàn xã hội về công tác PCCC. Đẩy lùi ý thức không chuẩn mực, ý thức tiêu cực trong quản lý nhà nước về PCCC và thực hiện pháp luật PCCC của công dân, vì ý thức không chuẩn mực sẽ làm tăng nguy cơ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật PCCC (YT có hệ số hồi quy là - 0,032).

Hạn chế của bài viết là 5 biến độc lập đưa vào gồm các yếu tố Nhận thức (NT), Môi trường văn hóa-xã hội (MT), Công tác quản lý nhà nước về PCCC (QL), Công tác giáo dục của gia đình và nhà trường (GD), ý thức của mỗi cá nhân (YT) mới giải thích được 56,6% ảnh hưởng tới hành vi vi phạm pháp luật PCCC của người dân xã Thanh Trù, còn lại 43,4% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Đây là những yếu tố khác mà tác giả chưa đề cập đến. Đây là những vấn đề cần có những nghiên cứu tiếp theo. Cỡ mẫu nhỏ (50 phiếu điều tra) sẽ hạn chế về việc đại diện cho nghiên cứu ở khu vực địa lý rộng, nên độ lệch chuẩn sẽ lớn, tính chính xác của các chỉ số bị hạn chế.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajen, I. and Fishbein, M., 1975. "Belief, attitude, intention and behavior. An introduction to theory and research" Reading. Mass: Addison-Wesley.

2. Ajzen, I., 1991. The theory of planned behaviour. Organizational Behaviour and Human Decision Processes.

3. Andy Field, 2009, Discovering statistics using SPSS, 2009 - users.sussex.ac.uk

4. Đỗ Ngọc Cẩn, 2011, *Giáo trình thống kê Phòng cháy, chữa cháy*, Nhà xuất bản Giao thông vận tải.

5. F. D. Davis, R. P.Bagozzi, & P. R.Warshaw (1989). "User acceptance of computer technology: A comparison of two theoretical models, Management Science.

6. Hoàng Thị Phương Thảo, 2013, *Bài giảng phương pháp nghiên cứu khoa học, Phương pháp nghiên cứu khoa học.*

7. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008, Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Nhà xuất bản Hồng Đức.

8. Jalilvand, M. R., Samiei, N., Dini, B., & Manzari, P. Y. (2012a). Examining the structural relationships of electronic word of mouth, destination image, tourist attitude toward destination and travel intention: An integrated approach. Journal of Destination Marketing & Management.

9. Jalilvand, M. R., & Samiei, N. (2012b). The impact of electronic word of mouth on a tourism destination choice: Testing the theory of planned behavior (TPB). Internet Research.

10. Nguyễn Đình Đoan, 2021, *Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

11. Nguyễn Đình Thọ, 2011, *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

12. Nunnally, JC. & Bernstein, I.H. (1994). Psychometric Theory (3 nd), New York: Me Graw-Hill.

13. Perera, P. & Vlosky, R.P. (2017). How previous visits shape trip quality, perceived value, satisfaction, and future behavioural intentions: The case of forest-based ecotourism in Sri Lanka. International, Journal of Sport Management, Recreation and Tourism.

14. Seyidov J. and Adomaitiene R., (2016). Factors influencing local tourists' decision making on choosing a destination: A case of Azerbaijan. Ekonomika, Vol.

15. Viet, N. B., (2019). The influence of destination image components on tourist satisfaction and loyalty: A case study in Con Dao Islands, Vietnam. African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure, Volume 8(4).

MỘT SỐ CHÚ Ý KHI ĐIỀU TRA... *(Tiếp theo trang 24)*

Khi tiến hành khám nghiệm khu vực cháy không vội vàng đi vào hiện trường có thể làm hư hỏng dấu vết, xáo trộn vật dụng, cần quan sát kỹ, tổng hợp phân tích để đánh giá hướng đối lưu không khí, vị trí xuất phát cháy, chất cháy, nguồn nhiệt, nhiệt độ đám cháy, dấu vết tác động nhiệt, dấu vết ám khói, dấu vết do chữa cháy, vị trí ban đầu các đồ vật, vị trí thay đổi của đồ vật... Sau khi đã xác định được điểm phát cháy, việc tiếp theo và quan trọng nhất là tìm kiếm và thu thập dấu vết, mẫu vật mang chứng cứ chứng minh nguyên nhân cháy và các hành vi vi phạm pháp luật. Đồng thời, chú ý tiến hành KNHT ở cả vòng ngoài, xung quanh khu vực cháy.

Bên cạnh đó, quá trình khám nghiệm cần chú ý ghi nhận các nơi lân cận bị ảnh hưởng cháy, các thiết bị, phương tiện, vật dụng bị hư hỏng do công tác cứu chữa. Sau khi hoàn thành công tác KNHT, cán bộ khám nghiệm lập biên bản thu giữ dấu vết, vật chứng, đồng thời nhanh chóng ghi chép biên bản khám nghiệm và vẽ sơ đồ hiện trường.

Hai là, cán bộ điều tra tại hiện trường chủ động khoanh vùng xác định người biết các thông tin liên quan đến hiện trường vụ cháy quán karaoke để tiến hành lấy lời khai.

Để thu thập được nhiều thông tin, cán bộ điều tra làm việc với các nhân chứng, nhân viên bảo vệ, nhân viên phục vụ quán karaoke, các khách hàng đến hát mà phát hiện ra khu vực cháy và vùng cháy đầu tiên. Khi lấy lời khai và ghi nhận thông tin về vụ cháy quán karaoke cần đi sâu làm rõ một số nội dung như: vị trí khu vực bị cháy, điểm phát cháy, thời điểm phát hiện, người đầu tiên phát hiện cháy và báo cháy; hệ thống báo cháy có không nếu có thì có hoạt động khi có đám cháy xảy ra không; hoạt động triển khai cứu chữa của đội PCCC cơ sở; hoạt động của các phương tiện PCCC; bố trí sắp xếp vật tư, đồ đạc, phương tiện tại khu vực cháy; thiết kế, lắp đặt hệ thống điện khu vực cháy.

Ba là, thực hiện tốt công tác chỉ đạo, quan hệ phối hợp giữa lực lượng điều tra và các lực lượng nghiệp vụ khác đảm bảo hiệu quả phối hợp chiến thuật trong điều tra tại hiện trường các vụ cháy quán karaoke.

Cán bộ chủ trì việc điều tra tại hiện trường cháy quán karaoke phải làm tốt công tác chỉ đạo, điều phối nhịp nhàng hoạt động của các lực lượng tham gia điều tra tại hiện trường vụ cháy quán karaoke. Trao đổi và phối hợp chặt chẽ với lực lượng KTHS trực tiếp tiến hành các hoạt động khám nghiệm, khám nghiệm tử thi; báo cáo cán bộ chủ trì những nhận định ban đầu trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá các dấu vết, vật chứng đã được phát hiện nhằm kịp thời cung cấp các thông tin có giá trị đối với việc tiến hành các chiến thuật xuất phát từ hiện trường như truy tìm thông tin nạn nhân, xác định và lấy lời khai người làm chứng…

Đối với lực lượng Cảnh sát Giao thông, Công an cấp cơ sở tham gia bảo vệ hiện trường, giải toả ách tắc giao thông, phát hiện người làm chứng, chủ động thu thập, nắm bắt các thông tin từ dư luận có ý nghĩa đối với công tác điều tra vụ việc và thực hiện các yêu cầu khác của điều tra viên chủ trì điều tra tại hiện trường theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công an (2020), *Thông tư 55/2020/TT-BCA ngày 03/6/2020 quy định về phân công trách nhiệm và quan hệ phối hợp trong công tác điều tra, giải quyết vụ cháy, nổ của lực lượng Công an nhân dân,* Hà Nội

2. Bộ Công an (2023), *Thông tư 11/2023/TT-BCA ngày 01/3/2023 quy định quy trình xác minh, giải quyết vụ cháy của lực lượng Công an nhân dân,* Hà Nội.

3. Cục Cảnh sát PCCC&CNCH (2021 - 2023), *Thông cáo báo chí tình hình cháy, nổ trên toàn quốc*, Hà Nội.

4. Cục Văn hóa Cơ sở (2022), *Báo cáo tình hình hoạt động các cơ sở kinh doanh dịch vụ karaoke, vũ trường*, Hà Nội.

THỰC TRẠNG HIỂU BIẾT VỀ AN TOÀN PCCC CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Thiếu tá LÊ VIẾT VŨ
Khoa Cơ sở ngành, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: *Trong những năm gần đây, vấn đề an toàn PCCC đang nhận được sự quan tâm đặc biệt của các tổ chức, cá nhân. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 06/2022/TT-BGDDT hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá mức độ hiểu biết của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về PCCC thông qua phương pháp khảo sát và định lượng. Kết quả cho thấy trình độ kiến thức, năng lực về PCCC của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân chịu ảnh hưởng của các yếu tố nhận thức, mức độ tiếp cận thông tin và mức độ tiếp cận giáo dục về PCCC. Ngoài ra, nghiên cứu còn cho thấy có sự khác biệt về trình độ kiến thức, năng lực về an toàn PCCC giữa sinh viên nam và nữ.*

Từ khóa: *An toàn phòng cháy chữa cháy, thiết bị chữa cháy, mức độ hiểu biết, sinh viên đại học.*

Abstract: *In recent years, the issue of fire safety has received special attention from organizations and individuals. The Ministry of Education and Training has issued Circular 06/2022/TT-BGDT to guide the implementation of fire prevention skills at educational institutions. This study was conducted to evaluate the level of understanding of students at the National Economics University about fire prevention employing the quantitative research method via a survey. The results show that the level of fire safety knowledge and competency of students at the National Economics University is influenced by cognitive factors, level of access to information, and level of access to fire safety education. In addition, the study also showed that there is a difference in the level of fire safety knowledge and competency between male and female students.*

Keywords: *fire safety, firefighting equipment, knowledge level, university student.*

Ngày nhận bài*: 16/12/2023;* ***Ngày thẩm định****: 28/12/2023;* ***Ngày duyệt đăng****: 05/4/2024.*

1.Giới thiệu

Cháy, nổ tại các cơ sở tiềm ẩn nhiều nguy cơ, rủi ro đến con người cũng như tài sản. Vấn đề PCCC tại các cơ quan, cơ sở giáo dục, hộ gia đình đang trở nên nóng hơn bao giờ hết. Trong giai đoạn 2020 - 2023 số vụ cháy, nổ có xu hướng giảm về số lượng nhưng tăng về thiệt hại con người và tài sản.

Tính riêng năm 2022, toàn quốc xảy ra 1745 vụ cháy, làm chết 109 người, bị thương 82 người, tài sản thiệt hại ước tính 592,72 tỷ đồng. Trước thực trạng đó, các cơ quan chuyên môn đã nỗ lực thực hiện các biện pháp tuyên truyền, kiểm tra, giám sát nhằm giảm thiểu rủi ro cháy nổ tại các cơ sở. Trong đó, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân luôn là vấn đề cấp thiết cần quan tâm. Có thể thấy, vấn đề hiểu biết và nhận thức của các cá nhân trong PCCC là một trong những yếu tố quyết định tới an toàn PCCC tại các cơ quan, cơ sở và hộ gia đình.

Hà Nội là một trong hai địa bàn có dân số đông nhất cả nước. Dân số của Hà Nội vào năm 2021 là 8330,83 nghìn người và vào năm 2022 là 8435,65 nghìn người (Tổng cục Thống kê, 2021&2022). Mặt khác, tại Hà Nội tập trung nhiều cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng với số lượng sinh viên lớn như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách khoa Hà Nội, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân,.... Sinh viên là đối tượng có xu hướng thường xuyên thay đổi nơi ở tạm trú và thường lựa chọn thuê nhà trọ hoặc chung cư trong thời gian ngắn (dưới một năm), nên có thể ít quan tâm đến vấn đề PCCC tại nơi ở.

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng hiểu biết của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về vấn đề PCCC đặc biệt nhấn mạnh vấn đề hiểu biết về các thiết bị PCCC thông dụng. Đồng thời, nghiên cứu đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về PCCC.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới, các nghiên cứu về thực trạng nhận thức và hiểu biết về PCCC của sinh viên đã được tiến hành. Các nghiên cứu này tập trung chủ yếu ở các quốc gia như Hàn Quốc và các nước đang phát triển do nhu cầu cấp thiết về quản lý an toàn cháy, nổ. Phương pháp chính được áp dụng trong các nghiên cứu là phương pháp nghiên cứu định lượng kết hợp với điều tra khảo sát và thống kê.

Nghiên cứu do Agyekum, Ayarkwa và Opoku (2016) tiến hành dựa trên khảo sát sinh viên và quản lý an toàn PCCC ký túc xá tại Đại học Khoa học và Công nghệ Kwame Nkrumah (Ghana, Tây Phi). Kết quả khảo sát cho thấy rằng, đa số người được hỏi chưa thực sự coi trọng vấn đề về PCCC tại ký túc xá và nhận thức về PCCC còn thấp. Ngoài ra, nghiên cứu chỉ ra rằng, các phương pháp

phòng tránh cháy, nổ được áp dụng phổ biến nhất là: Lưu trữ vật liệu dễ cháy ở khu vực an toàn và cung cấp biển báo lối thoát hiểm và vị trí thiết bị PCCC. Phương pháp diễn tập chữa cháy và sơ tán ít được chú trọng hơn cả.

Theo AlWaqfi, Guan và các cộng sự (2022), trong số 283 sinh viên được khảo sát từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 10 năm 2020, tỷ lệ sinh viên có mức độ kiến thức và tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực về an toàn PCCC lần lượt là 62% và 87,9%. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có mức độ thực hành tốt công tác PCCC chỉ ở mức 49,3%. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, việc tham gia vào diễn tập PCCC và mức thu nhập của hộ gia đình có tác động tới thái độ và mức độ thực hiện công PCCC.

Nghiên cứu của Noh và Park (2022) tiến hành dựa trên cơ sở thông tin khảo sát của 321 sinh viên tại một trường đại học Hàn Quốc từ tháng 10 đến tháng 11 năm 2019 và phân tích số liệu bằng phần mềm SPSS 26.0. Theo Noh và Park (2022), kiến thức về an toàn PCCC, nhận thức về sự cố cháy nổ và thiên tai, năng lực ứng phó với cháy, nổ có thể được cải thiện nhờ giáo dục, đào tạo về PCCC.

Cơ sở lý thuyết



Hình 1: Tháp nhu cầu Maslow.
Nguồn: Maslow 1974

Một trong những lý thuyết hành vi, tâm lý học kinh điển được ứng dụng trong nghiên cứu cũng như thực tiễn là lý thuyết về Tháp nhu cầu do Maslow (1974) đề xuất. Tháp nhu cầu Maslow (1974) giải thích những nguyên lý cơ bản về động lực của con người trong việc đáp ứng các nhu cầu của mình. Một cách chi tiết, lý thuyết của Maslow (1974) mô tả những nhu cầu cơ bản của con người theo một trật tự ưu tiên. Theo Maslow (1974), con người có xu hướng ưu tiên thực hiện các hành vi nhằm đáp ứng những nhu cầu căn bản nhất, sau khi những nhu cầu căn bản được đáp ứng, con người sẽ nảy sinh những nhu cầu ở mức độ cao hơn. Những nhu cầu cơ bản nhất được Maslow (1974) xếp ở vùng chân tháp, và mức độ cơ bản của nhu cầu sẽ giảm dần khi càng tiến lên ngọn tháp. Liên hệ với vấn đề phòng chống cháy nổ, nhu cầu về an toàn PCCC được xếp vào nhóm nhu cầu an toàn, là nhóm nhu cầu cơ bản, chỉ xếp sau các nhu cầu về sinh lý (ăn, ngủ, …). Do vậy, khi những nhu cầu sinh lý được đáp ứng, con người sẽ hình thành nhận thức về nhóm nhu cầu an toàn và thực hiện các hành vi nhằm đáp ứng nhóm nhu cầu an toàn, trong đó có nhu cầu về an toàn PCCC.

Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, tác giả xây dựng các giả thuyết nghiên cứu, từ đó đề xuất mô hình nghiên cứu.

Giả thuyết nghiên cứu

Ha: Mức độ tiếp cận của sinh viên với các thông tin, hoạt động giáo dục, tuyên truyền, diễn tập PCCCó ảnh hưởng tích cực tới hiểu biết của sinh viên về vấn đề an toàn cháy, nổ.

Hb: Các yếu tố về nhân khẩu học (độ tuổi, giới tính, thu nhập) có ảnh hưởng đáng kể tới hiểu biết của sinh viên về vấn đề an toàn cháy, nổ.

Hc: Nhận thức của sinh viên về PCCC có tác động tích cực tới hiểu biết của sinh viên về vấn đề an toàn cháy, nổ.

Mô hình nghiên cứu

Bảng 1: Mô hình nghiên cứu.

Biến phụ thuộc	**Mô tả biến phụ thuộc**
KNOWLEDGE	Mức độ hiểu biết về vấn đề PCCCđược đánh giá dựa trên phản hồi của các đối tượng khảo sát về hai chủ đề gồm: 1, Tự đánh giá kiến thức về các thiết bị PCCC thông thường (bình cứu hỏa, vòi chữa cháy, dây cứu hộ, mặt nạ chống khói); các thao tác cần thực hiện khi xảy ra cháy nổ và các nguyên nhân cơ bản gây cháy nổ với ba mức đánh giá: 0- Không biết; 1- Biết sơ qua; 2- Biết rất rõ. 2, Tự đánh giá khả năng sử dụng các thiết bị PCCC thông thường với ba mức: 0- Không biết; 1- Biết sơ qua; 2- Thành thạo.
Biến độc lập	**Mô tả các biến độc lập**
GENDER	Giới tính Nhận giá trị 1 nếu đối tượng khảo sát là Nam Nhận giá trị 0 nếu đối tượng khảo sát là Nữ
INCOME	Nhóm thu nhập trung bình một tháng Nhóm thu nhập dưới 1 triệu đồng/ tháng: INCOME nhận giá trị 0 Nhóm thu nhập từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng/ tháng: INCOME nhận giá trị 1 Nhóm thu nhập trên 5 triệu đồng/ tháng: INCOME nhận giá trị 2

AWARENESS	Nhận thức về vấn đề PCCC được đánh giá dựa trên: 1, Tự đánh của sinh viên về giá mức độ quan trọng của vấn đề PCCCnói chung; mức độ cần thiết của việc thực hiện các biện pháp PCCCcũng như tham gia các buổi diễn tập, tuyên truyền về PCCCvới ba mức: 0 - Không quan trọng/ Không cần thiết; 1 - Quan trọng/ Quan tâm; 2 - Rất quan trọng/ Rất cần thiết. 2, Tự đánh giá của sinh viên về mức độ sẵn sàng chi tiêu để trang bị các thiết bị PCCCvới ba mức: 0 - Không sẵn sàng; 1 - Xem xét; 2- Rất sẵn sàng.
INFORMATION	Mức độ tiếp cận với các bản tin, bài báo, bài viết về PCCC thông qua mạng xã hội, chương trình truyền hình, mạng Internet với ba mức: 0 - Chưa từng tiếp cận; Có nhưng không thường xuyên - 1; Thường xuyên - 2.
EDUCATION	Mức độ tiếp cận với giáo dục, đào tạo về PCCCtại nơi cư trú và trường đại học được đánh giá dựa trên mức độ tham gia các buổi diễn tập, tuyên truyền về PCCC tại nơi sống và nơi làm việc/ học tập với ba mức: 0 - Chưa từng tham gia; Có nhưng không thường xuyên - 1; Thường xuyên - 2.

Phương pháp thu thập số liệu

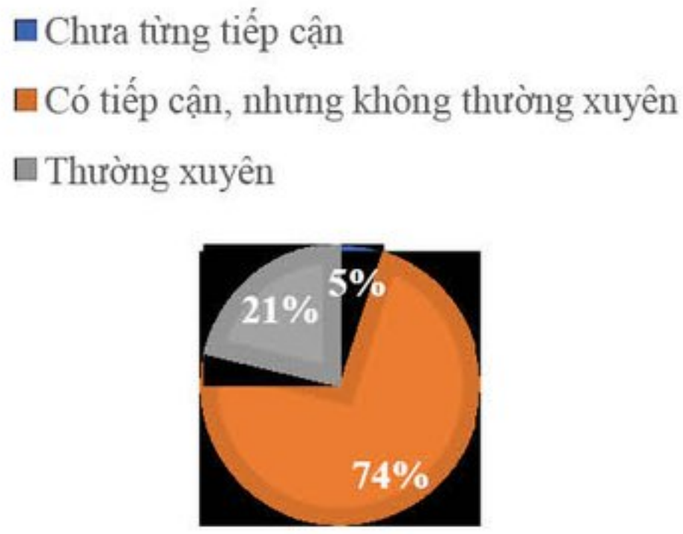
Số liệu phục vụ cho nghiên cứu được thu thập bằng phương pháp khảo sát bằng phiếu, Google forms. Đối tượng khảo sát được hướng đến trong nghiên cứu là sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

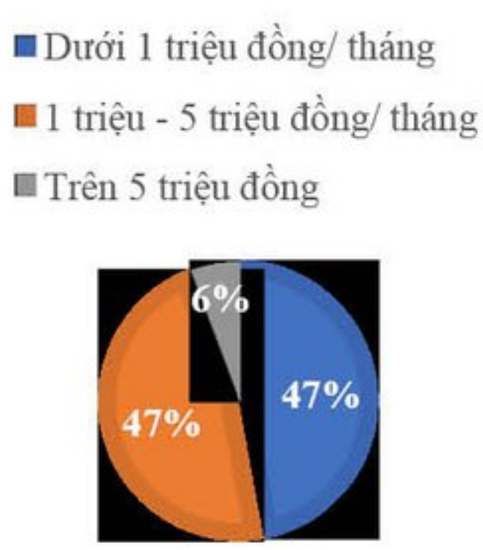
Kết quả thống kê

Thông quá trình khảo sát, tác giả thu được 122 phiếu trả lời khảo sát, trong đó có 79,5082% đối tượng trả lời là nữ (tương ứng với 97 phiếu khảo sát).

Hình 2: Thống kê mức độ tiếp cận thông tin về PCCC.



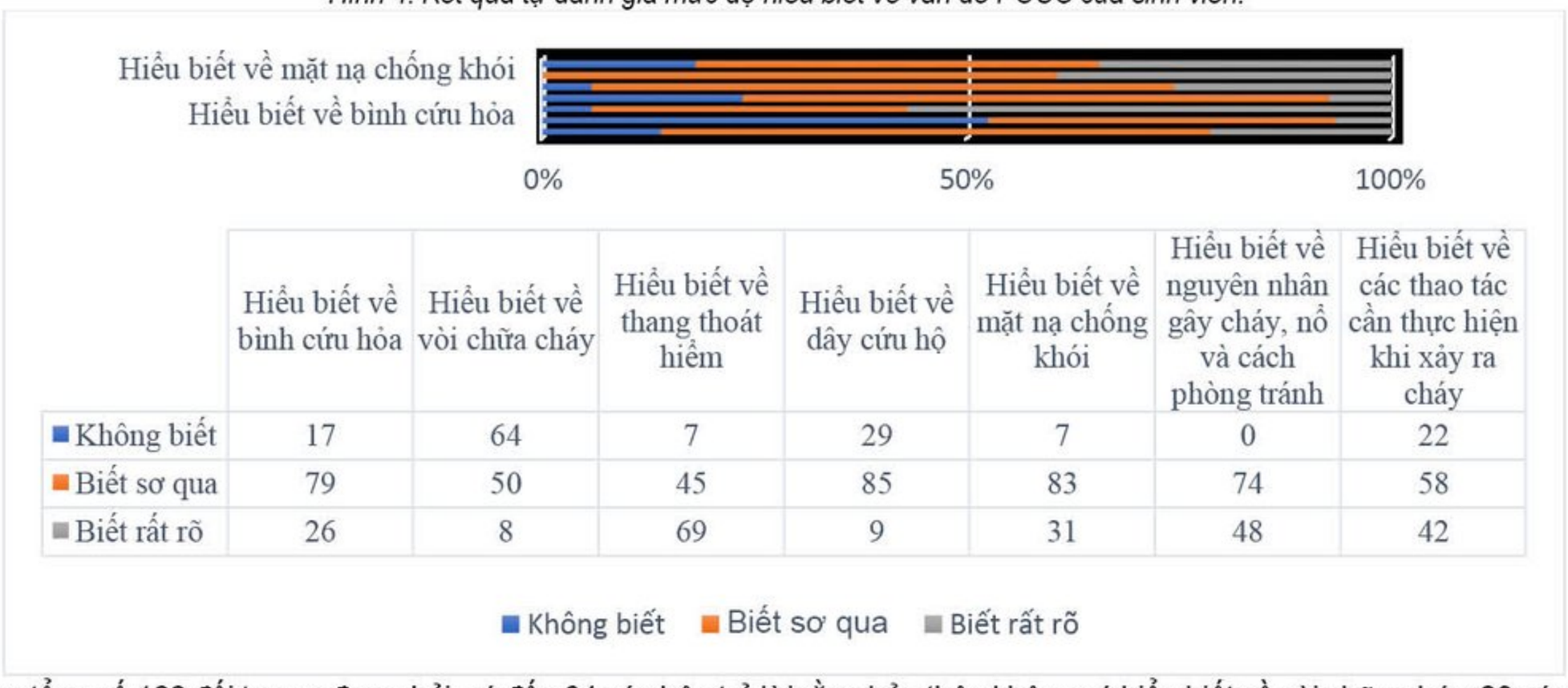
Hình 3: Cơ cấu phân nhóm thu nhập trung bình tháng của sinh viên.



Dựa theo kết quả thống kê từ hình 2 và hình 3, có thể thấy, trong mẫu khảo sát, thu nhập trung bình tháng của các đối tượng chủ yếu phân bố ở mức dưới 1 triệu đồng/ tháng và mức từ 1 triệu đồng đến 5 triệu đồng/ tháng. Như vậy, không có sự phân hóa rõ nét về thu nhập trung bình đối trong mẫu nghiên cứu.

Bên cạnh đó, mức độ tiếp cận thông tin về PCCC của sinh viên chủ yếu ở mức có tiếp cận, nhưng không thường xuyên. Số lượng đối tượng khảo sát trong mẫu thường xuyên tiếp cận với các thông tin về PCCC chỉ chiếm khoảng 21%. Điều này có thể do các thông tin về PCCC còn chưa tạo được sự thu hút nhất định đối với giới trẻ, đặc biệt là đối với đối tượng sinh viên thường xuyên cập nhật thông tin qua các mạng xã hội.

Hình 4: Kết quả tự đánh giá mức độ hiểu biết về vấn đề PCCC của sinh viên.



	Hiểu biết về bình cứu hỏa	Hiểu biết về vòi chữa cháy	Hiểu biết về thang thoát hiểm	Hiểu biết về dây cứu hộ	Hiểu biết về mặt nạ chống khói	Hiểu biết về nguyên nhân gây cháy, nổ và cách phòng tránh	Hiểu biết về các thao tác cần thực hiện khi xảy ra cháy
Không biết	17	64	7	29	7	0	22
Biết sơ qua	79	50	45	85	83	74	58
Biết rất rõ	26	8	69	9	31	48	42

Không biết Biết sơ qua Biết rất rõ

Trong tổng số 122 đối tượng được hỏi, có đến 64 cá nhân trả lời rằng bản thân không có hiểu biết về vòi chữa cháy, 29 cá nhân trả lời rằng bản thân không có hiểu biết về dây cứu hộ và 22 người trả lời rằng mình không có hiểu biết về các thao tác cần thực

hiện khi xảy ra cháy, nổ. Các cá nhân tham gia khảo sát có hiểu biết khá tốt về thang thoát hiểm (69 người trả lời rằng bản thân biết rất rõ về thang thoát hiểm, 45 người có biết sơ qua về thang thoát hiểm). Nhìn chung, mức độ hiểu biết về các thiết bị phòng cháy, chữa cháy, nguyên nhân gây cháy và các thao tác, lưu ý khi có cháy xảy ra của sinh viên ở mức trung bình.

Kết quả mô hình hồi quy

Bảng 2: Kết quả hồi quy OLS.

KNOWLEDGE	***Coefficient***	***P>t***
AWARENESS	*0.7945576*	*0.001****
EDUCATION	*1.322843*	*0.001****
INFORMATION	*1.622111*	*0.006****
INCOME	*0.1647974*	*0.775*
GENDER	*3.501432*	*0.000****
AGE	*0.6690628*	*0.057**
_cons	*-1.421222*	*0.127*
Prob > F		*0.0000****
R-squared		*0.6306*
Adj R-squared		*0.6115*

, **, *: Thống kê có ý nghĩa ở mức 10%, 5% và 1%*

(Tính toán của tác giả từ phần mềm STATA)

Kết quả hồi quy dữ liệu chéo OLS cho thấy, ở mức ý nghĩa 1% có bốn yếu tố tác động tích cực tới mức độ hiểu biết của sinh viên về PCCC bao gồm: yếu tố về giáo dục, đào tạo; yếu tố về giới tính; yếu tố về thông tin và yếu tố về nhận thức. Theo kết quả hồi quy, ở mức ý nghĩa 10%, yếu tố về tuổi tác có tác động tích cực đến tới mức độ hiểu biết của sinh viên về phòng cháy, chữa cháy.

Để mô hình hồi quy tốt nhất, tác giả tiến hành kiểm định các khuyết tật mô hình và thực hiện các biện pháp khắc phục khuyết tật mô hình (nếu mô hình tồn tại khuyết tật).

Bảng 3: Hệ số phóng đại phương sai.

Variable	*VIF*	*1/VIF*
AWARENESS	*2.85*	*0.350385*
EDUCATION	*3.18*	*0.314102*
INFORMATION	*1.35*	*0.743111*
GENDER	*1.58*	*0.631279*
INCOME	*2.03*	*0.492388*
AGE	*1.11*	*0.903040*
Mean VIF	*2.02*	

(Tính toán của tác giả từ phần mềm STATA)

Theo kết quả tính toán hệ số phóng đại phương sai, hệ số VIF tương ứng với các biến độc lập và hệ số VIF trung bình nhỏ hơn 10. Vì vậy, có thể chấp nhận rằng mô hình không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến hoàn hảo.

Bảng 4: Kết quả kiểm định phương sai sai số thay đổi.

Breusch–Pagan/Cook–Weisberg test
H0: Constant variance
chi2(1) = 3.56
*Prob > chi2 = 0.0593**

White's test
H0: Homoskedasticity
Ha: Unrestricted heteroskedasticity
*Prob > chi2 = 0.0000****

, **, *: Thống kê có ý nghĩa ở mức 10%, 5% và 1%*

(Tính toán của tác giả từ phần mềm STATA)

Kết quả kiểm định Breusch - Pagan/Cook - Weisberg cho giá trị P-value = 0.0593 < 10%. Mặt khác, kiểm định White cho giá trị P-value = 0.0000. Như vậy, có thể kết luận rằng mô hình có tồn tại hiện tượng phương sai sai số thay đổi. Nhằm khắc phục hiện tượng phương sai sai số thay đổi trong mô hình, tác giả sử dụng phương pháp mô hình phương sai sai số chuẩn. Kết quả hồi quy được thể hiện trong bảng 5.

Bảng 5: Kết quả hồi quy theo phương pháp mô hình phương sai sai số chuẩn.

KNOWLEDGE	Coefficient	P-value	Beta
AWARENESS	0.7945576	0.000***	0.3167387
EDUCATION	1.322843	0.000***	0.3574641
INCOME	0.1647974	0.766	0.0230303
INFORMATION	1.622111	0.003***	0.1835395
GENDER	3.501432	0.000***	0.3345886
AGE	0.6690628	0.022**	0.1142525
_cons	-15.70376	0.025**	
Prob > F		0.0000***	
R-squared		0.6306	

, **, *: Thống kê có ý nghĩa ở mức 10%, 5% và 1%*

(Tính toán của tác giả từ phần mềm STATA)

Theo kết quả hồi quy với phương sai sai số chuẩn, với mức ý nghĩa 1%, mức độ nhận thức về vấn đề an toàn PCCC, mức độ tiếp cận với các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, diễn tập PCCC mức độ tiếp cận thông tin có ảnh hưởng tích cực tới hiểu biết của sinh viên về vấn đề PCCC. Mặt khác, ở mức ý nghĩa 5%, độ tuổi cũng có quan hệ cùng chiều với mức độ hiểu biết về vấn đề phòng cháy, chữa cháy. Kết quả cũng chỉ ra rằng, có sự khác biệt về mức độ hiểu biết của sinh viên về vấn đề PCCC giữa hai nhóm đối tượng nam và nữ. Cụ thể, tại mức ý nghĩa 1%, sinh viên có giới tính nam có mức độ hiểu biết về vấn đề PCCC cao hơn sinh viên mang giới tính nữ.

Theo kết quả về hệ số Beta, yếu tố tác động mạnh nhất đến mức độ hiểu biết về PCCC của sinh viên là mức độ mức độ tiếp cận với các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, diễn tập PCCC, tiếp đến là yếu tố về giới tính, yếu tố về nhận thức và yếu tố mức độ tiếp cận thông tin.

4. Kết luận và đề xuất

Kết quả từ nghiên cứu đã cho thấy có bốn yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết của sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về vấn đề PCCC, bao gồm mức độ nhận thức của sinh viên về vấn đề PCCC; mức độ tiếp cận của sinh viên với các hoạt động giáo dục, tuyên truyền, diễn tập PCCC và tiếp cận thông tin về PCCC; độ tuổi và giới tính.

Đối với nhóm yếu tố về nhân khẩu học, từ kết quả nghiên cứu thu được, có thể thấy, sinh viên nam có mức độ hiểu biết về PCCC tốt hơn so với sinh viên nữ. Sự khác biệt này có thể do các đặc thù về mặt tâm lý học ở mỗi giới có sự khác biệt. Bên cạnh đó, độ tuổi cũng là một yếu tố có ảnh hưởng tích cực đến mức độ hiểu biết của sinh viên về vấn đề PCCC. Nguyên nhân có thể do khi độ tuổi tăng dần, những kinh nghiệm, kiến thức về PCCC sẽ được tích lũy theo thời gian. Do vậy, mức độ hiểu biết về PCCC sẽ tăng dần theo độ tuổi.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, yếu tố về nhận thức và mức độ tiếp cận tới các công tác giáo dục, tuyên truyền, diễn tập và mức độ tiếp cận với thông tin có tác động đáng kể tới mức độ hiểu biết của sinh viên về PCCC. Cụ thể, yếu tố về nhận thức, mức độ tiếp cận tới các công tác giáo dục, tuyên truyền, diễn tập và mức độ tiếp cận với thông tin có ảnh hưởng tích cực tới mức độ hiểu biết của sinh viên về PCCC.

Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao mức độ hiểu biết về PCCC như sau:

Tích cực đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền, diễn tập về PCCC, đặc biệt chú trọng vào giáo dục PCCC từ sớm tại các cơ sở giáo dục.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tăng mức độ tiếp cận thông tin về PCCC của giới trẻ, đặc biệt là thông qua các nền tảng truyền hình, báo mạng, mạng xã hội được ưa chuộng như Facebook, Instagram,...■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Agyekum, K., & Ayarkwa, J. (2016). Fire Safety Awareness and Management in Multi -Storey Students' Hostels. Asian Journal of Applied Sciences, 4(2), 329-338.

2.AlWaqfi, A. S., Guan, N. Y., Ying, L. P., & Tamrin, S. B. (2022). Factors Associated with Knowledge, Attitude and Practices on Fire Safety and Its Prevention Among Hostel Occupants in a Higher Learning Institution. Malaysian Journal of Medicine and Health Sciences, 18(9), 8-20.

3.Maslow, A. (1943). A theory of human motivation. Psychological Review, 50(4), 370-396.

4.Noh, G. O., & Park, M. (2022). The effect of fire-safety education on the knowledge and safety competency of college students. International Journal of Advanced Culture Technology, 10(1), 138-143.

5.Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022) Thông tư 06/2022/TT-BGDDT

6. Cục Cảnh sát PCCC và CNCH (2022). Thông cáo báo chí tình hình cháy, nổ năm 2021 trên toàn quốc

7. Tổng cục thống kê. Truy cập: https://www.gso.gov.vn/

NGHIÊN CỨU CẢI TIẾN THIẾT BỊ KIỂM TRA ĐƯỜNG NGẮM NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY NỘI DUNG BẮN SÚNG TIỂU LIÊN AK TRONG MÔN HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG CHO HỌC VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Đại úy, ThS NGÔ MẠNH THẮNG
Khoa Quân sự, võ thuật, thể dục thể thao, Trường Đại học PCCC

Tóm tắt: *Hiện nay, trong suốt quá trình học tập môn học Giáo dục quốc phòng tại Trường Đại học Phòng cháy chữa cháy (PCCC), việc theo dõi, kiểm tra đánh giá học viên tập luyện ngắm bắn luôn là quá trình khó khăn đòi hỏi giảng viên phải trực tiếp quan sát quá trình tập ngắm bắn cùng học viên trên súng tập của người tập thông qua một kính kiểm tra. Việc nghiên cứu đổi mới và cải tiến thiết bị kiểm tra đường ngắm gắn trên súng tập khi tập bắn súng tiểu liên AK nhằm giúp cho giáo viên giảng dạy giảm áp lực, thời gian và công sức trong việc kiểm tra tập, đánh giá và sửa tập cho học viên, giúp cho học viên nhìn thấy được kết quả tập luyện của mình, trực quan sinh động, tạo hứng thú khi luyện tập, từng bước đổi mới phương pháp, góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học cho môn học Giáo dục quốc phòng tại Trường Đại học PCCC.*

Từ khóa: *Trường Đại học PCCC, Bắn súng, thiết bị kiểm tra, đường ngắm, súng tiểu liên AK.*

Abstract: *During the delivery of a gun shooting course at the University of Fire Prevention and Fighting, it is challenging to monitor and evaluate the cadets' performance, requiring the teachers to observe the students' progress directly on the practiced gun through a testing glass plate. Research to innovate and improve the aiming device mounted on AK rifles helps the teachers reduce pressure, time, and effort in examining, evaluating, and correcting the cadets. It also helps the cadets to see their results with vivid visualization, thus motivating them in practicing, and innovates the teaching method, contributing to raising the teaching quality of the gun shooting course at the University of Fire Prevention and Fighting.*

Keywords*: University of Fire Prevention and Fighting, shooting, aiming device, AK rifle.*

Ngày nhận bài*: 12/10/2023;* ***Ngày thẩm định****: 20/10/2023;* ***Ngày duyệt đăng****: 05/4/2024.*

1. Đặt vấn đề

Bắn súng là một nội dung quan trọng trong chương trình môn học Giáo dục quốc phòng, nằm trong chương trình đào tạo chính quy của tất cả các hệ trong Trường Đại học PCCC. Bắn súng là nội dung mang tính đặc thù của môn học GDQP đòi hỏi người học vừa nắm chắc lý thuyết, vừa thực hành luyện tập, lấy thực hành làm chính để thuần thục nhiều yếu lĩnh động tác ngắm, bắn và kết thúc phát bắn. Thông qua môn học này các em không chỉ rèn luyện về kỹ thuật mà còn rèn luyện cho các em về ý chí quyết tâm, tính kiên trì bền bỉ trong tập luyện mới đạt được hiệu quả cao trong học tập theo khẩu hiệu của môn học đó là: "Khổ luyện thành tài, chai tay bắn giỏi". Vì vậy việc theo dõi luyện tập, phát hiện và sửa tập cho người học là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của giảng viên giảng dạy môn học này.

Trong thực tiễn giảng dạy nội dung bắn súng trong các trường CAND cũng như tại Trường Đại học PCCC thì giáo viên vẫn phải trực tiếp quan sát đường ngắm của học viên thông qua một thiết bị kính kiểm tra, tư thế luôn phải nằm hoặc cúi lom khom, mắt nhìn vào kính kiểm tra để theo dõi đường ngắm cho học viên nên thiếu mô phạm thiếu trực quan sinh động và không bao quát được lớp học. Đã có rất nhiều công trình nghiên cứu để cải tiến cách kiểm tra quan sát đường ngắm người học nhưng vẫn chưa có công trình nghiên cứu nào giúp người dạy thoát ra khỏi thiết bị kính kiểm tra và giúp giáo viên giảm áp lực, công sức để đánh giá kết quả ngắm bắn cho học viên, và học viên vẫn không tự đánh giá được kết quả của mình trong từng phát bắn.

Từ các lý do trên là cơ sở để chúng tôi tiến hành nghiên cứu cải tiến thiết bị kiểm tra đường ngắm nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy nội dung bắn súng tiểu liên AK trong môn học GDQP cho học viên Trường Đại học PCCC.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp kiểm tra sư phạm; Phương pháp thực nghiệm; Phương pháp toán học thống kê.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Đánh giá thực trạng bảo đảm dạy và học môn học bắn súng

2.1.1. Thực trạng cơ sở vật chất, thao trường bãi tập

Việc bảo đảm vũ khí trang bị tại Trường Đại học PCCC gặp nhiều khó khăn, súng để luyện tập là súng tiểu liên AK được cấp phát đã lâu, việc sửa chữa, bảo dưỡng còn hạn chế. Điều kiện thao trường bãi tập tại nhà trường cũng nhiều khó khăn, chưa có trường bắn AK tiêu chuẩn, chỉ có 2 trường bắn súng ngắn tại 2 cơ sở lại khá nhỏ nên số lượt tập của học viên trong một buổi tập được ít đã ảnh hưởng không nhỏ đến luyện tập và khả năng tiến bộ của học viên.

2.1.2. Thực trạng đối tượng (người học)

Đối tượng học tập môn GDQP là học viên năm thứ nhất, là lứa tuổi trẻ, khỏe, nhiệt tình trách nhiệm, thích trải nghiệm nhưng kinh nghiệm, bản lĩnh và tính kiên trì còn nhiều hạn chế nên việc rèn cho các học viên nắm chắc yếu lĩnh kỹ thuật ngắm bắn trong quá trình tập luyện, rèn bản lĩnh, tâm lí để có được động tác giữ súng ổn định khi ngắm bắn là rất khó khăn.

2.1.3. Thực trạng thiết bị kiểm tra đường ngắm (cũ)

Là thiết bị kính cầm tay để giáo viên quan sát trực tiếp vào đường ngắm của học viên, tư thế luôn phải nằm hoặc cúi lom khom, mắt nhìn vào kính kiểm tra để theo dõi đường ngắm cho học viên nên thiếu mô phạm trong suốt cả buổi học cho lớp 30 đến 40 học viên. Quá trình này căng thẳng và mệt mỏi, thiếu trực quan sinh động vì học viên không tự đánh giá được, quan sát được kết quả đường ngắm của mình và định lượng độ sai lệch để sửa tập. Nhiều học viên không tin, không biết là mình ngắm bắn thế đã đúng chưa và chính xác chưa. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng kết quả kiểm tra.

2.2. Giải pháp

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, thực trạng nêu trên, đề tài đưa ra giải pháp: gắn thiết bị đèn tia laze vào khẩu súng tập và sau mỗi phát bắn khi bóp cò thì đèn laze sẽ sáng lên và tượng trưng cho đường đạn đi vào mục tiêu được thực hiện.

Mục đích của giải pháp: Học viên vượt qua được sự nhàm chán vốn có của môn học bắn súng khi cả giáo viên và học viên đều cùng nhìn thấy kết quả ngắm bắn, kích thích hứng thú cho học viên luyện tập. Thông qua trực quan sinh động, học viên tự đánh giá được kết quả tập bắn của mình đã kích thích hứng thú luyện tập và sửa sai từ đó nâng cao hiệu quả chất lượng luyện tập và kiểm tra đường ngắm. Và đặc biệt thông qua đề tài này đã giảm thời gian kiểm tra, cường độ, công sức cho giáo viên giảng dạy và trực tiếp góp phần nâng cao chất lượng tập ngắm bắn cho học viên.

2.3. Kết quả ứng dụng cải tiến từ thiết bị kính kiểm tra cầm tay đến thiết bị ngắm bắn laze để hỗ trợ kiểm tra đường ngắm

2.3.1. Ứng dụng bài tập đã xác định trên thiết bị laze để hỗ trợ kiểm tra đường ngắm

Để xác định hiệu quả các bài tập đã xác định trên học viên, chúng tôi đã tổ chức ứng dụng thiết bị laze như sau: thiết bị được cải tiến là đèn laze công suất cao tia màu xanh hoặc đỏ chiếu xa ban ngày từ 150 đến 200m được gắn dưới nòng súng tập; Pin: 3,5 – 4,2v; AH từ 2500 – 4800Mah. Có thiết bị nạp điện cho pin; Các ốc vit cố định và điều chỉnh độ cao thấp (tầm) và độ lệch (hướng) của đèn với đường ngắm cơ bản trên súng; Dây dẫn điện từ đèn laze ra tay cò của súng để biến hành động bóp cò thành hành động bật đèn laze chiếu lên mục tiêu thể hiện đường đạn hiện trên bia tập thể hiện kết quả bắn lên mục tiêu và nhả tay cò để tắt đèn laze.

Đối tượng: Học viên 3 khóa: D36, D37, D38: 45 học viên/khóa.

Thời gian thực nghiệm; Để đánh giá hiệu quả thiết thực của các bài tập bổ trợ mà chúng tôi đã lựa chọn, đã tiến hành thực nghiệm trong quỹ thời gian theo phân phối chương trình là 53 tiết đối với hệ Đại học (12/2022 - 3/2023). Quá trình thực hiện dựa vào tiến trình giảng dạy cho mỗi buổi tập cũng như căn cứ vào trình độ, thể lực của học viên mà các bài tập bổ trợ chúng tôi đưa vào áp dụng thực nghiệm cho phù hợp và thực hiện đan xen các bài tập bổ trợ trong quá trình giảng dạy.

Số lượng buổi tập; 8 tiết tương ứng 2 buổi/ tuần. Áp dụng thực nghiệm tổng là: 53 tiết.

2.3.2. Đánh giá hiệu quả các bài tập đã xác định trên thiết bị gắn laze hỗ trợ kiểm tra ngắm bắn

Thời điểm nghiên cứu áp dụng thiết bị laze vào các khóa D36,D37,D38 chúng tôi tiến hành kiểm tra và so sánh kết quả bài bắn trước thực nhiệm và sau thực nhiệm như sau.

Thời điểm tháng 12/2023 nghiên cứu đánh giá thực trạng nội dung bắn súng tiểu liên AK khi chưa có thiết bị hỗ trợ kiểm tra ngắm bắn laze, kết quả của học viên (nam) trước thực nghiệm tại Trường Đại học PCCC như sau:

Bảng 1: Kết quả nội dung bắn súng tiểu liên AK khóa (D36,D37,D38) tại Trường Đại học PCCC trước khi có thiết bị gắn laze hỗ trợ kiểm tra đường ngắm.

Phân loại	D36		D37		D38	
	Σ	%	Σ	%	Σ	%
Xuất sắc	0	0	0	0	1	2,24
Giỏi	1	2,24	2	4,45	4	8,88
khá	12	***26,66***	9	***20***	6	***13,33***
Trung bình	25	***55,55***	27	***60***	15	***33,33***
Không đạt	7	***15,55***	7	***15,55***	19	***42,22***

Qua bảng 1 cho thấy ở thời điểm trước khi tiến hành thực nghiệm, kết quả nội dung bắn súng tiểu liên AK khi chưa có thiết bị hỗ trợ ở mức xếp loại Khá ở cả 3 khóa chỉ ở mức từ 13,33% cho đến 26,66%. Trong đó mức xếp loại Trung bình là từ 33,33 đến 55,55%. Mức không đạt từ 15,55% đến 42,22%.

Trên cơ sở kết quả nội dung bắn súng tiểu liên AK của các khóa trước thực nghiệm khi chưa có thiết bị hỗ trợ kiểm tra đường ngắm. Đề tài tiến hành thực nghiệm đưa thiết bị gắn laze hỗ trợ kiểm tra đường ngắm vào trên súng tập của học viên. Giáo viên sẽ

tiến hành hỗ trợ kiểm tra trong suốt quá trình tập luyện của học viên. Sau thời gian 3 tháng áp dụng thực nghiệm, chúng tôi tiến hành kiểm tra kết quả nội dung bắn súng tiểu liên AK của học viên. Kết quả được trình bày ở bảng 2:

Bảng 2: Bảng kết quả kiểm tra nội dung bắn súng tiểu liên AK của học viên các khóa D36,D37,D38 tại Trường Đại học PCCC sau thực nghiệm.

Phân loại	D36		D37		D38	
	Σ	%	Σ	%	Σ	%
Xuất sắc	1	2,22	2	4,44	4	8,88
Giỏi	7	15,55	10	22,22	6	13,33
khá	26	***57,77***	27	***60***	30	***66,66***
Trung bình	11	***24,44***	6	***13,33***	5	***11,11***
Không đạt	0	***0***	0	***0***	0	***0***

Qua bảng 2 cho thấy sau thời gian thực nghiệm ứng dụng thiết bị gắn LAZE hỗ trợ kiểm tra đường ngắm đã được xây dựng của đề tài, kết quả kiểm tra của học viên sau thực nghiệm đã tốt hơn hẳn trước thực nghiệm. Ở mức phân loại Xuất sắc, Giỏi đều có sự thay đổi về số lượng học viên tăng lên, đặc biệt ở mức khá đều có sự tiến bộ rõ rệt ở cả 3 khóa tương ứng với trên 55%. Và không còn học viên nào xếp loại không đạt.

Để thấy được sự tiến bộ rõ rệt của học viên sau khi thực nghiệm, chúng tôi xây dựng bảng so sánh kết quả trước và sau thực nghiệm ứng dụng thiết bị gắn laze hỗ trợ kiểm tra đường ngắm. Kết quả được trình bày ở bảng 3:

Bảng 3: So sánh kết quả trước và sau thực nghiệm.

Phân loại	D36		D37		D38	
	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN	Trước TN	Sau TN
Xuất sắc	0	***2,22***	0	***4,44***	2,24	***8,88***
Giỏi	2,24	***15,55***	4,45	***22,22***	8,88	***13,33***
Khá	26,66	***57,77***	20	***60***	13,33	***66,66***
Trung bình	55,55	***24,44***	60	***13,33***	33,33	***11,11***
Không đạt	15,55	***0***	15,55	***0***	42,22	***0***

Qua bảng 3 chúng ta có thể thấy rõ rằng, sau khi áp dụng thiết bị gắn laze hỗ trợ kiểm tra đường ngắm, kết quả nội dung bắn súng tiểu liên AK của học viên cả 3 khóa đều có sự tiến bộ rõ rệt. Ở mức xếp loại Khá, Giỏi, Xuất sắc đều có sự tiến bộ vượt bậc. Số lượng học viên xếp loại Trung bình giảm xuống thấp chỉ còn 11,11% - 24%. Số lượng học viên không đạt đã giảm hoàn toàn từ 15,55% xuống còn 0%.

Điều này chứng tỏ ứng dụng thiết bị gắn LAZE hỗ trợ kiểm tra đường ngắm có hiệu quả cao trong việc nâng cao kết quả học tập nội dung bắn súng tiểu liên AK trong môn GDQP của học viên Trường Đại học PCCC.

3. Kết luận

- Nghiên cứu thiết kế, cải tiến thiết bị kiểm tra đường ngắm từ thiết bị kính kiểm tra cầm tay đến thiết bị đèn laze gắn trực tiếp trên súng tập đã đạt được: thiết kế đơn giản, tiện sử dụng và dễ cài đặt; giá thành, chi phí thấp: (khoảng 2 triệu đồng/ 1 bộ thiết bị dùng lâu dài, mức tiêu thụ nhiên liệu thấp).

- Thiết bị kiểm tra đường ngắm gắn trên súng Tiểu liên AK có khả năng ứng dụng và áp dụng vào thực tiễn dạy và học các nội dung bắn súng tại Trường Đại học PCCC, giảm được rất nhiều công sức, áp lực và cường độ cho đội ngũ giảng viên, tạo hứng thú luyện tập và động lực cho học viên.

- Thông qua kết quả thực nghiệm và Kiểm tra bắn của học viên các khóa D36,D37,D38 tại Trường Đại học PCCC; Kết quả của ứng dụng thiết bị hỗ trợ kiểm tra ngắm bắn bằng LAZE đã đạt hiệu quả cao trong việc nâng cao chất lượng tập ngắm bắn, và nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập cho học viên học môn GDQP tại Trường Đại học PCCC.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Huy Hiệp, Nguyễn Mạnh Hưởng, Lưu Ngọc Khải (2008), *Giáo trình quốc phòng an ninh tập hai,* Nxb GDVN.
2. Nguyễn Đình Trường (2000), *Thực trạng, giải pháp và những bài tập nâng cao khả năng ngắm bắn cho VĐV,* Nxb QĐ.
3. Lê Thanh Phong (2003), *Kỹ thuật ngắm bắn là khâu then chốt để nâng cao thành tích cho VĐV,* Nxb QĐ.
4. Bộ Công An (2022), *Tài liệu huấn luyện quân sự và sử dụng công cụ hỗ trợ,* Nxb CAND.



Trung tướng, PGS, TS Lê Quang Bốn - Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng Trường Đại học PCCC và Đại tá, PGS, TS Lê Quang Hải - Phó Hiệu trưởng nhà trường tặng hoa cho các thí sinh trong Hội thi Chủ nhiệm Trung đội Giỏi cấp trường năm học 2023 - 2024.

Ảnh: Anh Tuân



Giảng viên Nguyễn QuangTrung - Khoa Phòng cháy thực hiện bài giảng dự thi tại Hội thi Giảng viên dạy giỏi cấp Trường năm học 2023 - 2024.

Ảnh: Việt Hương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY
THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NGÀNH PCCC&CNCH NĂM 2024

1. TUYỂN SINH TUYỂN MỚI CÔNG DÂN VÀO NGÀNH CAND



- Đại học chính quy đối với học sinh phổ thông và chiến sỹ nghĩa vụ tại ngũ: **CHỈ TIÊU 140**

- Đại học chính quy đối với công dân đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên (văn bằng 2): **CHỈ TIÊU 50**

2. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ DÂN SỰ (NGOÀI NGÀNH CÔNG AN)



- Đại học chính quy **CHỈ TIÊU 120**
- Đại học vừa làm vừa học **CHỈ TIÊU 60**
- Đại học chính quy cho người có bằng tốt nghiệp từ trình độ đại học trở lên (văn bằng 2): **CHỈ TIÊU 80**
- Đại học vừa làm vừa học cho người có bằng tốt nghiệp từ trình độ đại học trở lên (văn bằng 2): **CHỈ TIÊU 220**
- Liên thông từ trung cấp lên đại học chính quy: **CHỈ TIÊU 30**
- Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học **CHỈ TIÊU 60**

CƠ HỘI VIỆC LÀM
SAU TỐT NGHIỆP

- Thành lập các doanh nghiệp tư nhân giữ vai trò là Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc các công ty hoạt động trong lĩnh vực phòng cháy chữa cháy:
+ Chỉ huy, giám sát thi công về phòng cháy và chữa cháy;
+ Chuyên gia trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế; thẩm tra, thẩm định chất lượng công trình phòng cháy và chữa cháy;
+ Chuyên gia trong lĩnh vực quản lý dự án; Lập dự toán, tính khối lượng công trình về phòng cháy và chữa cháy;
- Chuyên gia trong lĩnh vực kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy;
- Nghiên cứu sản xuất, lắp ráp phương tiện phòng cháy và chữa cháy phân phối ra thị trường;
- Chuyên gia trong lĩnh vực huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy;
- Phụ trách an toàn cháy nổ của các tập đoàn nhà nước, các công trình trọng điểm quốc gia, doanh nghiệp tư nhân như: Vingroup, Sungroup, Petrolimex, Sacombank, MBbank, Vinacomin, VNPT, Samsung, Yamaha, Honda; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Công ty TNHH AEON, Công ty TNHH Panasonic…; Khu công nghiệp, dầu khí, mỏ than khoáng sản, cảng hàng không, các công ty đường sắt, đường thuỷ như: tập đoàn Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu công nghiệp Nam Thăng Long; cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Tân Sơn Nhất….
- Ban quản lý an toàn vận hành các toà nhà chung cư, nhà cao tầng, chợ, trung tâm thương mại…

QUYỀN LỢI CỦA SINH VIÊN HỆ DÂN SỰ

Bên cạnh các quyền lợi theo quy định, sinh viên nhà trường còn được bố trí ký túc xá trong khuôn viên trường nhằm giúp cho các bạn có thể tiết kiệm chi phí. Trong quá trình học, sinh viên có cơ hội tham gia làm việc bán thời gian tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực Phòng cháy và chữa cháy có liên kết với trường. Sau khi tốt nghiệp, các bạn sẽ được tạo cơ hội tiếp cận với các doanh nghiệp có nhu cầu nhân sự về lĩnh vực PCCC và CNCH để lựa chọn cho mình công việc phù hợp.

** Để biết thêm chi tiết thí sinh truy cập vào đây:*

Facebook | Zalo | Website